

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Số: 63 /CBTT-HEM

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2019

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước**

**- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

- Mã chứng khoán: HEM

- Địa chỉ: Km12 đường Cầu Diễn, P.Phúc Diễn, Q.Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội

- Điện thoại liên hệ: 02437655510

Fax: 02437655509

- E-mail: taichinhketoanhem@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội trân trọng thông báo về Bản công bố thông tin chi tiết của đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2019.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01/02/2019 tại đường dẫn: <http://www.hem.vn/quan-he-co-dong/thong-bao/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**\* Tài liệu đính kèm:**

- Bản công bố thông tin;
- Đăng ký kinh doanh; Điều lệ HEM;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 2017; bản niên 2018.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Yến

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

*(Số 0100100456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày  
03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 02/07/2018)*

## **THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ**

**THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ CỦA  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI ĐƯỢC NÊU  
TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CHI TIẾT  
CỦA ĐỢT PHÁT HÀNH. NHÀ ĐẦU TƯ ĐƯỢC YÊU CẦU XEM XÉT  
KỶ CẢ HAI TÀI LIỆU NÀY KHI RA QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ**



## PHẦN I

### TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. Tên doanh nghiệp phát hành: Công ty cổ phần Chế Tạo Điện Cơ Hà Nội (“Tổ Chức Phát Hành”)
2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần đại chúng
3. Tổng số lượng trái phiếu phát hành: 2.000 Trái phiếu (*Hai nghìn Trái Phiếu*)
4. Tổng giá trị phát hành: 200.000.000.000 VNĐ (*Hai trăm tỷ Đồng*)
5. Mục đích phát hành: Tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành
6. Điều kiện điều khoản của trái phiếu:

Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 163/2018/NĐ – CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp

  - a. *Kỳ hạn trái phiếu:* 01 (một) năm
  - b. *Mệnh giá:* 100.000.000 VNĐ/trái phiếu (*Một trăm triệu đồng một trái phiếu*)
  - c. *Loại hình trái phiếu:* Trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo và không kèm theo chứng quyền.
  - d. *Hình thức trái phiếu:* Trái phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử
- c. *Lãi suất danh nghĩa dự kiến:*
  - Lãi suất áp dụng cho toàn bộ kỳ hạn trái phiếu là lãi suất cố định và mức lãi suất tối đa không vượt quá 11%/năm.
  - *Kỳ Trả Lãi của Trái Phiếu:* 06 tháng/lần, kể từ và bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Trả Lãi đó, cho đến, nhưng không bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Trả Lãi tiếp theo.
7. Mua lại trái phiếu trước hạn
  - i. Tổ Chức Phát Hành có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu, hoặc chỉ định người khác mua lại Trái Phiếu cho mình vào bất cứ lúc nào, bằng bất cứ phương thức nào và với bất cứ giá nào. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định có bán Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành hay không. Việc chào mua công khai Trái Phiếu như vậy sẽ được áp dụng cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu với cùng một điều kiện và theo tỷ lệ tương ứng với số tiền gốc của Trái Phiếu mà mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ. Bất cứ Trái

Phiếu nào do Tổ Chức Phát Hành mua lại sẽ không được tính vào số phiếu được quyền biểu quyết trong các cuộc họp những Người Sở Hữu Trái Phiếu.

- ii. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể đề nghị Tổ Chức Phát Hành mua lại một phần hoặc toàn bộ các Trái Phiếu do Người Sở Hữu Trái Phiếu đó nắm giữ vào bất cứ lúc nào, bằng bất cứ phương thức nào và với bất cứ giá nào. Tổ Chức Phát Hành có quyền quyết định việc có thực hiện việc mua lại Trái Phiếu được chào bán đó hay không. Trong trường hợp quyết định mua lại, Tổ Chức Phát Hành phải thực hiện thông báo và chào mua công khai với tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu còn lại. Trên cơ sở khối lượng và giá Trái Phiếu được những Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại và tổng mệnh giá và giá Trái Phiếu dự kiến mua lại từ Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành sẽ quyết định khối lượng, giá mua lại và thời điểm mua lại Trái Phiếu (trong trường hợp tổng mệnh giá Trái Phiếu đăng ký bán lại tại một mức giá cụ thể lớn hơn tổng mệnh giá Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành quyết định mua lại thì Tổ Chức Phát Hành sẽ phân bổ khối lượng Trái Phiếu được mua lại tại mức giá đó trên cơ sở tỷ lệ mệnh giá Trái Phiếu mà một Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại tại mức giá đó và tổng mệnh giá Trái Phiếu được đăng ký bán lại tại mức giá tương ứng).
- iii. Nếu Trái Phiếu được đăng ký hoặc niêm yết để giao dịch tập trung trên một sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua Trái Phiếu tại bất kỳ thời điểm nào, từ bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào và theo bất kỳ giá nào phù hợp với quy chế giao dịch có liên quan của sở giao dịch chứng khoán đó. Khi đó quy định tại mục (i) và (ii) sẽ không áp dụng.

8. Ngày phát hành dự kiến:

Quý 1/2019

9. Giao dịch trái phiếu:

Trái Phiếu bị hạn chế giao dịch trong phạm vi dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trừ trường hợp theo quyết định của tòa án hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

10. Các thông tin khác

– Tổ chức tư vấn và đại lý phát hành

+ Công ty cổ phần chứng khoán IB

+ Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà GELEX, 52 Lê Đại Hành,

Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

+ Điện thoại: 024 4456 8888 Fax: 024 3978 5379

- Đại lý đăng ký lưu ký, chuyển nhượng trái phiếu:

+ Công ty Cổ phần chứng khoán Thành Công

+ Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn  
Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

+ Điện thoại: 028 3827 0527 Fax: 028 3821 8010

- Đại lý quản lý tài sản bảo đảm:

+ Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam –  
Chi nhánh Số Giao dịch 1

+ Địa chỉ: Tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà  
Trưng, TP. Hà Nội

+ Điện thoại: 0243 22224234 Fax: 0243 22232144

## PHẦN 2

### THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

#### I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. Doanh nghiệp phát hành: Công ty cổ phần Chế Tạo Điện Cơ Hà Nội
2. Ông Hà Đình Minh Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
3. Ông Bùi Quang Vinh Chức vụ: Tổng Giám đốc
4. Bà Nguyễn Thị Thanh Yến Chức vụ: Kế Toán Trưởng
5. Bà Phạm Thị Minh Cúc Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, phù hợp với thực tế hoặc đã được điều tra, thu thập một cách hợp lý.

#### II. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

##### 1. Công ty Cổ phần Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội là Nhà máy Chế tạo điện cơ, được thành lập ngày 15 tháng 01 năm 1961 và đặt trụ sở chính tại 44B Lý Thường Kiệt – phường Trần Hưng Đạo – Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội.
- Từ ngày 15 tháng 02 năm 1996 đổi tên thành Công ty Chế tạo điện cơ theo Quyết định số 502/QĐ-TCCB ngày 15 tháng 02 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.
- Theo Quyết định số 3110/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp ngày 27 tháng 12 năm 2001, Công ty đổi tên thành Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội và đặt trụ sở chính tại Km 12 QL.32 – Phú Diễn – Từ Liêm – Hà Nội.
- Công ty được chuyển thành Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Chế tạo điện cơ Hà Nội từ ngày 31 tháng 12 năm 2004 với số vốn điều lệ là: 154.186.000.000 đồng.
- Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 3012/QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2009 trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Nhà nước một thành viên thành Công ty cổ phần.
- Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/7/2009 với số vốn điều lệ ban đầu là 320.000.000.000 đồng. Từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty đã trải qua hai đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Hiện tại, Vốn điều lệ của Công ty là 368.000.000.000 đồng.
- Ngày 07/12/2016, Công ty cổ phần Chế Tạo Điện Cơ Hà Nội được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán với số lượng cổ phiếu đăng ký là 36.800.000 cổ phiếu;

- Ngày 26/12/2016, Công ty CP Chế Tạo Điện Cơ Hà Nội được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trên sàn Upcom.

## 2. Cơ cấu tổ chức, bộ máy của doanh nghiệp

### 2.1 Tổ chức của doanh nghiệp



- a. Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con trong đó Công ty mẹ của Công ty cổ phần Chế Tạo Điện Cơ Hà Nội là:

#### Công ty TNHH Thiết Bị Điện GELEX

- Trụ sở chính: Tầng 23, Tòa nhà Gelex, Số 52 phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3825 7979 Fax: (84-4) 3826 0735
- Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0107547109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 29/08/2016.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh Thiết bị Điện
- Vốn điều lệ (tại thời điểm 31/12/2018): 2.218.700.000.000 đồng
- Vốn góp của Công ty TNHH Thiết Bị Điện GELEX tại Công ty cổ phần Chế Tạo Điện Cơ Hà Nội (tại ngày 31/12/2018): 242.422.450.000 đồng, tương đương 65,88% vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Chế Tạo Điện Cơ Hà Nội.

#### b. Công ty con của Công ty:

- Công ty cổ phần Điện cơ Hà Nội
  - + Địa chỉ: Lô J12, đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.
  - + Giấy đăng ký kinh doanh số: 0304776475 được cấp lần đầu ngày 03/01/2007.
  - + Tỷ lệ sở hữu của HEM (31/12/2018): 99,82% Vốn điều lệ
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội
  - + Địa chỉ: Km12, đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- + Thành lập ngày 03/08/2007 theo quyết định số 3997/QĐ – BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.
- + Tỷ lệ sở hữu của HEM (31/12/2018): 100% Vốn điều lệ
- Công ty cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari (VIHEM) (\*)
  - + Địa chỉ: Tổ 24, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
  - + Giấy đăng ký kinh doanh số: 0100101925 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 23/11/2017.
  - + Tỷ lệ sở hữu của HEM (31/12/2018): 65,37% Vốn điều lệ

(\*) ngày 20/11/2018 Công ty cổ phần Chế Tạo Điện Cơ Hà Nội đã ra nghị quyết số 19/2018/NQ – HĐQT về việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu VIHEM.

**c. Các công ty mà doanh nghiệp phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:**

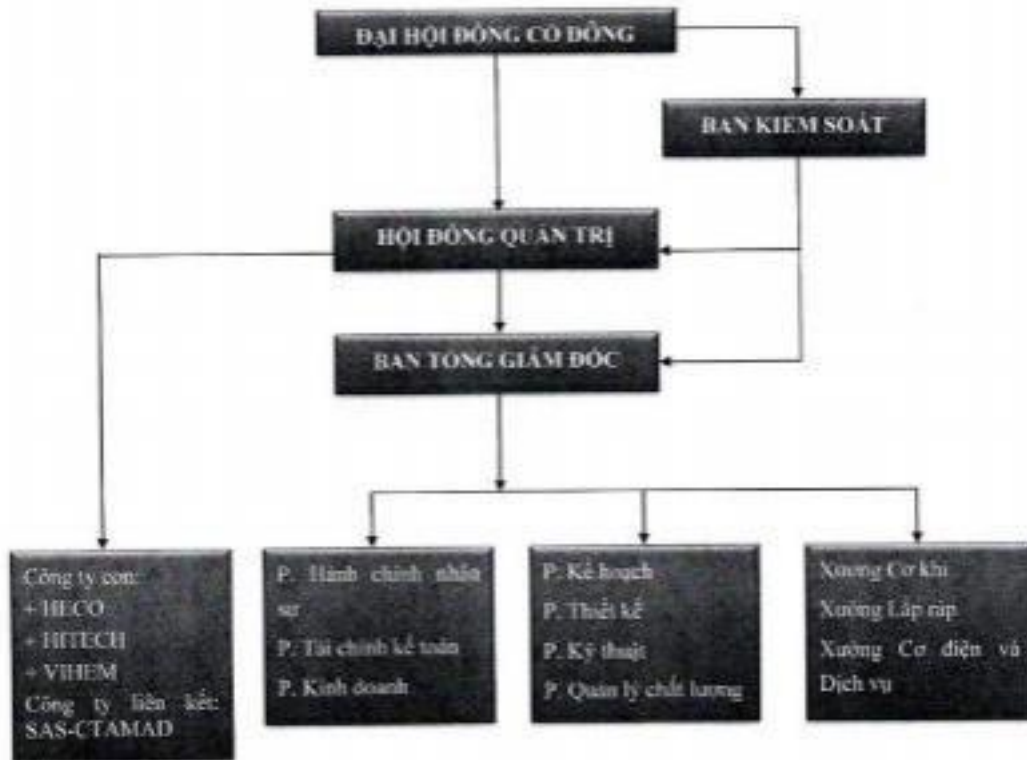
- Công ty cổ phần Điện cơ Hà Nội;
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội;
- Công ty cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari.

**d. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với doanh nghiệp phát hành:**

- Công ty TNHH Thiết Bị Điện GELEX.



2.2 Bộ máy của doanh nghiệp



Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Chế Tạo Điện Cơ Hà Nội đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển, chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

**a. Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định và phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng, giảm vốn điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức, quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, và quyết định tổ chức lại, giải thể công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

**b. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ làm Chủ tịch. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

**c. Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc của Công ty gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính trước Hội đồng quản trị về tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

**d. Khối điều hành**

- Phòng Hành chính – Nhân sự
- + Giữ vệ sinh môi trường, bảo đảm an toàn lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.
- + Tổ chức công tác bảo đảm an ninh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Công ty.
- + Quản lý hồ sơ nhân sự toàn Công ty, tiếp nhận - phân phối – lưu trữ các tài liệu liên quan đến quy định của pháp luật theo quy định của Tổng Giám Đốc Công ty.
- + Phụ trách công tác tiền lương, tuyển dụng, đào tạo, nâng lương, nâng bậc của Công ty.

- Phòng Kế hoạch
  - + Xây dựng kế hoạch sản xuất của Công ty.
  - + Đôn đốc các đơn vị thực hiện sản xuất theo đúng kế hoạch
  - + Cân đối đồng bộ vật tư, bán thành phẩm cho các đơn vị thực hiện kế hoạch.
- Phòng Tài chính – Kế toán
  - + Tổ chức triển khai công tác kế toán trong Công ty theo đúng luật kế toán, theo các chuẩn mực kế toán và các quy định của Bộ tài chính, của pháp luật hiện hành.
  - + Xây dựng kế hoạch Tài chính hàng quý, hàng năm. Phân tích báo cáo tài chính, đưa ra những dự báo tình hình tài chính trong tương lai.
  - + Thực hiện quản lý phòng Tài chính- Kế toán theo chức năng nhiệm vụ mà Công ty quy định.
- Phòng Kỹ thuật
  - + Quản lý công tác kỹ thuật của Công ty.
  - + Kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão và bảo vệ môi trường.
  - + Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất
  - + Áp dụng khoa học công nghệ, tiêu chuẩn hóa, công nghệ thông tin, viễn thông và hệ thống quản lý sản xuất.
  - + Đào tạo phát triển nguồn nhân lực phần chuyên môn kỹ thuật.
- Phòng Thiết kế
  - + Phụ trách thiết kế và phát triển sản phẩm mới của Công ty., Xây dựng, quản lý và ban hành hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn nghiệm thu sản phẩm của Công ty, thử nghiệm các sản phẩm mới.
  - + Quản lý công tác nghiên cứu khoa học của Công ty. Thực hiện công tác nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng Khoa học kỹ thuật trong Công ty.
  - + Thực hiện một số chủ trương phát triển chiến lược của Công ty theo sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám Đốc.
- Phòng Quản lý chất lượng
  - + Là thư ký thường trực của công tác ISO.
  - + Tổ chức thực hiện quản lý tài liệu của hệ thống quản lý chất lượng.
  - + Đảm bảo việc tổ chức kiểm soát chất lượng vật tư, các sản phẩm được chế tạo tại Công ty đáp ứng được yêu cầu chất lượng do phòng Thiết kế, Kỹ thuật đưa ra.
  - + Đảm bảo tính pháp lý của sản phẩm bán ra thị trường.
  - + Quản lý thiết bị đo độ dài theo quy định.

- Phòng Kinh doanh
  - + Nghiên cứu, phát triển thị trường.
  - + Xây dựng kế hoạch kinh doanh. Tổ chức tiêu thụ sản phẩm trên toàn quốc.
  - + Cung cấp, bảo quản các vật tư đảm bảo chất lượng sản xuất.
  - + Tổ chức bảo hành các sản phẩm đáp ứng yêu cầu nhanh, tiện lợi.
- Các xưởng
  - + Xưởng Cơ khí
    - Gia công các chi tiết cơ khí của động cơ.
    - Gia công các sản phẩm cơ khí theo yêu cầu khách hàng.
  - + Xưởng Lắp ráp
    - Sản xuất động cơ điện truyền thống.
    - Sửa chữa, bảo hành động cơ có công suất nhỏ.
  - + Xưởng Cơ điện và dịch vụ
    - Sản xuất khuôn gá phục vụ sản xuất của Công ty.
    - Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị.
    - Bảo dưỡng, sửa chữa động cơ và máy phát có công suất lớn.

## 2.3 Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

### a. Hội đồng quản trị

#### - Chủ tịch HĐQT

- + Họ và tên : **HÀ ĐÌNH MINH**
- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 12/12/1952
- + Nơi sinh : Thọ Xuân – Thanh Hoá
- + Số CMND : 011412619
- + Nơi cấp : Công an TP. Hà Nội Ngày cấp: 20/09/2008
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Quê quán : Thanh Hoá
- + Địa chỉ thường trú hiện nay: 178 Tây Sơn – Đống Đa – Hà Nội
- + Trình độ văn hóa : 10/10
- + Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện khí hoá xí nghiệp
- + Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 1980 đến năm 1982	Kỹ sư, kỹ thuật viên Nhà máy động cơ điện Việt Nam - Hungari (VIHEM)
Từ năm 1982 đến năm 1985	Kỹ thuật viên, Phó phòng Cơ điện, Công ty cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam - Hungari
Từ năm 1985 đến năm 1993	Trưởng phòng cơ điện, Công ty cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam - Hungari
Từ năm 1993 đến năm 1996	Trợ lý giám đốc kiêm Giám đốc xưởng Cơ khí, Công ty cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam - Hungari
Từ năm 1996 đến năm 1998	Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam - Hungari
Từ năm 1999 đến năm 2000	Phó Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam - Hungari
Từ năm 2000 đến năm 2013	Bí thư Đảng ủy, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam - Hungari
Từ năm 2002 đến năm 2010	Ủy viên BCH Đảng bộ Khối công nghiệp Hà Nội
Từ năm 2003 đến năm 2007	Ủy viên HĐQT Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
Từ năm 2007 đến nay	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam - Hungari
Từ năm 2007 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam - Hungari 1
Từ năm 2007 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam - Hungari 2
Từ năm 2017 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội

+ Chức vụ hiện tại : Chủ tịch HĐQT CTCP Chế tạo điện cơ Hà Nội.

+ Hành vi vi phạm pháp luật : không có

+ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có

+ Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

+ Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

**- Thành viên HĐQT:**

+ Họ và tên : BÙI QUANG VINH

- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 17/08/1978
- + Nơi sinh : Quảng Ninh
- + Số CMND : 013490281
- + Nơi cấp : Công an TP. Hà Nội Ngày cấp: 27/11/2013
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Quê quán : Thái Thụy - Thái Bình
- + Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: 20 Hoè Nai – Nguyễn Trung Trực – Ba Đình – Hà Nội
- + Trình độ văn hóa : 12/12
- + Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kỹ thuật Cơ khí chính xác và Quang học.
- + Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 2001 đến năm 2006	Kỹ sư – Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2006 đến năm 2007	Phó Phòng Kỹ thuật – Công ty TNHH NN 1 Thành viên Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2007 đến năm 2008	Trưởng Phòng Thiết kế - Công ty TNHH NN 1 Thành viên Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2008 đến năm 2012	Trưởng Phòng Kỹ thuật – Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2013 đến năm 2015	Giám đốc Trung tâm khuôn mẫu và thiết bị - Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2015 đến năm 2016	Giám đốc Xưởng Cơ điện và dịch vụ - Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2016 đến năm 2018	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
Năm 2018	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Điện cơ Hà Nội
Từ năm 2018 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2018 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện cơ

Thời gian	Chức vụ
	Hà Nội
Từ năm 2018 đến nay	Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội

- + Chức vụ hiện tại : Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội.
- + Chức vụ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện cơ Hà Nội.
- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- + Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

**- Thành viên HĐQT:**

- + Họ và tên : **ĐOÀN VĂN QUÝ**
- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 11/07/1970
- + Nơi sinh : Hưng Yên
- + Số CMND : 011537328
- + Nơi cấp : Công an TP. Hà Nội Ngày cấp: 30/05/2007
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Quê quán : Kim Động – Hưng Yên
- + Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Số 6 Nguyễn Bình Khiêm – P. Nguyễn Du – Q.
- + Trình độ văn hóa : 12/12
- + Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thiết bị điện, Cử nhân kinh tế
- + Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 1992 đến năm 2004	Nhân viên, Phó Phòng, Trưởng Phòng Thiết kế - Kỹ thuật – Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2004 đến nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2014 đến nay	Ủy viên HĐQT CTCP Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2008 đến nay	Chủ tịch Hội đồng thành viên Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội

- + Chức vụ hiện tại : Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội.
- + Chức vụ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng thành viên Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội.
- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- + Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

**- Thành viên HĐQT:**

- + Họ và tên : **NGUYỄN TRỌNG TIÊU**
- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 20/11/1959
- + Nơi sinh : Minh Khai – Từ Liêm – Hà Nội
- + Số CMND : 001059011594
- + Nơi cấp : Cục Cảnh Sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- + Ngày cấp : 19/07/2018
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Quê quán : Minh Khai – Từ Liêm – Hà Nội
- + Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Số 2 Công Dục – Hàng Mã – Hà Nội
- + Trình độ văn hóa : 10/10
- + Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện, Cử nhân Kinh tế.
- + Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 1983 đến năm 1985	Kỹ sư Phòng Thiết kế - Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 1985 năm 1987	Nhập ngũ – Sĩ quan thuộc tiểu đoàn 2 – Lữ đoàn 596 – Bộ tư lệnh Thông tin liên lạc
Từ năm 1987 đến năm 1989	Kỹ sư Phòng Thiết kế - Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 1990 đến năm 1992	Phó Phòng Thiết kế - Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 1992 đến năm 2000	Trưởng Phòng Kinh doanh – Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2000 đến năm 2005	Phó Giám đốc Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2005 đến năm 2009	Giám đốc Công ty TNHH 1 TV Chế tạo điện cơ Hà Nội



<b>Thời gian</b>	<b>Chức vụ</b>
Từ năm 2009 đến năm 2010	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
Năm 2010	Phó Tổng giám đốc, Tổng Giám đốc Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam
Từ năm 2010 đến năm 2016	Tổng Giám đốc Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam
Từ năm 2017 đến năm 2018	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2010 đến nay	Ủy viên HĐQT Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam
Từ năm 2014 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Chế tạo Bơm Hải Dương
Từ năm 2015 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị điện
Từ năm 2016 đến nay	Tổng giám đốc Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex
Từ năm 2017 đến nay	Ủy viên HĐQT CTCP Chế tạo điện cơ Hà Nội

- + Chức vụ hiện tại : Ủy viên Hội đồng quản trị
- + Chức vụ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex, thành viên HĐQT Tổng Công ty cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam
- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- + Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

**– Thành viên HĐQT:**

- + Họ và tên : **BÙI QUỐC BẢO**
- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 02/07/1963
- + Nơi sinh : Kim Động - Hưng Yên
- + Số CMND : 033063001706
- + Nơi cấp : Cục Cảnh Sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- + Ngày cấp : 17/02/2017
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Quê quán : Kim Động – Hưng Yên
- + Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Tổ 25 – Thị trấn Đông Anh – Huyện Đông Anh – TP. Hà Nội
- + Trình độ văn hóa : 10/10
- + Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện khí hoá xi nghiệp

+ Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 1987 đến năm 1994	Kỹ thuật viên, Phòng Cơ điện, Công ty cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam – Hungari.
Từ năm 1994 đến năm 1998	Kỹ thuật viên, Xí nghiệp điện, Công ty cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam – Hungari
Từ năm 1999 đến năm 2000	Phó quản đốc, Xí nghiệp điện, Công ty cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam – Hungari
Từ năm 2000 đến năm 2001	Phó phòng, trưởng phòng Quản lý sản xuất, Công ty cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam – Hungari
Từ năm 2001 đến năm 2011	Trưởng phòng Kinh doanh, Công ty cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam – Hungari
Từ năm 2011 đến năm 2012	Phó Bí thư thường trực Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam – Hungari
Từ năm 2012 đến nay	Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam – Hungari
Từ năm 2013 đến nay	Phó Bí thư Đảng ủy, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam – Hungari
Từ năm 2018 - nay	Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam – Hungari Công ty cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội

- + Chức vụ hiện tại : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
- + Chức vụ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari
- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- + Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

**b. Ban Kiểm soát**

**– Trưởng Ban Kiểm soát**

- + Họ và tên : **PHẠM THỊ MINH CÚC**
- + Giới tính : Nữ
- + Ngày sinh : 17/11/1980
- + Nơi sinh : Hà Nội

- + Số CMND : 012053781
- + Nơi cấp : Công an TP. Hà Nội Ngày cấp: 04/12/2010
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Quê quán : Phú Xuyên – Hà Nội
- + Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Số 12 ngách 12/73 Phố Đào Tấn – Cống Vị - Ba Đình – Hà Nội.
- + Trình độ văn hóa : 12/12
- + Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán doanh nghiệp
- + Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 2002 đến năm 2008	Kế toán viên – Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2008 đến năm 2013	Kế toán Dự án “Tăng cường giám sát ngân sách cho đại biểu dân cử - UB tài chính ngân sách câu Quốc hội”
Năm 2013	Nhân viên Phòng Hành chính nhân sự - Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2013 đến năm 2015	Phó Phòng Hành chính nhân sự - Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2015 đến năm 2016	Trưởng phòng Hành chính nhân sự - Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2014 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát – Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2017 đến nay	Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex
Từ năm 2017 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát – Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ
Năm 2017	Thành viên Ban kiểm soát – Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Gelex
Từ năm 2017 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát – Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Gelex
Từ năm 2018 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát – Công ty cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà

- + Chức vụ hiện tại : Trưởng Ban kiểm soát

- + Chức vụ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex
- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- + Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

**- Thành viên BKS**

- + Họ và tên : **TẠ ĐÌNH LÂN**
- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 06/07/1971
- + Nơi sinh : Hưng Yên
- + Số CMND : 033071001645
- + Nơi cấp : Cục Cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư
- + Ngày cấp : 12/12/2016
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Quê quán : Hưng Yên
- + Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: P209 – C3 Tập thể Quân đội – Gia Thụy - Long Biên – Hà Nội.
- + Trình độ văn hóa : 12/12
- + Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
- + Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 1997 đến năm 2000	Kỹ sư tại Viện máy & Dụng cụ công nghiệp
Năm 2010	Kỹ sư tại CTCP Xây dựng & Thiết bị công nghiệp
Từ năm 2001 đến năm 2005	Quản đốc xưởng tại CTCP Xây dựng & Thiết bị công nghiệp
Từ năm 2005 đến năm 2008	Phó giám đốc CTCP Xây dựng và thiết bị công nghiệp CIE1
Từ năm 2008 đến năm 2015	Tổng Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Xây dựng và thiết bị công nghiệp CIE1
Từ năm 2016 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và thiết bị công nghiệp CIE1

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 2018 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và thiết bị công nghiệp CIEI

- + Chức vụ hiện tại : Ủy viên Hội đồng quản trị
- + Chức vụ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và thiết bị công nghiệp CIEI
- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- + Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

**- Thành viên BKS**

- + Họ và tên : **ĐOÀN THỊ LAN PHƯƠNG**
- + Giới tính : Nữ
- + Ngày sinh : 28/11/1981
- + Nơi sinh : Hà Nội
- + Số CMND : 001181000327
- + Nơi cấp : Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- + Ngày cấp : 01/02/2013
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Quê quán : Hà Nội
- + Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: P 301 - Khu căn hộ 33 Phan Bội Châu - Hoàn Kiếm - Hà Nội
- + Trình độ văn hóa : 12/12
- + Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- + Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Năm 2009	Nhân viên Phòng Tài chính - Kế toán, Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam
Từ năm 2009 đến năm 2010	Phó phòng Tài chính - Kế toán, Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam
Từ năm 2010 đến năm 2016	Phó phòng Tài chính - Kế toán, Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 2016 đến năm 2018	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện
Năm 2018	Kế toán trưởng Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX
Từ năm 2018 đến nay	Kế toán trưởng Công ty TNHH Thiết bị đo điện EMIC
Từ năm 2012 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chế tạo Máy Điện Việt Nam - Hungari
Từ năm 2014 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội

- + Chức vụ hiện tại : Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
- + Chức vụ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thiết bị đo điện EMIC
- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- + Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

**c. Ban điều hành, Kế toán trưởng**

**- Tổng giám đốc**

- + Họ và tên : **BÙI QUANG VINH**
- + Sơ yếu lý lịch như trên

**- Phó Tổng Giám đốc**

- + Họ và tên : **ĐOÀN VĂN QUÝ**
- + Sơ yếu lý lịch như trên

**- Phó Tổng Giám đốc**

- + Họ và tên : **HÀ TIÊN LỰC**
- + Giới tính : Nam
- + Ngày sinh : 15/07/1963
- + Nơi sinh : Ninh Bình
- + Số CMND : 037063001334
- + Nơi cấp : Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- + Ngày cấp : 10/08/2017
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh

- + Quê quán : Ninh Bình
- + Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Số 59 ngõ Lệnh Cư – Phố Khâm Thiên – P. Thổ Quan – Q. Đống Đa – TP. Hà Nội
- + Trình độ văn hóa : 10/10
- + Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- + Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 1988 đến năm 2001	Tổ trưởng Tổ sửa chữa Xưởng lắp ráp tại Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2001 đến năm 2002	Phó Quản đốc Xưởng lắp ráp Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2002 đến năm 2008	Giám đốc Xưởng Chế tạo biến thế Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2008 đến năm 2009	Phó Giám đốc Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2009 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội

- + Chức vụ hiện tại : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
- + Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có
- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- + Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

**– Kế toán trưởng**

- + Họ và tên : **NGUYỄN THỊ THANH YẾN**
- + Giới tính : Nữ
- + Ngày sinh : 08/11/1976
- + Nơi sinh : Hà Nội
- + Số CMND : 011828444
- + Nơi cấp : Công an TP. Hà Nội Ngày cấp: 25/06/2008
- + Quốc tịch : Việt Nam
- + Dân tộc : Kinh
- + Quê quán : Hưng Yên

- + Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: 102 Tổ 39 Hào Nam – Ô Chợ Dừa – Hà Nội
- + Trình độ văn hóa : 12/12
- + Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- + Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
Từ năm 2001 đến năm 2009	Kế toán viên Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
Năm 2009	Phó Phòng Tài chính kế toán – Công ty TNHH Nhà nước MTV Chế tạo điện cơ Hà Nội
Năm 2010	Trưởng phòng Tổ chức – Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2010 đến năm 2015	Phó Phòng Tài chính kế toán – Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2010 đến năm 2016	Trưởng ban kiểm soát – Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
Năm 2016	Thành viên Ban kiểm soát – Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
Từ năm 2016 đến năm 2018	Trưởng Ban kiểm soát – Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
Từ năm 2012 đến nay	Phó chủ tịch công đoàn – Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2014 đến năm 2016	Ủy viên HĐQT – Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
Từ năm 2015 đến nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội

- + Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội
- + Chức vụ tại các tổ chức khác: Ủy viên Hội đồng thành viên Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội

Trưởng Ban kiểm soát CTCP Điện cơ Hà Nội

- + Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- + Các khoản nợ đối với Công ty: Không có



### 3. Hoạt động kinh doanh chính và các dự án, hợp đồng đang triển khai

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội bao gồm các hoạt động sau:

- Thiết kế, chế tạo, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy bơm, máy phát điện, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện, và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- Cung cấp các dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

a. Cơ cấu doanh thu của Công ty qua các năm như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

Sản phẩm, dịch vụ	Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018		
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	tăng trưởng so với năm trước	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	tăng trưởng so với năm trước	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	tăng trưởng so với năm trước
Bán thành phẩm	380,57	57,77		414,02	80,09		171,83	36,69	
Bán hàng hóa	243,72	36,99		52,38	10,13		222,09	47,42	
Cung cấp dịch vụ	34,52	5,24		50,55	9,78		74,40	15,89	
<b>Tổng</b>	<b>658,81</b>	<b>100</b>	<b>32,79</b>	<b>516,95</b>	<b>100</b>	<b>-21,53</b>	<b>468,32</b>	<b>100</b>	<b>-9,41</b>

Nguồn: Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

- Tổng doanh thu năm 2018 đạt 468,32 tỷ đồng giảm gần 50 tỷ đồng so với năm 2017, tương đương với mức giảm 9.41%. Nguyên nhân dẫn đến sự tăng trưởng âm này do sự sụt giảm trong lĩnh vực kinh doanh các thiết bị điện dẫn đến doanh thu bán thành phẩm thiết bị điện (chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu thuần) giảm mạnh so với năm 2017.
- Có thể thấy rằng mặc dù tổng doanh thu của HEM trong giai đoạn 2016-2018 có chiều hướng sụt giảm nhưng cơ cấu doanh thu có sự điều chỉnh cân bằng giữa các lĩnh vực. Trái ngược với doanh thu bán thành phẩm, doanh thu trong lĩnh vực bán hàng

hóa năm 2018 có sự tăng trưởng mạnh với giá trị đạt 222 tỷ đồng tương ứng với mức tăng gần 325%. Doanh thu thuần năm 2018 của các lĩnh vực bán thành phẩm, bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ lần lượt là 171,8 tỷ đồng (37% doanh thu thuần), 222 tỷ đồng (47% doanh thu thuần) và 74 tỷ đồng (16% doanh thu thuần).

**b. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo sản phẩm của Công ty qua các năm như sau:**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

Sản phẩm, dịch vụ	Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018		
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	LNG/ DTT (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	LNG/ DTT (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	LNG/ DTT (%)
Bán thành phẩm	68,96	84,09	18,12	68,51	74,37	16,55	30,08	31,74	16,45
Bán hàng hóa	7,63	9,31	3,13	1,94	2,10	3,69	32,94	34,75	14,83
Cung cấp dịch vụ	6,14	7,48	17,78	22,83	24,78	45,16	31,76	33,51	42,69
<b>Tổng</b>	<b>82,01</b>	<b>100</b>	<b>12,45</b>	<b>92,12</b>	<b>100</b>	<b>17,82</b>	<b>94,78</b>	<b>100</b>	<b>20,24</b>

*Nguồn: Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội*

- Cũng giống như cơ cấu doanh thu thuần, trong năm 2016, 2017 lĩnh vực bán thành phẩm đem lại lợi nhuận thuần lớn nhất với tỷ trọng lên đến gần 85% năm 2016 và gần 75% năm 2017. Năm 2018, lợi nhuận gộp của lĩnh vực bán thành phẩm có sự sụt giảm mạnh, giá trị đạt hơn 28 tỷ đồng giảm gần 40 tỷ đồng so với năm trước và chỉ chiếm chưa đến 30% tỷ trọng cơ cấu doanh thu thuần. Bên cạnh đó, tỷ lệ lợi nhuận gộp trong lĩnh vực bán thành phẩm cũng có xu hướng giảm dần (năm 2018 tỷ lệ này là 16,45%)
- Hai lĩnh vực bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ có sự tăng trưởng tốt năm 2018 khi mức lợi nhuận gộp đạt lần lượt 32,94 tỷ đồng và 31,76 tỷ đồng. Đi kèm với đó là tỷ trọng của 2 lĩnh vực trên trong cơ cấu lợi nhuận gộp cũng tăng lên và chiếm tỷ trọng khá cao. Tỷ lệ lợi nhuận gộp biên của lĩnh vực bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cũng tăng lên đáng kể trong năm 2018 với tỷ lệ lần lượt là 14,83% và 42,69%.
- Mặc dù doanh thu thuần có sự sụt giảm không nhỏ giữa năm 2018 và năm 2017 nhưng lợi nhuận gộp của Công ty lại tăng lên, đạt 94,78 tỷ đồng. Mặc dù mức tăng không nhiều (hơn 2 tỷ đồng) nhưng lợi nhuận gộp của HEM trong giai đoạn 2016 – 2018 có xu hướng tăng. Lợi nhuận gộp năm 2018 đã chiếm hơn 20% doanh thu thuần tăng hơn 2% so với con số 17,8% của năm 2017. Điều này cho thấy Doanh nghiệp đã thực hiện quản lý khá tốt về các yếu tố chi phí đầu vào.

c. Chi phí sản xuất

Tỷ đồng

Sản phẩm, dịch vụ	Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018		
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng g (%)	%/ DTT (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	%/ DTT (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng g (%)	%/ DTT (%)
Giá vốn hàng bán	576,80	93,72	87,55	424,82	88,86	82,18	373,54	85,94	79,76
Chi phí tài chính	3,13	0,51	0,48	6,21	1,30	1,20	23,14	5,32	4,94
Chi phí bán hàng	1,82	0,30	0,28	13,36	2,79	2,58	6,52	1,50	1,39
Chi phí doanh nghiệp	33,69	5,47	5,11	33,70	7,05	6,52	31,45	7,24	6,72
<b>Tổng</b>	<b>615,44</b>	<b>100</b>	<b>93,42</b>	<b>478,10</b>	<b>100</b>	<b>92,48</b>	<b>434,64</b>	<b>100</b>	<b>92,81</b>

Nguồn: Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Tổng chi phí sản xuất của Công ty trong năm 2018 đạt 434,6 tỷ đồng, giảm gần 10% so với năm 2017. Với đặc thù của một doanh nghiệp sản xuất, giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao trên doanh thu thuần trong giai đoạn năm 2016 - 2018.

- Giá vốn hàng bán: Giá trị giá vốn hàng bán của Công ty trong năm 2018 đạt 373,54 tỷ đồng, giảm 12% so với giá vốn hàng bán của công ty mẹ trong năm 2017. Tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần có sự sụt giảm mạnh trong giai đoạn 2016 – 2018 từ mức 87,55% năm 2016 xuống mức 79,76%. Sự sụt giảm về giá trị tuyệt đối trong giá vốn hàng bán do sự sụt giảm của doanh thu. Tuy nhiên sự sụt giảm tương đối so với doanh thu chứng tỏ hoạt động sản xuất kinh doanh của HEM đang ngày càng hiệu quả hơn và đang có thay đổi theo chiều hướng tốt.
- Chi phí tài chính: Tổng chi phí tài chính của Công ty trong năm 2018 là hơn 23 tỷ đồng, tăng 272% so với chi phí tài chính của công ty mẹ năm 2017. Nguyên nhân một phần là thời gian sử dụng vốn vay trong năm 2018 dài hơn so với năm 2017. Trong 23 tỷ chi phí tài chính thì chi phí lãi vay chiếm hơn 8 tỷ đồng, ngoài ra các khoản lỗ chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cũng khiến chi phí tài chính năm 2018 tăng lên. Mặc dù tăng mạnh nhưng chi phí tài chính chỉ chiếm 5,32% trong cơ cấu chi phí và 4,94% doanh thu thuần.
- Chi phí bán hàng: Tổng chi phí bán hàng của Công ty trong năm 2018 đạt 6,5 tỷ đồng, giảm hơn 50% so với chi phí bán hàng trong năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2018, Công ty đã giảm mạnh các chi phí bảo hành và dịch vụ mua ngoài. Chi phí này chiếm khoảng 1,39% doanh thu thuần.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Tổng chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty trong năm 2018 là 31,45 tỷ đồng, giảm hơn 2 tỷ đồng so với năm 2017 tương ứng với mức giảm 6,72% so với chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2017. Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu thuần được giảm xuống mức khoảng 6,72%.

Có thể thấy rằng năm 2018 ngoài chi phí tài chính có sự tăng mạnh do những biến động không thuận lợi của thị trường chứng khoán thì các chi phí khác đều có sự sụt giảm về giá trị tuyệt đối. Qua phân tích chi tiết các chi phí cũng thấy rằng HEM ngày càng kiểm soát tốt các chi phí đầu vào và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### 4. Tình hình tài chính

##### 4.1 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong 3 năm liền trước năm phát hành

###### a. Chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ

TT	Chỉ tiêu	2016	2017	2018
1	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	477,59	484,55	496,36
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,32	0,54	0,41
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	88,16	81,06	70,00
4	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	18,46%	16,73%	14,10%

*Nguồn: Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2016, 2017 và báo cáo tài chính Quý 4 năm 2018 của HEM.*

- Theo báo cáo tài chính riêng, lợi nhuận sau thuế của HEM có xu hướng sụt giảm, tỷ lệ sụt giảm cũng không nhỏ. Lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty đạt 70 tỷ đồng giảm hơn 11 tỷ đồng so với năm 2017. Điều này khiến cho chỉ tiêu ROE cũng giảm tương ứng và chỉ đạt 14,1% năm 2018 so với con số 16,73% năm 2017.
- Tuy nhiên, việc tăng lên của Vốn chủ sở hữu và sự sụt giảm trong vốn vay làm cho hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm xuống còn 0,41 năm 2018. Trong so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành thì tỷ trọng này cho thấy cơ cấu nguồn vốn của HEM khá an toàn.

###### b. Chỉ tiêu tài chính Hợp nhất

TT	Chỉ tiêu	2016	2017	2018
1	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	576,49	572,18	644,56
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,27	0,46	0,36
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	68,16	80,33	94,14
4	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	11,82%	14,04%	14,61%

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2016, 2017 và báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2018 của HEM.*

- Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của HEM đều phản ánh một chỉ tiêu tài chính an toàn, cơ cấu nợ/vốn chủ sở hữu khá thấp, rủi ro liên quan đến các khoản vay nợ thấp. Bên cạnh đó, lợi nhuận sau thuế hợp nhất lại có xu hướng gia tăng. Điều đó cho thấy hoạt động của HEM và các công ty con, công ty liên kết ngày càng hiệu quả hơn.

#### **4.2 Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016, 2017 và Báo cáo tài chính quý IV năm 2018 của HEM, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

- Các khoản phải trả

*Các khoản phải trả*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2016</b> <b>(tỷ đồng)</b>	<b>31/12/2017</b> <b>(tỷ đồng)</b>	<b>31/12/2018</b> <b>(tỷ đồng)</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>143,73</b>	<b>252,09</b>	<b>197,50</b>
Vay và nợ ngắn hạn	46,55	153,46	116,53
Phải trả người bán	51,32	54,77	60,83
Người mua trả tiền trước	3,89	3,02	0,57
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1,83	6,82	5,28
Phải trả người lao động	15,64	13,40	8,95
Chi phí phải trả	2,59	0,82	1,11
Phải trả ngắn hạn khác	3,41	3,16	0,29
Dự phòng phải trả ngắn hạn	14,04	10,67	0,92
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4,10	5,96	2,92
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>7,19</b>	<b>7,74</b>	<b>6,38</b>
Phải trả dài hạn khác			0,05
Dự phòng phải trả dài hạn	5,56	6,12	6,33
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1,64	1,62	
<b>Tổng cộng</b>	<b>150,57</b>	<b>259,83</b>	

*Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC riêng quý IV năm 2018 của HEM*

*Chi tiết các khoản vay*

<b>Chi tiêu</b>	<b>31/12/2016</b> (tỷ đồng)	<b>31/12/2017</b> (tỷ đồng)	<b>31/12/2018</b> (tỷ đồng)
<b>Vay và nợ ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>46,55</b>	<b>153,46</b>	<b>116,53</b>
NH TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	2,04	40,97	74,65
NH TNHH MV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	32,92	31,39	3,93
NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai		36,66	
NH TNHH CTBC – chi nhánh TP Hồ Chí Minh		31,91	9,18
NH TMCP Quân đội – CN Mỹ Đình			10,90
Công đoàn CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	1,27	1,59	0,48
Trường CĐ Công nghệ Hà Nội			10,6
Cán bộ công nhân viên	10,31	10,92	6,80

*Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC riêng quý IV năm 2018 của HEM*

Các khoản vay của HEM trong năm 2016, 2017 và 2018 chủ yếu là các khoản vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động, tài trợ hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi. Các khoản vay, nợ của Công ty đều có nguồn thanh toán đầy đủ và đúng hạn.

#### **4.3 Tình hình nộp ngân sách nhà nước**

*Các khoản phải nộp theo luật định*

<b>Chi tiêu</b>	<b>31/12/2016</b> (tỷ đồng)	<b>31/12/2017</b> (tỷ đồng)	<b>31/12/2018</b> (tỷ đồng)
Thuế giá trị gia tăng		0,77	1,41
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu (*)	(0,08)	(0,01)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,57	5,93	3,81
Thuế thu nhập cá nhân	0,26	0,12	0,06
Các loại thuế khác			
<b>Tổng</b>	<b>1,75</b>	<b>6,81</b>	<b>5,28</b>

*Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC riêng quý IV năm 2018 của HEM (\*): đây là khoản thuế xuất nhập khẩu doanh nghiệp phải thu. Số phải thu là hơn 80 triệu đồng tại thời điểm 31/12/2016 và hơn 10 triệu đồng tại thời điểm 31/12/2017 theo BCTC riêng kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC riêng quý IV năm 2018 của HEM.*

Hiện tại, Công ty đều thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản phải nộp theo luật định, các khoản thuế đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Nhà nước. Công ty không có các khoản nợ phải nộp theo luật định.

### III. THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

#### 1. Căn cứ pháp lý của đợt phát hành:

- Nghị định số 163/2018/NĐ – CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
- Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế Tạo Điện Cơ Hà Nội thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2019.

#### 2. Việc đáp ứng các điều kiện phát hành trái phiếu của doanh nghiệp:

- Thời gian hoạt động của doanh nghiệp: năm 1961
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và 6 tháng năm 2018 (theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 và báo cáo tài chính soát xét bán niên 2018 của THIBIDI)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017 (tỷ đồng)	6 tháng đầu năm 2018 (tỷ đồng)
1	Doanh thu thuần	516,94	197,46
2	Giá vốn	424,82	160,11
3	Lợi nhuận gộp	92,12	37,36
4	Doanh thu tài chính	52,54	1,33
5	Chi phí tài chính	6,21	20,46
6	Chi phí bán hàng	13,36	3,71
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	33,70	12,78
8	Lợi nhuận trước thuế	90,07	3,64
9	Lợi nhuận sau thuế	81,06	2,86

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC soát xét bán niên 2018 của HEM*

- Số lượng nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu của đợt phát hành: Dưới 100 nhà đầu tư
  - Phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt tại: Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế Tạo Điện Cơ Hà Nội thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2019.
  - Tình hình thanh toán các khoản nợ trái phiếu đến hạn trong 03 năm liền kể trước đợt phát hành trái phiếu: Không
  - Hợp đồng tư vấn ký với Công ty Chứng khoán chứng khoán IB
3. Mục đích phát hành trái phiếu: Tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành
4. Tổng giá trị trái phiếu dự kiến phát hành: 200.000.000.000 (hai trăm tỷ) đồng
5. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu:
- Kỳ hạn trái phiếu: 01 (một) năm
  - Khối lượng phát hành: 2.000 (hai nghìn) trái phiếu
  - Đồng tiền phát hành và thanh toán trái phiếu: Đồng Việt Nam
  - Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 (một trăm triệu) đồng/trái phiếu
  - Hình thức trái phiếu: Trái phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử
  - Lãi suất danh nghĩa trái phiếu:
    - + Lãi suất áp dụng cho toàn bộ kỳ hạn trái phiếu là lãi suất cố định và mức lãi suất tối đa không vượt quá 11%/năm.
    - + Kỳ Trả Lãi của Trái Phiếu: 06 tháng/lần, kể từ và bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Trả Lãi đó, cho đến, nhưng không bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Trả Lãi tiếp theo.
  - Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo và không kèm theo chứng quyền.
  - Giao dịch trái phiếu: Trái phiếu bị hạn chế giao dịch trong phạm vi dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trừ trường hợp theo quyết định của tòa án hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
- (\*) Nhà đầu tư khi thực hiện đầu tư trái phiếu phát hành riêng lẻ năm 2019 của Tổ Chức Phát Hành cần tham khảo thêm Bản công bố thông tin chi tiết tại thời điểm phát hành.*
6. Ngày phát hành dự kiến: Quý 1/2019
7. Phương thức phát hành: Phát hành trái phiếu riêng lẻ thông qua đại lý phát hành cho dưới 100 nhà đầu tư không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và không sử dụng phương tiện thông tin đại chúng và internet.
8. Các tổ chức tham gia đợt phát hành:
- Tổ chức tư vấn và đại lý phát hành: Công ty cổ phần chứng khoán IB



- Đại lý đăng ký lưu ký, chuyển nhượng trái phiếu: Công ty Cổ phần chứng khoán Thành Công
  - Đại lý quản lý tài sản bảo đảm: Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 1
- 9. Quyền của nhà đầu tư sở hữu trái phiếu:**
- Được Tổ Chức Phát Hành trái phiếu thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn.
  - Được dùng trái phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại, thừa kế, chiết khấu và sử dụng trái phiếu làm tài sản đảm bảo trong các quan hệ dân sự và quan hệ thương mại theo quy định của pháp luật.
  - Được nhận gốc và lãi Trái phiếu khi Ngân hàng TMCP Tiên Phong thực hiện xử lý tài sản đảm bảo để đảm bảo cho các nghĩa vụ nợ của Tổ Chức Phát Hành trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi Trái phiếu.
- 10. Cam kết về tài sản bảo đảm (“Tài Sản Bảo Đảm”)**
- Hình thức đảm bảo: Bảo đảm bằng tài sản của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc của tổ chức/cá nhân khác.
  - Tài sản bảo đảm dự kiến:
    - + Cổ phiếu Công ty cổ phần Thiết Bị Điện thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thiết Bị Điện GELEX kèm theo toàn bộ các lợi ích kèm theo cổ phiếu nhưng không bao gồm cổ tức bằng tiền và quyền đề cử/bỏ nhiệm/miễn nhiệm người vào HĐQT, BKS, quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc biểu quyết khi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cụ thể:
      - Mã chứng khoán: THI
      - Số lượng: 13.000.000 (mười ba triệu) cổ phiếu
    - + Các tài sản hợp pháp khác (nếu có) theo thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Chế Tạo Điện Cơ Hà Nội và Những Người Sở Hữu Trái Phiếu.
  - Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm duy trì Tổng Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm không thấp hơn 180% Dư Nợ Trái Phiếu tại mọi thời điểm trong suốt thời hạn của Trái Phiếu, (“Giá Trị Trái Phiếu Được Bảo Đảm Tối Thiểu”). Dư Nợ Trái Phiếu có nghĩa là tổng giá trị mệnh giá và lãi phát sinh nhưng chưa được thanh toán của Trái Phiếu đã phát hành và đang lưu hành mà Tổ Chức Phát Hành chưa mua lại. Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm của một Tài Sản Bảo Đảm bằng Giá Trị Định Giá của Tài Sản Bảo Đảm đó. Tổng Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm bằng tổng Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm của các Tài Sản Bảo Đảm.
  - Định giá lại Tài Sản Bảo Đảm:

- + Giá trị của Tài Sản Bảo Đám sẽ được bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào và/hoặc Đại Lý Quản Lý Tài Sản Bảo Đám (hành động theo một nghị quyết của Những Người Sở Hữu Trái Phiếu):
- + Tài Sản Bảo Đám sẽ được định giá lại định kỳ.
- Tỷ lệ tài trợ trên Giá trị định giá Tài sản bảo đảm Tổ Chức Phát Hành cam kết luôn duy trì Tổng giá trị Tài Sản Bảo Đám không thấp hơn 180% giá trị mệnh giá gốc trái phiếu đang lưu hành.
- Rút và giải toả Tài Sản Bảo Đám: Tổ Chức Phát Hành có thể rút và giải toả tài sản bảo đảm trong các trường hợp sau:
  - + Khi Tổ Chức Phát Hành thực hiện Mua Lại Trước Hạn một phần của Trái Phiếu đang lưu hành, khiến cho Tổng Giá Trị Tài Sản Bảo Đám lớn hơn 180% Dư Nợ Trái Phiếu. Trường hợp này, Tổ Chức Phát Hành có quyền lựa chọn rút bớt bất kỳ Tài Sản Bảo Đám nào cho đến khi Tổng Giá Trị Tài Sản Bảo Đám bằng 180% tổng Dư Nợ Trái Phiếu tại thời điểm đó.
  - + Khi Tổ Chức Phát Hành thay thế Tài Sản Bảo Đám bằng Tài Sản Bảo Đám khác hoặc thay thế bằng một biện pháp bảo đảm khác, trên cơ sở có sự đồng ý bằng văn bản của Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện tối thiểu 50% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành và chưa thanh toán.
  - + Ngoài các trường hợp nêu trên, Tổ Chức Phát Hành có thể rút và được giải toả một phần Tài Sản Bảo Đám khi được Những Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận và đáp ứng các điều kiện sau:
    - Chưa có bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào đã xảy ra và đang tiếp diễn và cũng chưa có bất kỳ sự kiện nào xảy ra làm phát sinh quyền xử lý Tài Sản Bảo Đám của Những Người Sở Hữu Trái Phiếu.
    - Phần Tài Sản Bảo Đám được rút và giải toả cầm cố sẽ theo thỏa thuận giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Quản Lý Tài Sản Bảo Đám (hành động theo một nghị quyết của Những Người Sở Hữu Trái Phiếu) tại thời điểm tương ứng;
    - Không vi phạm quy định về Giá Trị Trái Phiếu Được Bảo Đám Tối Thiểu.
- Biện pháp quản lý tài sản bảo đảm:
  - + Hoàn thành thủ tục thế chấp tài sản bảo đảm đối với (các) Tài Sản Bảo Đám nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật và của (các) Hợp Đồng Bảo Đám tương ứng;
  - + Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1 thực hiện quản lý và xử lý các Tài Sản Bảo Đám này để đảm bảo cho các nghĩa vụ nợ của Tổ Chức Phát Hành.

#### 11. Mua lại trái phiếu trước hạn

- a. Tổ Chức Phát Hành có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu, hoặc chỉ định người khác mua lại Trái Phiếu cho mình vào bất cứ lúc nào, bằng bất cứ phương thức nào và với bất cứ giá nào. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định có bán Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành hay không. Việc chào mua công khai Trái Phiếu như vậy sẽ được áp dụng cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu với cùng một điều kiện và theo tỷ lệ tương ứng với số tiền gốc của Trái Phiếu mà mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ. Bất cứ Trái Phiếu nào do Tổ Chức Phát Hành mua lại sẽ không được tính vào số phiếu được quyền biểu quyết trong các cuộc họp những Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- b. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể đề nghị Tổ Chức Phát Hành mua lại một phần hoặc toàn bộ các Trái Phiếu do Người Sở Hữu Trái Phiếu đó nắm giữ vào bất cứ lúc nào, bằng bất cứ phương thức nào và với bất cứ giá nào. Tổ Chức Phát Hành có quyền quyết định việc có thực hiện việc mua lại Trái Phiếu được chào bán đó hay không. Trong trường hợp quyết định mua lại, Tổ Chức Phát Hành phải thực hiện thông báo và chào mua công khai với tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu còn lại. Trên cơ sở khối lượng và giá Trái Phiếu được những Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại và tổng mệnh giá và giá Trái Phiếu dự kiến mua lại từ Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành sẽ quyết định khối lượng, giá mua lại và thời điểm mua lại Trái Phiếu (trong trường hợp tổng mệnh giá Trái Phiếu đăng ký bán lại tại một mức giá cụ thể lớn hơn tổng mệnh giá Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành quyết định mua lại thì Tổ Chức Phát Hành sẽ phân bổ khối lượng Trái Phiếu được mua lại tại mức giá đó trên cơ sở tỷ lệ mệnh giá Trái Phiếu mà một Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại tại mức giá đó và tổng mệnh giá Trái Phiếu được đăng ký bán lại tại mức giá tương ứng).
- c. Nếu Trái Phiếu được đăng ký hoặc niêm yết để giao dịch tập trung trên một sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua Trái Phiếu tại bất kỳ thời điểm nào, từ bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào và theo bất kỳ giá nào phù hợp với quy chế giao dịch có liên quan của sở giao dịch chứng khoán đó. Khi đó quy định tại mục a và b trên sẽ không áp dụng.

12. Nhà đầu tư mua trái phiếu tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư trái phiếu, hạn chế về giao dịch trái phiếu được đầu tư và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

#### IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH VÀ KẾ HOẠCH THANH TOÁN GỐC LÃI CHO NHÀ ĐẦU TƯ

1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu:
  - Ngay sau khi hoàn thành việc thu tiền mua trái phiếu từ các nhà đầu tư, Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu để mua bán

nguyên vật liệu, hàng hóa, máy móc trang thiết bị..... phục vụ cho việc tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty.

2. Phương thức và kế hoạch thanh toán gốc, lãi:

- Kỳ trả lãi trái phiếu: Tiền lãi của các Kỳ Trả Lãi Trái Phiếu được trả định kỳ 06 tháng/lần vào các Ngày Thanh Toán Lãi. Tiền lãi được tính trên cơ sở số ngày thực tế của kỳ trả lãi đó và một năm có 365 ngày.
- Ngày Thanh Toán Lãi trái phiếu: Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên là ngày tròn 06 tháng kể từ Ngày Phát Hành. Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Trả Lãi tiếp là ngày tròn 06 tháng kể từ Ngày Thanh Toán Lãi trước đó. Nếu Ngày Thanh Toán Lãi không phải là ngày làm việc thì Ngày Thanh Toán Lãi là ngày làm việc liền sau ngày lễ/hoặc ngày nghỉ đó. Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên là ngày tròn 06 tháng kể từ Ngày Phát Hành.
- Phương thức (kỳ) thanh toán gốc trái phiếu: Trừ khi Trái Phiếu thanh toán trước hạn (mua lại định kỳ, mua lại theo thỏa thuận, mua lại bắt buộc ...), tiền gốc Trái Phiếu sẽ được thanh toán 01 lần vào Ngày Đáo Hạn.
- Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu vào ngày đến hạn bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của Người Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu.

**V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN**

1. Tổ chức tư vấn và đại lý phát hành:

- Công ty cổ phần chứng khoán IB
- Giấy phép thành lập số: Số 70/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 10/12/2007. Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động số 45/GPĐC-UBCK cấp ngày 29/06/2018
- Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà GELEX, 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Tuyết Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

2. Tổ chức đại lý đăng ký lưu ký, chuyển nhượng Trái phiếu:

- Công ty cổ phần chứng khoán Thành Công
- Địa chỉ: Lầu 2, số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 3827 0527 Fax: 028 3821 8010

3. Đại lý quản lý tài sản bảo đảm:

- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (BIDV)
- Địa chỉ: Tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- Điện thoại: 0243 22224234 Fax: 0243 22232144

## VI. CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

### 1. Rủi ro về lạm phát

- Bên cạnh những mặt tích cực, nền kinh tế nước ta còn phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức đặc biệt về mặt tỷ giá và lạm phát. Chỉ số CPI năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017. CPI bình quân năm 2018 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau:
  - Các địa phương điều chỉnh giá dịch vụ y tế, dịch vụ khám chữa làm giá dịch vụ y tế tăng 13,86% (tác động làm CPI chung tăng 0,54%).
  - Tiếp tục thực hiện lộ trình tăng học phí làm chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục năm 2018 tăng 7,12% so với năm 2017 (tác động làm CPI tăng 0,37%).
  - Việc tăng lương tối thiểu vùng áp dụng cho người lao động ở các doanh nghiệp từ ngày 1/1/2018 và mức lương cơ sở áp dụng cho cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang từ ngày 1/7/2018 làm giá bình quân một số loại dịch vụ như sửa chữa đồ dùng gia đình, bảo dưỡng nhà ở, dịch vụ điện, nước, dịch vụ thuê người giúp việc gia đình năm 2018 tăng từ 3%-5% so với năm 2017.
  - Ngoài ra còn một số yếu tố về thị trường, như giá nhóm hàng lương thực tăng 3,71% (tác động làm CPI chung tăng 0,17%); giá thịt lợn tăng 10,37% (tác động làm CPI chung tăng 0,44%); quần áo may sẵn và đồ uống thuốc lá cùng tăng 1,42%; giá dịch vụ giao thông công cộng tăng 2,54%; giá gas tăng 6,93%; giá xăng, dầu tăng 15,25% (tác động làm CPI chung tăng 0,63%); giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 6,59%; giá nhà ở thuê tăng 1,01%; giá nhóm du lịch trọn gói tăng 1,87% và một số mặt hàng thiết yếu tăng trở lại như giá nhiên liệu, chất đốt, sắt, thép...
- Lạm phát cơ bản tháng 12/2018 tăng 0,09% so với tháng trước và tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2018 tăng 1,48% so với bình quân năm 2017.
- Sự gia tăng của chỉ số CPI và lạm phát không chỉ đến từ các nguyên nhân của nội tại nền kinh tế hoặc do các chính sách điều hành của Chính Phủ mà còn đến từ các yếu tố bên ngoài như sự biến động của giá nguyên nhiên vật liệu trên thế giới. Và điều này rất khó kiểm soát, có chăng chỉ là những nhận định mang tính chất dự báo để thay đổi các kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp.

### 2. Rủi ro về tỷ giá

- Về mặt tỷ giá, xu hướng tăng giá của USD tiếp tục là điểm nóng của thị trường tài chính trong những tháng gần đây, đặc biệt với sự kiện Fed tăng lãi suất thêm 0,25% lên 2,5% vào ngày 19/12/2018 vừa qua, khiến cho nhiều đồng nội tệ bị mất giá, trong đó có VND.

- Bên cạnh đó, chiến tranh thương mại đang leo thang khiến cho đồng nhân dân tệ (NDT) mất giá cũng tác động không nhỏ tới tỷ giá của VND so với USD. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia cho rằng tỷ giá Việt Nam đang tương đối ổn định, VND đang biến động trong khoảng 1%.
- Tuy nhiên, NHNN đã có những “kịch bản” để sẵn sàng đối phó khi có “sóng” tỷ giá. Hiện tại, dự trữ ngoại hối đã lên đến kỷ lục 63,5 tỷ USD giúp NHNN dễ dàng điều tiết thị trường khi có biến động lớn. Chẳng hạn như khi tỷ giá biến động trong tháng 7 vừa qua, NHNN đã bán ròng ra 2,5 tỷ USD, khiến thị trường lập tức dịu lại.

### **3. Rủi ro đặc thù ngành**

#### **3.1 Rủi ro thị trường**

- HEM là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chủ yếu động cơ điện - ngành phục vụ cho nhiều ngành kinh tế - xã hội khác nhau, đặc biệt là ngành năng lượng. Do đó, khi nền kinh tế phát triển thì nhu cầu về năng lượng cũng tăng lên, Nhà nước sẽ triển khai đầu tư các công trình năng lượng... cơ hội kinh doanh các sản phẩm của Công ty sẽ được thuận lợi.
- Tuy nhiên, đến khi nhu cầu về năng lượng đã đến mức bão hòa thì thị trường đầu ra các sản phẩm của Công ty sẽ giảm xuống một cách đáng kể. Nắm bắt được xu hướng này, HEM sẽ tiến tới đa dạng hóa sản phẩm, thích ứng với xu thế của thị trường nhằm tạo nên sự phát triển bền vững cho Công ty.

#### **3.2 Rủi ro cạnh tranh**

- Hiện nay, trình độ ngành cơ khí điện trong khu vực và trên thế giới đang ở mức cao và tốc độ phát triển rất nhanh. Trong xu thế hội nhập với nền kinh tế thế giới, đòi hỏi Công ty phải nhạy bén trong việc nắm bắt các công nghệ mới, tiếp thu có chọn lọc để phù hợp với điều kiện sản xuất, vốn đầu tư. Nếu không thực hiện được điều này, Công ty sẽ phải đứng trước nguy cơ tụt hậu về trình độ khoa học kỹ thuật, lạc hậu về dây truyền, thiết bị sản xuất, dẫn đến sản phẩm làm ra mất tính cạnh tranh.
- Bên cạnh đó, số lượng doanh nghiệp hoạt động trong cùng ngành nghề ngày càng gia tăng, đối thủ cạnh tranh ngày càng nhiều. Đây là rủi ro cạnh tranh lớn đối với Công ty.

#### **3.3 Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào**

- Các loại vật liệu chính như tôn tấm, thép, đồng,... Công ty sử dụng chủ yếu được mua từ các Công ty cung ứng trong nước và một số được nhập khẩu từ nước ngoài. Trong thực tế, những năm qua, giá các loại nguyên vật liệu này biến động phức tạp gây ảnh hưởng đến kế hoạch và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp sử dụng các nguồn nguyên vật liệu này nói chung và Công ty nói riêng.
- Để đối phó với vấn đề này, Công ty đã luôn tăng cường hoạt động kiểm soát, quản lý chi phí sản xuất kinh doanh, tổ chức cơ cấu bộ máy quản lý phù hợp, đưa ra các biện

pháp xử lý linh hoạt và kịp thời nhằm tối thiểu hóa chi phí và giảm thiểu ảnh hưởng của yếu tố lạm phát đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

### **3.4 Rủi ro khác**

- Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến tài sản, hoạt động SXKD của Công ty.
- Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty.

### **4. Rủi ro liên quan đến Tổ Chức Phát Hành**

Kết quả hoạt động thực tế của Tổ Chức Phát Hành có thể khác biệt so với việc công bố hoặc hàm ý bởi những tuyên bố có tính dự báo

- Có những tuyên bố trong Bản Công Bố Thông Tin này tạo thành "tuyên bố có tính dự báo". Các từ "dự báo", "tiên đoán", "tin tưởng", "đánh giá", "kỳ vọng", "dự kiến", "theo đuổi", "có kế hoạch", "có thể", "sẽ", và những diễn giải tương tự được dùng để chỉ các tuyên bố có tính dự báo. Các tuyên bố mà không phải là các tuyên bố về sự việc trong quá khứ, bao gồm các tuyên bố liên quan tới chiến lược, kế hoạch và mục tiêu của Tổ Chức Phát Hành và triển vọng của thị trường tiêu thụ máy biến áp và các sản phẩm trong lĩnh vực điện tại Việt Nam là các tuyên bố có tính dự báo.
- Các tuyên bố có tính dự báo bao hàm việc biết hoặc không biết tới những rủi ro, sự không chắc chắn và các yếu tố khác (bao gồm sự thay đổi chính sách của Chính phủ) có thể là nguyên nhân làm cho các kết quả hoạt động, và thành tích thực tế của Tổ Chức Phát Hành hoặc của ngành có thể sẽ rất khác so với các kết quả hoạt động, và thành tựu tương lai được công bố hoặc hàm ý bởi các tuyên bố có tính dự báo.
- Các tuyên bố có tính dự báo được dựa trên nhiều giả thiết liên quan tới chiến lược hiện tại và tương lai và môi trường mà Tổ Chức Phát Hành sẽ hoạt động trong tương lai. Do các tuyên bố phản ánh kỳ vọng và mục tiêu hiện tại liên quan tới các sự kiện tương lai, các tuyên bố cần dựa trên các rủi ro, sự không chắc chắn và các giả thiết. Thành tích thực tế của Tổ Chức Phát Hành có thể khác so với tuyên bố có tính dự báo.

#### **4.1 Rủi ro quản trị**

- Sáp tới HEM sẽ thực hiện phát hành thêm 1.904.650 cổ phiếu để thực hiện hoán đổi cổ phiếu VIHEM và sáp nhập với VIHEM. Sau khi phát hành cổ phiếu để hoán đổi, Công ty cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội sẽ tăng thêm 1.904.650 cổ phiếu, tương đương tỷ lệ 5,18% vốn điều lệ của Công ty trước phát hành. Do vậy, Tỷ lệ biểu quyết của các cổ đông hiện hữu của Công ty sẽ giảm đi so với trước khi phát hành.
- Hiện tại, HEM đang sở hữu 65,37% cổ phiếu của VIHEM. Ngoài ra, chủ tịch Hội Đồng Quản trị của HEM đồng thời là chủ tịch Hội Đồng Quản Trị của VIHEM. Hai

Công ty cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội và VIHEM cũng cùng sản xuất ngành hàng động cơ điện, cũng cung cấp dịch vụ sửa chữa động cơ điện; và có chiến lược kinh doanh đồng nhất. Do đó, định hướng phát triển của HEM sau sáp nhập sẽ không có nhiều thay đổi và rủi ro về quản trị Công ty là không đáng kể.

## **5. Rủi ro liên quan đến trái phiếu**

### **5.1 Tình thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp**

- Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường và không có gì bảo đảm rằng một thị trường giao dịch cho Trái Phiếu sẽ phát triển. Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hoặc thấp hơn giá phát hành tùy thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất áp dụng tại thời điểm đó, tình hình hoạt động của Tổ Chức Phát Hành và thị trường đối với những chứng khoán tương tự.

### **5.2 Những thay đổi về lãi suất của Trái Phiếu**

- Trái Phiếu có lãi suất thả nổi. Lãi suất cho từng Kỳ Tính Lãi không phải là Kỳ Tính Lãi đầu tiên sau Ngày Phát Hành có thể thay đổi đáng kể phụ thuộc vào lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, áp dụng với cá nhân, kỳ hạn mười hai (12) tháng thông thường thanh toán lãi cuối kỳ (trong trường hợp ngân hàng không công bố lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn mười hai (12) tháng thông thường thanh toán lãi cuối kỳ thì sử dụng lãi suất loại hình huy động tiền gửi khác có kỳ hạn tương đương) công bố tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong (Hội sở chính) vào Ngày Xác Định Lãi Suất.
- Bất kỳ thay đổi đáng kể nào về lãi suất có thể ảnh hưởng đến dòng lưu chuyển tiền tệ và điều kiện tài chính của Tổ Chức Phát Hành.

### **5.3 Tiền lãi Trái Phiếu có thể là đối tượng bị khấu trừ thuế**

- Nhà Đầu Tư cần biết rằng Tổ Chức Phát Hành không phải cộng gộp các khoản khấu trừ (gross up) đối với các nghĩa vụ thanh toán của mình đối với Trái Phiếu và rằng pháp luật hiện hành có quy định về thuế đối với tiền lãi Trái Phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu.

### **5.4 Quyền đối với Trái phiếu của chủ sở hữu Trái phiếu có thể bị hạn chế**

- Theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Của Trái Phiếu, khi xảy ra một sự kiện vi phạm, chủ sở hữu Trái Phiếu phải thực hiện quyền của mình đối với Trái Phiếu (kể cả quyền xử lý tài sản bảo đảm) thông qua Đại Lý Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm.
- Việc Đại Lý Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm thực hiện các quyền này cũng phụ thuộc vào các điều kiện khác, như Đại Lý Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm chỉ được tuyên bố xảy ra sự kiện vi phạm và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu nếu có nghị quyết chấp thuận của các chủ sở hữu Trái Phiếu hoặc Đại Lý Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm chỉ được tiến hành các thủ tục tố tụng đối với Tổ Chức Phát Hành sau khi đã được chỉ



thị hoặc được yêu cầu thực hiện các thủ tục theo nghị quyết chấp thuận của các chủ sở hữu Trái Phiếu, và chỉ khi Đại Lý Quản Lý Tài Sản Bảo Đám đã được các chủ sở hữu Trái Phiếu bảo đảm bồi hoàn đáp ứng các yêu cầu tương ứng của Đại Lý Quản Lý Tài Sản Bảo Đám.

## **6. Rủi ro liên quan đến báo cáo tài chính**

- Các báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành được lập theo Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành (“VAS”). Không nên so sánh các báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành với các báo cáo tài chính của các công ty được lập theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) hoặc bất kỳ chuẩn mực kế toán nào khác mà có thể quen thuộc hơn đối với các Nhà Đầu Tư.
- Các báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành là một phần không tách rời của Bản Công Bố Thông Tin này, đã không được lập cho các đối tượng không quen thuộc các nguyên tắc, chuẩn mực, và thực hành kế toán của Việt Nam, và không được dự định để thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc, chuẩn mực, và thực hành kế toán được chấp nhận rộng rãi tại các quốc gia không phải là Việt Nam.
- Do đó, không nên so sánh các báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành với các báo cáo tài chính của các công ty được lập theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) hoặc bất kỳ chuẩn mực kế toán nào khác có thể quen thuộc hơn đối với các Nhà Đầu Tư.

## **7. Rủi ro liên quan đến Việt Nam**

### **7.1 Nền kinh tế Việt Nam hiện nay đang gặp phải những khó khăn, bất ổn và môi trường pháp lý và kinh doanh tuy đã có những bước phát triển nhưng vẫn còn những rủi ro vốn có gắn với nền kinh tế mới nổi**

- Sự bất ổn của kinh tế thế giới đã có những ảnh hưởng nhất định đến nền kinh tế Việt Nam. Năm 2008 nền kinh tế Việt Nam gặp phải những thách thức to lớn khi lạm phát tăng cao ở mức hai con số, lãi suất cho vay và thâm hụt thương mại tăng đi kèm với sự suy giảm của thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản. Nhiều tổ chức đánh giá định mức tín nhiệm đã hạ định mức tín nhiệm của Việt Nam từ mức “ổn định” (stable) xuống mức “bất ổn” (negative).
- Hiện nay, Chính phủ vẫn đang nỗ lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế kèm theo việc giám sát và quản lý chặt chẽ tỷ lệ lạm phát. Tuy nhiên, chưa có gì đảm bảo các chính sách của Chính phủ sẽ có hiệu quả và có thể việc tiếp cận tín dụng và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn có thể còn gặp nhiều khó khăn trong thời gian tới.
- Khuôn khổ pháp luật và chính sách tác động đến nền kinh tế và điều chỉnh các hoạt động kinh doanh và thương mại đã được phát triển kể từ khi chính sách “đổi mới” bắt đầu năm 1986 và vẫn còn đang trong giai đoạn đầu của sự phát triển. Trong những

năm gần đây, mặc dù hệ thống pháp luật của Việt Nam đã được soạn thảo công phu, minh bạch hơn để các nhà đầu tư dễ tiếp cận, nhưng tính không chắc chắn và những vấn đề pháp luật nảy sinh trong các văn bản luật như Luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Xây dựng, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Đất đai vẫn ảnh hưởng đến các văn bản hướng dẫn thi hành và theo đó ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

- Khi hệ thống pháp luật Việt Nam phát triển, dự kiến tính không nhất quán và không chắc chắn của các quy định pháp luật sẽ được khắc phục vì các quy định pháp luật mới sẽ được giải thích và làm rõ hơn và các luật cũ sẽ được thay thế hoặc sửa đổi. Khó có thể dự đoán được khi nào hệ thống pháp luật của Việt Nam sẽ đạt được mức ổn định và có tính dự đoán được như hệ thống pháp luật của các nền kinh tế phát triển khác. Mặt khác, chưa có sự chắc chắn trong việc công nhận và cho thi hành quyền luật định của tòa án, trung tâm trọng tài và các cơ quan hành chính Việt Nam trong trường hợp có tranh chấp xảy ra.
- Hơn nữa, Việt Nam vẫn đang trong quá trình đưa các cam kết của Việt Nam với WTO vào hệ thống pháp luật quốc gia. Có thể sẽ có những trì hoãn việc thực hiện các nghĩa vụ của Việt Nam với WTO và đặc biệt là có thể có sự nới lỏng các hạn chế về sở hữu của nước ngoài được dự tính khi Việt Nam đã gia nhập WTO không theo lịch trình hoặc kéo dài hơn dự tính. Những trì hoãn như vậy có thể ảnh hưởng bất lợi tới sự thành công của các dự án tiềm năng của Tổ Chức Phát Hành.

### **7.2 Các quy định về thuế tại Việt Nam**

- Toàn bộ luật và các quy định chủ yếu về thuế tại Việt Nam đã có những thay đổi lớn kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 và tiếp tục được bổ sung, hướng dẫn do có những vấn đề nảy sinh trong quá trình giải thích hoặc thi hành luật và các quy định này. Bất kỳ thay đổi nào về tình hình thuế của Tổ Chức Phát Hành hay quy định pháp luật về thuế của Việt Nam có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh cũng như tăng nghĩa vụ thuế của Tổ Chức Phát Hành.

### **7.3 Thu hút vốn FDI**

- Với lợi thế là một nước có lực lượng lao động dồi dào, chi phí nhân công rẻ, lại có ít rủi ro về chính trị, Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài; Việc ban hành Luật Doanh nghiệp sửa đổi và Luật Đầu tư sửa đổi cùng với hiệp định thương mại đã được ký kết thì triển vọng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam là khả quan.
- Năm 2018, vốn FDI vào Việt Nam đạt 25,57 tỷ USD, giảm 13,9% so với cùng kỳ năm 2017. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2018 ước tính đạt 19,1 tỷ USD, tăng 9,1% so với năm 2017.

- Mặc dù Việt Nam vẫn được đánh giá là có nhiều lợi thế trong việc tiếp tục thu hút vốn FDI trong các năm tới nhưng thực tế vẫn có không ít trở ngại cho khả năng tăng thu hút vốn FDI đơn cử như việc Mỹ đã rút khỏi hiệp định TPP. Là quốc gia có nền kinh tế chiếm tới 60% tổng GDP của các nước thành viên TPP, Mỹ có tác động không nhỏ tới tương lai của hiệp định khi quyết định rút lui khỏi hiệp định này. Việt Nam sẽ mất đi cơ hội tiếp cận thị trường Mỹ - thị trường được đặt rất nhiều kì vọng và sẽ phải dần chuyển sang ưu tiên đàm phán thương mại song phương, đặc biệt là với các quốc gia khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.
- Một thách thức nữa trong quá trình thu hút vốn FDI hiện nay là việc lựa chọn các doanh nghiệp không gây ô nhiễm môi trường, hướng tới phát triển khu công nghiệp sinh thái, đòi hỏi Công ty phải có những bước đi cẩn trọng hơn, chọn lọc hơn và tuân theo đúng quy trình thu hút doanh nghiệp FDI.

**DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.**

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**BÙI QUANG VINH**

**BẢN SAO**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 0100100456**

*Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 07 năm 2009*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 02 tháng 07 năm 2018*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HANOI ELECTROMECHANICAL  
MANUFACTURING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HEM.,JSC

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Km 12 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,  
Việt Nam*

Điện thoại: 024.37655510/024.37655511

Fax: 024.37655509

Email: [contact@hem.vn](mailto:contact@hem.vn)

Website: [www.hem.vn](http://www.hem.vn)

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 368.000.000.000 đồng

*Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi tám tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 36.800.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: BUI QUANG VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 17/08/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013490281

Ngày cấp: 27/11/2013

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 20 Phố Hòe Nhai, Phường Nguyễn Trung Trực,  
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 20 Phố Hòe Nhai, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

03-07-2018



Số chứng thực 6012 Quyển số 1 SCT/BS

**PHÓ CHỦ TỊCH  
Ngô Quang Huy**



**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
Đỗ Thanh Huyền**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Hà Nội, Tháng 04 năm 2018



## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I</b> .....	6
<b>ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b> .....	6
Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....	6
<b>CHƯƠNG II</b> .....	7
<b>TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN</b> .....	7
<b>THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b> ..	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty ..	7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty .....	7
<b>CHƯƠNG III</b> .....	8
<b>MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh của Công ty .....	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty .....	9
<b>CHƯƠNG IV</b> .....	9
<b>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP</b> .....	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đồng sáng lập .....	9
Điều 7. Cổ phiếu .....	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác .....	11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....	11
Điều 10. Thu hồi cổ phần .....	12
<b>CHƯƠNG V</b> .....	12
<b>CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b> .....	12
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát .....	12
<b>CHƯƠNG VI</b> .....	13
<b>CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG</b> .....	13
Điều 12. Quyền của cổ đồng .....	13
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đồng .....	14
Điều 14. Đại hội đồng cổ đồng .....	14
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đồng .....	16
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền .....	17

Điều 17.	Thay đổi các quyền.....	18
Điều 18.	Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 19.	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 20.	Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .....	20
Điều 21.	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 22.	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 23.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	25
Điều 24.	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	25
<b>CHƯƠNG VII.....</b>		<b>26</b>
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>		<b>26</b>
Điều 25.	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....	26
Điều 26.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 27.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	28
Điều 28.	Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	30
Điều 29.	Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	31
Điều 30.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	31
Điều 31.	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	35
Điều 32.	Người phụ trách quản trị công ty.....	35
<b>CHƯƠNG VIII .....</b>		<b>36</b>
<b>TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....</b>		<b>36</b>
Điều 33.	Tổ chức bộ máy quản lý .....	36
Điều 34.	Người điều hành doanh nghiệp.....	36
Điều 35.	Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc .....	36
<b>CHƯƠNG IX .....</b>		<b>38</b>
<b>BAN KIỂM SOÁT.....</b>		<b>38</b>
Điều 36.	Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên .....	38
Điều 37.	Kiểm soát viên .....	38
Điều 38.	Ban kiểm soát .....	40
<b>CHƯƠNG X.....</b>		<b>41</b>
<b>TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>		<b>41</b>
Điều 39.	Trách nhiệm căn trọng.....	41

Điều 40.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	41
Điều 41.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	42
<b>CHƯƠNG XI.....</b>		<b>43</b>
<b>QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....</b>		<b>43</b>
Điều 42.	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	43
<b>CHƯƠNG XII.....</b>		<b>43</b>
<b>CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....</b>		<b>43</b>
Điều 43.	Công nhân viên và công đoàn.....	43
<b>CHƯƠNG XIII.....</b>		<b>44</b>
<b>PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....</b>		<b>44</b>
Điều 44.	Phân phối lợi nhuận.....	44
<b>CHƯƠNG XIV.....</b>		<b>44</b>
<b>TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....</b>		<b>44</b>
Điều 45.	Tài khoản ngân hàng.....	44
Điều 46.	Năm tài chính.....	45
Điều 47.	Chế độ kế toán.....	45
<b>CHƯƠNG XV.....</b>		<b>45</b>
<b>BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ.....</b>		<b>45</b>
<b>TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>		<b>45</b>
Điều 48.	Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	45
Điều 49.	Báo cáo thường niên.....	45
<b>CHƯƠNG XVI.....</b>		<b>46</b>
<b>KIỂM TOÁN CÔNG TY.....</b>		<b>46</b>
Điều 50.	Kiểm toán.....	46
<b>CHƯƠNG XVII.....</b>		<b>46</b>
<b>CON DẤU.....</b>		<b>46</b>
Điều 51.	Con dấu.....	46
<b>CHƯƠNG XVIII.....</b>		<b>46</b>
<b>CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....</b>		<b>46</b>
Điều 52.	Chấm dứt hoạt động.....	46
Điều 53.	Thanh lý.....	47
<b>CHƯƠNG XIX.....</b>		<b>47</b>



<b>GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b> .....	47
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	47
<b>CHƯƠNG XX</b> .....	48
<b>MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON</b> .....	48
Điều 55. Mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con.....	48
<b>CHƯƠNG XXI</b> .....	49
<b>BỎ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b> .....	49
Điều 56. Điều lệ công ty.....	49
<b>CHƯƠNG XXII</b> .....	49
<b>NGÀY HIỆU LỰC</b> .....	49
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	49

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội thông qua chính thức vào ngày 20 tháng 04 năm 2018.

## CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
  - b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
  - c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
  - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
  - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
  - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;
  - g. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người điều hành doanh nghiệp theo quy định của Điều lệ công ty;
  - h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
  - i. "Công ty" là Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội;
  - j. "Công ty mẹ", "công ty con" là các công ty theo mô hình quy định tại Điều 189 Luật Doanh nghiệp. Trong Điều lệ này, tùy từng ngữ cảnh và thực tế áp dụng Công ty sẽ được hiểu là "công ty mẹ" hoặc "công ty con";
  - k. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

**CHƯƠNG II**  
**TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,**  
**THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty
  - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội**
  - Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **Hanoi Electromechanical Manufacturing Joint Stock Company**
  - Tên Công ty viết tắt: **HEM., JSC**
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
  - Địa chỉ trụ sở chính: Km 12, đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội.
  - Điện thoại: 024 37655510 – 024 37655511
  - Fax: 024 37655508 – 024 37655509
  - E-mail: [contact@hem.vn](mailto:contact@hem.vn)
  - Website: [www.hem.vn](http://www.hem.vn)
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh khác để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 52 Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh ra nước ngoài thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy

quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

### **CHƯƠNG III**

#### **MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh của Công ty**

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh, dịch vụ và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

2. Ngành nghề kinh doanh:

<b>Mã ngành, nghề kinh doanh</b>	<b>Tên ngành, nghề kinh doanh</b>
2710	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
2811	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)
2813	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác
2819	Sản xuất máy thông dụng khác
2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại
2591	Rèn, đập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
5224	Bốc xếp hàng hóa
3311	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị
3314	Sửa chữa thiết bị điện
3319	Sửa chữa thiết bị khác
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp

4100	Xây dựng nhà các loại
4321	Lắp đặt hệ thống điện
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản
7210	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật
7710	Cho thuê xe có động cơ
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

- Vốn điều lệ của Công ty là 368.000.000.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm sáu mươi tám tỷ đồng).  
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 36.800.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.  
Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
- Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Công ty không có cổ đông sáng lập.

6. Cổ phần phổ thông do Công ty phát hành tăng vốn điều lệ phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.
8. Công ty có thể phát hành các loại cổ phiếu khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.
9. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
  - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
  - b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
  - c. Cổ phần chào bán cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP);
  - d. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền);
  - e. Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê duyệt từng lần.

#### **Điều 7. Cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty có thể được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp, cụ thể bao gồm các nội dung như sau:
  - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
  - b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
  - c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
  - d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

- e. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
  - f. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
  - g. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, người sở hữu số cổ phần có thể được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in cổ phiếu. Quy định tại Khoản này không áp dụng cho trường hợp cổ phần Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung và cổ đông đã đăng ký lưu ký cổ phần thuộc sở hữu của mình vào tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại công ty chứng khoán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
  4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

#### **Điều 8. Chứng khoán khác**

Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác để huy động vốn trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

#### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần đã được thanh toán đầy đủ được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông liên quan đến đợt phát hành và pháp luật có quy định khác.
2. Cổ phiếu được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.
4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.
6. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

7. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ đúng hạn gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại Khoản 2 Điều này không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ tương ứng với lãi suất huy động kỳ hạn một (01) năm của Ngân hàng vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ số tiền đó vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

### **CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát
4. Tổng giám đốc.



## CHƯƠNG VI CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG

### Điều 12. Quyền của cổ đồng

1. Cổ đồng là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đồng chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đồng phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đồng và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đồng hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định và phù hợp với điều kiện triển khai của Công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết;
  - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đồng;
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
  - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật về chứng khoán chuyên ngành ;
  - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đồng trong danh sách cổ đồng có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đồng và nghị quyết Đại hội đồng cổ đồng;
  - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đồng nắm giữ các loại cổ phần ưu đãi khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
  - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;
  - i. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đồng hoặc nhóm cổ đồng nắm giữ từ [5]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:
  - a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;
  - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đồng theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;
  - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đồng có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đồng;
  - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ

chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

- e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
4. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
  - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
  - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; căn cứ, lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;
  - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
  - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
  - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này. Riêng đối với trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày;
  - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.
- d. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- e. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
  - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
  - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
  - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
  - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
  - e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền
- 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
  - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
  - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập đề nghị quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo;
  - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
  - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
  - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
  - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán kỹ gần nhất;
  - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
  - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Điểm n khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 16. Đại diện theo ủy quyền**

- 1. Cổ đông là cá nhân được quyền cử tối đa một (01) người đại diện theo ủy quyền. Căn cứ theo tỷ lệ cổ phần sở hữu, Cổ đông là tổ chức sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền cử một hoặc nhiều người đại diện theo ủy quyền theo nguyên tắc cứ mỗi 10% tổng số cổ phần biểu quyết được quyền cử một (01) người đại diện theo ủy quyền, tối đa năm (05) người.
- 2. Đối với việc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông:
  - a. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân đại diện tham dự với số lượng người được ủy quyền phù hợp với quy định nêu tại Khoản 1 Điều này.
  - b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
    - Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân được ủy quyền dự họp;
    - Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức, đóng dấu của tổ chức đó và chữ ký của cá nhân được ủy quyền dự họp;
    - Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty). Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
  - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
  - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
  - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
  - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - c. Phiếu biểu quyết;
  - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
  - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, chữ ký của cổ đông đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc

số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính, chữ ký người đại diện theo pháp luật và phải được đóng dấu đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
  - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
  - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 điều này, Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 điều này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.

#### **Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, phản đối, không có ý kiến. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, không có ý kiến, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc



giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
6. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
7. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
8. Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:
  - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
  - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
  - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

11. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
  - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
  - b. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
12. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
  - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");
  - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;  
Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
13. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia Đại hội ở Địa điểm chính của Đại hội.
14. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

#### **Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên cần bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; dự án đầu tư, bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài

chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua hoặc được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

#### **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại, giải thể Công ty phải được lấy ý kiến thông qua hình thức họp trực tiếp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông có quyền biểu quyết trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và được đóng dấu của tổ chức đó; hoặc chữ ký của cá nhân được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
  - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
6. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
7. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - e. Các vấn đề đã được thông qua;
  - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
8. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## **CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b. Trình độ học vấn;
  - c. Trình độ chuyên môn;
  - d. Quá trình công tác;
  - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
  - f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
  - g. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị:
- a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
  - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
  - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
  - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
  - f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
  - g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
  - h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

#### **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:  
 Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
  - a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
  - b. Có đơn từ chức;
  - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
  - d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:
- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty;
  - c. Trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành thì ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 1.1.g Điều lệ này.
  - d. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

- 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
  - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính, Các giám đốc chuyên môn, Giám đốc hoặc Trưởng chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện của Công ty và quyết định mức lương, các quyền lợi khác của họ;
  - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
  - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
  - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua/bán cổ phần của doanh nghiệp khác; ban hành các văn bản cần thiết để quản lý phần vốn đầu tư, quản lý người đại diện phần vốn góp của Công ty tại công ty con và các doanh nghiệp khác;
  - g. Quyết định cử/thôi/chấm dứt tư cách người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác, quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người này;
  - h. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;



- i. Xây dựng và trình quy chế nội bộ về quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua để bảo vệ cổ đông;
  - j. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
  - k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - l. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần được quyền chào bán theo từng loại;
  - m. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - n. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;
  - o. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; quyết định phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi, trái phiếu không kèm chứng quyền;
  - p. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu của Công ty;
  - q. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
  - r. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
  - s. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;
  - t. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - u. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - v. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
  - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
  - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);
  - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
  - e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

- f. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - g. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
  - h. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
  - i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền/phân cấp/giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, các cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại Điều này
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

**Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội đồng quản trị về các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.
- 3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

## **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và có thể có một hoặc một số Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - b. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị; giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
  - c. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật;
  - d. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch Hội đồng quản trị nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên mà Chủ tịch Hội đồng quản trị không thực hiện chỉ định Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị thực hiện như vậy thì các thành viên Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong trường hợp cả Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đều vắng mặt hoặc tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
5. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm các điều cấm của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo nhiệm vụ hoặc ủy quyền thường xuyên, phân cấp cho (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và thực hiện các quyền hạn, trách nhiệm, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về thực hiện các công việc được ủy quyền.

## **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có

nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Các cuộc họp bất thường

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo mời họp

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Trong trường hợp đột xuất thì thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất một ngày. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng một trong các phương thức sau: thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Điều kiện tiến hành họp

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

#### 9. Hợp theo hình thức hội nghị trực tuyến

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đồng nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua hình thức hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

#### 10. Hình thức biểu quyết

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

#### 11. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không

được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- c. Theo quy định tại Điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
  - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
  - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
12. Công khai lợi ích

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc ủy quyền dự họp tán thành (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

14. Nghị quyết thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;

Biên bản được coi là hợp lệ trong các trường hợp sau:

- Có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp và người ghi biên bản họp; hoặc
- Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp; hoặc
- Có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực khác phù hợp với yêu cầu của Hội đồng quản trị từng thời kỳ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị không điều hành làm Trưởng tiểu ban. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị có thể chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
  - a. Có hiểu biết về pháp luật;
  - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
  - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
  - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
  - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d. Tham dự các cuộc họp;
  - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
  - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
  - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
  - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
  - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **CHƯƠNG VIII TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, các Giám đốc chuyên môn, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

### **Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp**

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

### **Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm.



2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
  - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
  - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
  - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
  - f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - g. Trong Quý IV hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
  - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;
  - i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - j. Tuyển dụng lao động, quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người điều hành doanh nghiệp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
  - k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

## CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

### Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
  - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b. Trình độ học vấn;
  - c. Trình độ chuyên môn;
  - d. Quá trình công tác;
  - e. Các thông tin khác (nếu có);
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát, cụ thể như sau:
  - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
  - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
  - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
  - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
  - e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát.

### Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm

soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
  - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
  - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
  - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
  - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
  - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị (nếu có) để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
  - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
6. Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
  - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
  - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính Công ty;
  - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 38. Ban kiểm soát.**

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
  - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
  - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
  - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
  - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
  - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
  - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị /Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

**CHƯƠNG X**  
**TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

**Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

**Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận
  - a. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
    - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
    - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
    - Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.
  - b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng

hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

- c. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Điểm b Khoản này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 51% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành;
- d. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản này, gây thiệt hại cho Công ty thì người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
6. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
  - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
  - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 43. Công nhân viên và công đoàn**

1. Trong trường hợp cần thiết Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Trường hợp cần thiết Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 44. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc tạm ứng này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty;
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 45. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.



#### **Điều 46. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai cùng năm.

#### **Điều 47. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

### **CHƯƠNG XV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính (hoặc thời gian gia hạn khác theo quy định của pháp luật), Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính), báo cáo tình hình tài chính (phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo), báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính năm, báo cáo tài chính sáu tháng và báo cáo tài chính quý theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật hiện hành.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

#### **Điều 49. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY**

### **Điều 50. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## **CHƯƠNG XVII CON DẤU**

### **Điều 51. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

### **Điều 52. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
  - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 53. Thanh lý**

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - c. Nợ thuế;
  - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
  - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm (a) đến Điểm (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước phù hợp với các quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định khác của Công ty, xảy ra giữa:
  - a. Cổ đông với Công ty;
  - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 90 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án nhân dân có thẩm quyền.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## CHƯƠNG XX MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON

### Điều 55. Mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con

1. Công ty mẹ và công ty con có Điều lệ tổ chức và hoạt động riêng, được phê duyệt theo trình tự và thủ tục của pháp luật có liên quan, hoạt động kinh doanh độc lập, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và cổ đông/chủ sở hữu của mình;
2. Công ty mẹ sẽ hỗ trợ cho công ty con bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung trên cơ sở phát huy được thế mạnh của công ty con. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ thương mại, đầu tư giữa công ty mẹ và công ty con được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại vì lợi ích tốt nhất và phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Công ty mẹ giao quyền cho người đại diện vốn theo ủy quyền của công ty mẹ trực tiếp thay mặt công ty mẹ quản lý các khoản vốn góp của công ty mẹ tại công ty con trong phạm vi Điều lệ của công ty con và pháp luật cho phép.
4. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền của công ty mẹ tại công ty con được xác định theo quy định của pháp luật và các quy chế, quy định do công ty mẹ ban hành từng thời kỳ. Người đại diện theo ủy quyền của công ty mẹ có trách nhiệm tuân thủ các quy chế, quy định vừa nêu này, Điều lệ công ty con và các quy định pháp luật có liên quan.
5. Công ty mẹ sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với công ty con. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện theo ủy quyền của công ty mẹ thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại công ty con.
6. Công ty mẹ thực hiện quyền của cổ đông tại công ty con thông qua người đại diện của mình là thành viên trong Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát/Ban Tổng Giám đốc hoặc thông qua việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của công ty con.
7. Công ty mẹ thực hiện việc cử đoàn kiểm tra, tham gia các đoàn kiểm tra việc quản lý, sử dụng phần vốn góp của công ty mẹ tại công ty con. Phạm vi kiểm tra bao gồm: kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn góp của công ty mẹ tại công ty con; kiểm tra việc thực hiện, triển khai các ý kiến chỉ đạo của công ty mẹ đối với các vấn đề mà người đại diện vốn đã báo cáo/xin ý kiến; kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, nghĩa vụ khác của người đại diện theo Điều lệ công ty mẹ, Điều lệ công ty con, các quy chế nội bộ của công ty mẹ về quản lý người đại diện vốn; kiểm tra các mặt hoạt động kinh doanh nếu thấy cần thiết hoặc theo phê duyệt/thỏa thuận giữa công ty mẹ với công ty con, trên cơ sở phù hợp với pháp luật hiện hành. Ngoài ra, công ty mẹ thực hiện quyền yêu cầu/đề nghị Ban kiểm soát tại công ty con kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty con với vai trò là cổ đông có cổ phần chi phối. Hoạt động kiểm tra được tiến hành định kỳ sau khi có báo cáo kiểm toán hoặc tiến hành đột xuất, bất thường khi cần thiết. Người đại diện vốn có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi nhất để công ty mẹ tiến hành, thực hiện các hoạt động kiểm tra theo quy định tại Khoản này.
8. Công ty mẹ và công ty con có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ của công ty mẹ và quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và quy định khác có liên quan của pháp luật.

## CHƯƠNG XXI BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

### Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này hoặc có những quy định tại Điều lệ này trái với quy định pháp luật hiện hành liên quan thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## CHƯƠNG XXII NGÀY HIỆU LỰC

### Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 Chương 57 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội nhất trí thông qua ngày 20 tháng 04 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký người đại diện theo pháp luật của Công ty.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
*Nguyễn Trọng Hiếu*



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

A member of  International

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-37
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-37



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 01/06/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Đình Minh	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 23/10/2017
Ông Phạm Mạnh Hà	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 23/10/2017
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 23/10/2017
Ông Bùi Quốc Bảo	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 23/10/2017
Ông Nguyễn Hoa Cương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/10/2017
Ông Dương Hữu Hiệu	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 01/06/2017
Ông Hoàng Anh Dũng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01/06/2017
Ông Nguyễn Đình Hùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/10/2017
Ông Đoàn Văn Quý	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01/06/2017
Ông Hoàng Anh Dũng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/06/2017
Ông Đoàn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hà Tiến Lực	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Văn Mẫn	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01/08/2017

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Minh Cúc	Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Lan Phương	Thành viên
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Tiêu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội được lập ngày 10 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Vũ Xuân Biên**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018*

**Trương Thị Hoài Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>374.690.413.154</b>	<b>349.891.188.631</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>54.205.127.052</b>	<b>108.489.035.235</b>
111	1. Tiền		10.205.127.052	50.874.035.235
112	2. Các khoản tương đương tiền		44.000.000.000	57.615.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>61.839.670.000</b>	<b>20.300.000.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		39.839.670.000	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		22.000.000.000	20.300.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>114.684.155.246</b>	<b>107.945.257.856</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	<b>5</b>	113.708.190.129	101.595.445.546
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		530.133.659	5.459.910.663
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	<b>6</b>	985.698.295	1.869.923.634
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(539.866.837)	(980.021.987)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>143.697.992.040</b>	<b>111.362.378.709</b>
141	1. Hàng tồn kho		145.577.026.049	112.086.119.486
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.879.034.009)	(723.740.777)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>263.468.816</b>	<b>1.794.516.831</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	<b>11</b>	252.200.748	55.951.036
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	1.656.652.694
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	<b>14</b>	11.268.068	81.913.101
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>369.686.545.194</b>	<b>278.263.540.515</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>75.339.914.100</b>	<b>-</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	<b>5</b>	75.339.914.100	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>84.528.146.923</b>	<b>75.738.774.831</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>10</b>	83.563.734.197	74.551.032.540
222	- Nguyên giá		171.356.371.988	156.056.018.077
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(87.792.637.791)	(81.504.985.537)
227	2. Tài sản cố định vô hình	<b>9</b>	964.412.726	1.187.742.291
228	- Nguyên giá		1.286.081.111	1.286.081.111
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(321.668.385)	(98.338.820)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>600.369.850</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	600.369.850
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>207.494.189.336</b>	<b>199.744.829.336</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		27.651.994.227	19.902.634.227
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		179.842.195.109	179.842.195.109
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.324.294.835</b>	<b>2.179.566.498</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	<b>11</b>	2.324.294.835	2.179.566.498
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>744.376.958.348</b>	<b>628.154.729.146</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>259.828.717.001</b>	<b>150.567.009.862</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>252.085.238.757</b>	<b>143.373.796.296</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	54.771.587.247	51.322.840.794
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	3.020.001.637	3.885.077.054
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	6.823.360.907	1.834.432.106
314	4. Phải trả người lao động		13.402.779.869	15.636.970.415
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	819.648.009	2.593.402.706
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	3.161.648.680	3.412.949.078
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	153.460.748.234	46.548.779.435
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	10.668.139.193	14.037.627.433
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		5.957.324.981	4.101.717.275
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>7.743.478.244</b>	<b>7.193.213.566</b>
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	18	6.122.073.434	5.556.213.566
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.621.404.810	1.637.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>484.548.241.347</b>	<b>477.587.719.284</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>477.446.772.661</b>	<b>475.995.500.603</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		368.000.000.000	368.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		368.000.000.000	368.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		152.595.945	152.595.945
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.589.412.600)	(1.589.412.600)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		6.200.042.131	3.200.042.131
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		104.683.547.185	106.232.275.127
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		23.621.535.127	18.065.784.613
421b	LNST chưa phân phối năm nay		81.062.012.058	88.166.490.514
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>7.101.468.686</b>	<b>1.592.218.681</b>
431	1. Nguồn kinh phí	20	(52.023.000)	(25.923.000)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		7.153.491.686	1.618.141.681
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>744.376.958.348</b>	<b>628.154.729.146</b>



Lê Thanh Hải  
Người lập báo cáo



Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởng





Nguyễn Trọng Tiêu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	517.630.083.254	662.502.385.928
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	683.931.458	3.691.060.812
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		516.946.151.796	658.811.325.116
11	4. Giá vốn hàng bán	24	424.823.077.431	576.802.792.058
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		92.123.074.365	82.008.533.058
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	52.541.714.895	67.293.182.975
22	7. Chi phí tài chính	26	6.211.909.566	3.130.433.161
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.556.082.505	2.378.580.972
25	8. Chi phí bán hàng	27	13.359.555.939	18.179.158.839
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	33.701.829.813	33.691.524.133
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		91.391.493.942	94.300.599.900
31	11. Thu nhập khác	29	1.394.978.104	1.284.814.530
32	12. Chi phí khác	30	2.718.223.599	880.370.452
40	13. Lợi nhuận khác		(1.323.245.495)	404.444.078
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		90.068.248.447	94.705.043.978
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	9.006.236.389	6.538.553.464
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>81.062.012.058</b>	<b>88.166.490.514</b>


Lê Thanh Hải  
Người lập báo cáo

Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởngNguyễn Trọng Tiêu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		90.068.248.447	94.705.043.978
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8.532.460.620	7.621.838.745
03	- Các khoản dự phòng		(2.088.490.290)	5.505.722.299
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.341.647	(18.103.571)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(52.580.403.469)	(66.263.174.574)
06	- Chi phí lãi vay		5.556.082.505	2.378.580.972
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		49.491.239.460	43.929.907.849
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(79.942.556.333)	(10.666.128.635)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(33.490.906.563)	(43.300.098.445)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.815.624.809)	24.148.959.628
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		259.391.801	(412.193.061)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(39.839.670.000)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.542.186.221)	(2.228.693.572)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.669.705.789)	(7.055.249.044)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		8.755.087.949	4.142.276.795
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.297.003.381)	(5.596.353.833)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(115.091.933.886)	2.962.427.682
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(16.149.613.794)	(19.482.862.327)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		297.782.548	201.963.696
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(29.000.000.000)	(27.628.679.556)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		27.300.000.000	74.428.679.556
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7.749.360.000)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		52.479.116.407	66.729.047.862
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		27.177.925.161	94.248.149.231
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		409.466.220.795	154.881.267.784
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(302.554.251.996)	(122.471.081.789)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(73.281.945.600)	(49.544.946.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		33.630.023.199	(17.134.760.505)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(54.283.985.526)	80.075.816.408
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		108.489.035.235	28.412.800.207
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		77.343	418.620
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>54.205.127.052</u>	<u>108.489.035.235</u>

Lê Thanh Hải  
Người lập

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiến  
Tổng Giám đốc



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2017

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 01/06/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 368.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 368.000.000.000 đồng; tương đương 36.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất và kinh doanh các thiết bị điện.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### **Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## 2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng;
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.7 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.8 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.9 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 06 năm
- Bản quyền, bằng sáng chế	03 - 06 năm

**2.10 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.11 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.12 . Các khoản vay**

Giá trị khoản nợ phải trả thuế tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.13 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.14 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.15 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện đánh giá lại tính ổn định về chất lượng của các sản phẩm kết hợp xem xét chi phí bảo hành thực tế phát sinh những năm qua để làm căn cứ xác định tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cho các hợp đồng có yêu cầu. Theo đó, tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa của Công ty được thay đổi từ 5% xuống 3% để phù hợp hơn với thực tế phát sinh chi phí.

**2.16 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tính hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.17 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.19 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.20 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**2.22 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	118.666.824	399.272.548
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.086.460.228	50.474.762.687
Các khoản tương đương tiền	44.000.000.000	57.615.000.000
	<b>54.205.127.052</b>	<b>108.489.035.235</b>

Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Cầu Diễn và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất từ 5,2%/năm đến 5,5%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	22.000.000.000	22.000.000.000	20.300.000.000	20.300.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	22.000.000.000	22.000.000.000	20.300.000.000	20.300.000.000
	<b>22.000.000.000</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>20.300.000.000</b>	<b>20.300.000.000</b>

Tại 31/12/2017, các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Cầu Diễn với kỳ hạn 06 tháng, lãi suất từ 6,5%/năm đến 6,6%/năm.

**b) Chứng khoán kinh doanh**

Toàn bộ chứng khoán kinh doanh tại thời điểm 31/12/2017 là khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần GTNfoods với giá gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 39.839.670.000 đồng. Giá trị hợp lý của chứng khoán này được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2017 là 41.310.000.000 đồng, do đó không phải trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.



**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>27.651.994.227</b>	<b>-</b>	<b>19.902.634.227</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	18.027.103.006	-	10.277.743.006	-
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	9.624.891.221	-	9.624.891.221	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>179.842.195.109</b>	<b>-</b>	<b>179.842.195.109</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	179.842.195.109	-	179.842.195.109	-
	<b>207.494.189.336</b>	<b>-</b>	<b>199.744.829.336</b>	<b>-</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Đầu tư vào Công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	99,82%	99,82%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	51,35%	51,35%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

(\*) Trong năm, Công ty đã nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông khác để nâng số cổ phần nắm giữ từ 910.232 cổ phần lên 1.297.700 cổ phần. Do đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết tăng từ 70,02% lên 99,82%.

**Đầu tư vào Công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 16.

*Handwritten signature/initials*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	32.776.152.574	-
- Công ty cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	29.776.933.402	27.671.454.321
- Công ty Điện lực Hưng Yên	11.493.682.200	-
- Công ty điện lực Vĩnh phúc	10.712.897.800	-
- Công ty Điện lực Thanh Hoá	7.479.065.000	-
- Công ty Điện lực Hà Nam	6.981.076.000	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH (EVN SPC)	6.702.429.800	-
- Công ty Điện lực Thái Bình	4.829.160.000	-
- Công ty Cổ phần điện cơ Hà Nội	4.595.009.082	7.411.265.599
- Công ty Điện lực Quảng Ninh	4.482.339.088	3.756.020.457
- Công ty TNHH Một Thành Viên Điều Hành Thăm Dò Khai Thác Dầu Khí Trong Nước	4.141.818.432	-
- Công ty Điện lực Tuyên Quang	4.043.239.200	1.684.548.541
- Các khoản phải thu khách hàng khác	61.034.301.651	61.072.156.628
	<b>189.048.104.229</b>	<b>101.595.445.546</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	113.708.190.129	101.595.445.546
- Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	75.339.914.100	-
	<b>189.048.104.229</b>	<b>101.595.445.546</b>
<b>c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>38.733.122.192</b>	<b>8.010.615.148</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.		

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.069.444	-	59.460.486	-
Phải thu người lao động	39.590.995	-	42.302.992	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	68.738.747	-	558.555	-
Tạm ứng	743.018.844	-	1.064.674.190	-
Ký cược, ký quỹ	87.280.265	-	702.927.411	-
	<b>985.698.295</b>	<b>-</b>	<b>1.869.923.634</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**7 . NỢ XẤU**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn cơ khí Phong Anh	265.400.036	265.400.036	265.400.036	265.400.036
- Công ty Cổ phần xây lắp Hồng Hà	165.145.000	165.145.000	165.145.000	165.145.000
- Công ty cổ phần cơ khí xây dựng số 4	-	-	440.155.150	440.155.150
- Các khoản khác	109.321.801	109.321.801	109.321.801	109.321.801
	<b>539.866.837</b>	<b>539.866.837</b>	<b>980.021.987</b>	<b>980.021.987</b>

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định trên cơ sở xét đoán của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	68.100.951.358	(62.089.489)	45.725.274.342	-
Công cụ, dụng cụ	583.306.940	-	555.944.852	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.639.032.540	-	19.404.030.731	-
Thành phẩm	65.554.667.602	(1.816.944.520)	45.565.117.580	(723.740.777)
Hàng hoá	699.067.609	-	835.751.981	-
	<b>145.577.026.049</b>	<b>(1.879.034.009)</b>	<b>112.086.119.486</b>	<b>(723.740.777)</b>

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Cộng
	VND	VND	
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.041.600.000	244.481.111	1.286.081.111
Số dư cuối năm	<b>1.041.600.000</b>	<b>244.481.111</b>	<b>1.286.081.111</b>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	61.666.655	36.672.165	98.338.820
- Khấu hao trong năm	174.433.345	48.896.220	223.329.565
Số dư cuối năm	<b>236.100.000</b>	<b>85.568.385</b>	<b>321.668.385</b>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	979.933.345	207.808.946	1.187.742.291
Tại ngày cuối năm	<b>805.500.000</b>	<b>158.912.726</b>	<b>964.412.726</b>

## 10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	50.215.855.820	87.330.058.132	16.995.087.725	1.315.016.390	156.056.018.077
- Mua trong năm	-	17.258.939.046	641.662.727	-	17.900.601.773
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.600.247.862)	-	-	(2.600.247.862)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>50.215.855.820</b>	<b>102.188.749.316</b>	<b>17.636.750.452</b>	<b>1.315.016.390</b>	<b>171.356.371.988</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	22.763.418.341	46.851.082.520	10.616.087.832	1.274.396.824	81.504.985.537
- Khấu hao trong năm	1.605.500.022	5.850.758.053	1.225.724.709	40.619.566	8.722.602.350
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.434.950.096)	-	-	(2.434.950.096)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>24.368.918.363</b>	<b>50.266.890.477</b>	<b>11.841.812.541</b>	<b>1.315.016.390</b>	<b>87.792.637.791</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	27.452.437.489	40.678.975.612	6.378.999.873	40.619.566	74.551.032.540
Tại ngày cuối năm	25.846.937.467	51.921.858.839	5.794.937.891	-	83.563.734.197

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 15.298.701.158 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 32.497.423.081 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	128.629.392	55.951.036
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	123.571.356	-
	<b>252.200.748</b>	<b>55.951.036</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.193.935.112	1.057.956.446
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.130.359.723	1.121.610.052
	<b>2.324.294.835</b>	<b>2.179.566.498</b>

**12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH	1.322.756.908	-
Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	-	1.029.684.239
Các đối tượng khác	1.697.244.729	2.855.392.815
	<b>3.020.001.637</b>	<b>3.885.077.054</b>

**13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Y&W ENGINEERING AND TRADING CO., LTD.	18.522.184.800	18.522.184.800	177.454.560	177.454.560
- Công ty trách nhiệm hữu hạn NTT	12.164.674.709	12.164.674.709	33.000.000	33.000.000
- Công ty cổ phần Thiết bị điện	6.568.379.400	6.568.379.400	-	-
- Công ty TNHH Ánh Dương	456.269.242	456.269.242	10.471.723.114	10.471.723.114
- Công ty TNHH Hòa Phát Hà Nam	-	-	6.037.784.026	6.037.784.026
- Công ty TNHH Ánh Dương Hoà Bình	-	-	5.905.828.500	5.905.828.500
- Công ty TNHH Chế tạo máy biến áp điện lực Hà Nội	-	-	5.313.848.000	5.313.848.000
- Công ty cổ phần Thương mại xuất nhập khẩu Trường Giang	2.375.917.720	2.375.917.720	3.486.069.532	3.486.069.532
- Phải trả các đối tượng khác	14.684.161.376	14.684.161.376	19.897.133.062	19.897.133.062
	<b>54.771.587.247</b>	<b>54.771.587.247</b>	<b>51.322.840.794</b>	<b>51.322.840.794</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)	<b>6.579.665.400</b>	<b>6.579.665.400</b>	<b>535.264.400</b>	<b>535.264.400</b>

## 14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	11.174.218.025	10.401.985.209	-	772.232.816
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	81.913.101	-	432.936.402	162.291.369	11.268.068	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.574.561.979	9.006.236.389	4.648.936.047	-	5.931.862.321
Thuế Thu nhập cá nhân	-	259.870.127	2.274.301.190	2.414.905.547	-	119.265.770
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	4.267.099.944	4.267.099.944	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.921.799.774	1.921.799.774	-	-
	<u>81.913.101</u>	<u>1.834.432.106</u>	<u>29.879.591.724</u>	<u>24.828.017.890</u>	<u>11.268.068</u>	<u>6.823.260.907</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	360.791.590	346.895.306
- Trích trước chi phí thí nghiệm máy biến áp	-	1.952.642.400
- Chi phí phải trả khác	458.836.419	293.865.000
	<u>819.648.009</u>	<u>2.593.402.706</u>

## 16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	56.993.250	29.575.700
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	700.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	15.771.900	8.977.500
- Tiền lương của cán bộ, công nhân viên	3.053.850.011	2.609.057.678
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.033.519	15.338.200
	<u>3.161.648.680</u>	<u>3.412.949.078</u>

## 17 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>46.548.779.435</b>	<b>46.548.779.435</b>	<b>409.466.220.795</b>	<b>302.554.251.996</b>	<b>153.460.748.234</b>	<b>153.460.748.234</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội <sup>(1)</sup>	2.042.312.400	2.042.312.400	112.172.632.555	73.228.694.159	40.986.250.796	40.986.250.796
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	-	-	19.694.735.782	19.694.735.782	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Tây Nam Hà Nội	-	-	77.979.682.639	77.979.682.639	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội <sup>(2)</sup>	32.923.334.035	32.923.334.035	88.864.732.113	90.199.371.583	31.388.694.565	31.388.694.565
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai <sup>(3)</sup>	-	-	36.660.179.375	-	36.660.179.375	36.660.179.375
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh <sup>(4)</sup>	-	-	46.840.108.331	14.927.567.833	31.912.540.498	31.912.540.498
- Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội <sup>(5)</sup>	1.272.000.000	1.272.000.000	2.192.550.000	1.872.000.000	1.592.550.000	1.592.550.000
- Cán bộ công nhân viên <sup>(6)</sup>	10.311.133.000	10.311.133.000	25.061.600.000	24.432.200.000	10.920.533.000	10.920.533.000
	<b>46.548.779.435</b>	<b>46.548.779.435</b>	<b>409.466.220.795</b>	<b>302.554.251.996</b>	<b>153.460.748.234</b>	<b>153.460.748.234</b>



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 19/2017/HDCVHM/NHCT146-HEM ngày 11/05/2017 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội, với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC thanh toán bằng vốn vay phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức: đến hết ngày 11/05/2018;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 40.986.250.796 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo một phần bằng tài sản.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 130000478734 ngày 30/08/2016, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 130000478734-1 ngày 01/09/2017 của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 40 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức: đến hết ngày 30/08/2018;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 31.388.694.565 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không có tài sản đảm bảo.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/HDHM/VCB.HGM - HEM ký ngày 01/08/2017 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 50 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 01/08/2017;
  - + Thời hạn của khoản vay: quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 36.660.179.375 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không có tài sản đảm bảo.
- (4) Hợp đồng tín dụng số STVN770-14 ngày 24/10/2014, thoả thuận sửa đổi AC1-STVN770-14 ngày 31/03/2016 và thoả thuận sửa đổi AC2-STVN770-14 ngày 21/03/2017 của Ngân hàng CTBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 1.500.000 USD;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 21/03/2017;
  - + Thời hạn của khoản vay: quy định trên từng khế ước vay nhưng không quá 150 ngày kể từ ngày rút vốn;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 31.912.540.498 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không có tài sản đảm bảo.
- (5) Hợp đồng vay vốn giữa Công ty và Công đoàn với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất cho vay từ 5,5%/năm đến 6%/năm, không có tài sản đảm bảo và thời hạn vay không xác định.
- (6) Huy động vốn vay của cán bộ công nhân viên Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất huy động phù hợp với lãi suất thị trường trong từng thời kỳ, thời hạn vay không xác định.

**18 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Toàn bộ dự phòng phải trả ngắn hạn, dài hạn tại thời điểm 01/01/2017 và 31/12/2017 là dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	322.450.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	3.200.042.131	88.878.343.613	413.091.569.089
Tăng vớt trong năm trước	45.550.000.000	-	-	-	(45.550.000.000)	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	88.166.490.514	88.166.490.514
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(25.262.559.000)	(25.262.559.000)
Số dư cuối năm trước	368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	3.200.042.131	106.232.275.127	475.995.500.603
Số dư đầu năm nay	368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	3.200.042.131	106.232.275.127	475.995.500.603
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	81.062.012.058	81.062.012.058
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	3.000.000.000	(82.610.740.000)	(79.610.740.000)
Số dư cuối năm nay	368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	6.200.042.131	104.683.547.185	477.446.772.661

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 02/2017/EHHCĐ ngày 04 tháng 04 năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	88.166.490.514
Trích Quỹ đầu tư phát triển	3,40%	3.000.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,67%	5.000.000.000
Trích Quỹ thưởng ban quản lý, ban điều hành	1,50%	1.322.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 20% vốn điều lệ)	83,13%	73.288.740.000
Lợi nhuận chưa phân phối	6,30%	5.555.750.514

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	65,88%	242.422.450.000	65,88%	242.422.450.000
Các cổ đông khác	33,70%	124.021.250.000	33,70%	124.021.250.000
Cổ phiếu quỹ	0,42%	1.556.300.000	0,42%	1.556.300.000
	<b>100%</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>368.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	368.000.000.000	368.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	368.000.000.000	322.450.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	45.550.000.000
- Vốn góp cuối năm	368.000.000.000	368.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	73.288.740.000	22.462.559.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	73.288.740.000	22.462.559.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.800.000	36.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.800.000	36.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.800.000	36.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	155.630	155.630
- Cổ phiếu phổ thông	155.630	155.630
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.644.370	36.644.370
- Cổ phiếu phổ thông	36.644.370	36.644.370
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.200.042.131	3.200.042.131
	<b>6.200.042.131</b>	<b>3.200.042.131</b>

**20 . NGUỒN KINH PHÍ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	(25.923.000)	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	7.069.683.123	3.145.442.776
Chi sự nghiệp	(7.095.783.123)	(3.171.365.776)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	<b>(52.023.000)</b>	<b>(25.923.000)</b>

Nguồn kinh phí do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp với mục đích nghiên cứu hoàn thiện thiết kế và công nghệ chế tạo dây động cơ điện không đồng bộ 3 pha roto lồng sóc, công suất đến 30KW. Thời gian thực hiện từ 24/12/2015 đến 30/04/2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

a) Ngoại tệ các loại	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	57,07	2.061,97
b) Nợ khó đòi đã xử lý	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
	3.706.210.146	3.706.210.146

**22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Doanh thu thành phẩm	414.699.840.982	384.265.031.731
Doanh thu bán hàng hóa	52.380.804.882	243.716.242.608
Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.549.437.390	34.521.111.589
	<u>517.630.083.254</u>	<u>662.502.385.928</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)	<u>46.846.642.313</u>	<u>245.219.602.350</u>

**23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	683.931.458	3.691.060.812
	<u>683.931.458</u>	<u>3.691.060.812</u>

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	345.501.625.854	311.612.725.381
Giá vốn của hàng hóa đã bán	50.446.479.485	236.083.578.691
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	27.719.678.860	28.382.747.209
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.155.293.232	723.740.777
	<u>424.823.077.431</u>	<u>576.802.792.058</u>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.281.377.365	2.102.968.526
Cổ tức, lợi nhuận được chia	49.185.348.000	64.663.417.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	74.989.530	508.693.278
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	18.103.571
	<u>52.541.714.895</u>	<u>67.293.182.975</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.556.082.505	2.378.580.972
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	586.996.953	462.559.263
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	65.488.461	289.292.926
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.341.647	-
	<b>6.211.909.566</b>	<b>3.130.433.161</b>

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	675.029.078	629.112.284
Chi phí nhân công	3.502.840.138	1.302.998.303
Chi phí khấu hao tài sản cố định	152.964.515	191.207.536
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.137.233.961	5.720.029.261
Chi phí khác bằng tiền	5.761.475.494	5.010.150.949
Chi phí bảo hành	(1.869.987.247)	5.325.660.506
	<b>13.359.555.939</b>	<b>18.179.158.839</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.614.790.904	1.411.886.293
Chi phí nhân công	15.117.502.914	15.560.217.158
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.149.623.117	986.822.418
Thuế, phí, lệ phí	55.501.000	43.026.515
Hoàn nhập dự phòng	(440.155.150)	(73.887.688)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.646.104.526	5.266.942.768
Chi phí khác bằng tiền	11.558.462.502	10.496.516.669
	<b>33.701.829.813</b>	<b>33.691.524.133</b>

**29 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	113.678.104	-
Thu nhập từ hỗ trợ quản lý của đối tác đầu tư vào Công ty TNHH SAS-CTAMAD.	1.231.300.000	1.215.000.000
Thu nhập khác	50.000.000	69.814.530
	<b>1.394.978.104</b>	<b>1.284.814.530</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	503.211.552
Các khoản phạt	2.644.863.110	352.158.900
Chi phí khác	73.360.489	25.000.000
	<b><u>2.718.223.599</u></b>	<b><u>880.370.452</u></b>

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90.068.248.447	94.705.043.978
Các khoản điều chỉnh tăng	4.148.358.841	2.652.058.517
- Chi phí không hợp lệ	4.148.358.841	2.651.559.561
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	498.956
Các khoản điều chỉnh giảm	(49.185.425.343)	(64.664.335.176)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(49.185.348.000)	(64.663.417.600)
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(77.343)	(917.576)
Thu nhập chịu thuế TNDN	45.031.181.945	32.692.767.319
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b><u>9.006.236.389</u></b>	<b><u>6.538.553.464</u></b>
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN hiện hành năm nay	20.769.742	156.856.250
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.574.561.979	1.934.401.309
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.669.705.789)	(7.055.249.044)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b><u>5.931.862.321</u></b>	<b><u>1.574.561.979</u></b>

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	340.181.436.727	331.462.676.387
Chi phí nhân công	48.196.388.678	51.593.811.532
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.532.460.620	7.621.838.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.924.543.258	21.050.658.765
Chi phí khác bằng tiền	18.916.196.536	24.537.508.366
	<b><u>434.751.025.819</u></b>	<b><u>436.266.493.795</u></b>

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.205.127.052	-	108.489.035.235	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	190.033.802.524	(539.866.837)	103.465.369.180	(980.021.987)
Các khoản cho vay	22.000.000.000	-	20.300.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	39.839.670.000	-	-	-
	<b>306.078.599.576</b>	<b>(539.866.837)</b>	<b>232.254.404.415</b>	<b>(980.021.987)</b>

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	153.460.748.234	46.548.779.435
Phải trả người bán, phải trả khác	57.933.235.927	54.735.789.872
Chi phí phải trả	819.648.009	2.593.402.706
	<b>212.213.632.170</b>	<b>103.877.972.013</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	39.839.670.000	-	-	39.839.670.000
	<u>39.839.670.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>39.839.670.000</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.205.127.052	-	-	54.205.127.052
Phải thu khách hàng, phải thu khác	114.154.021.587	75.339.914.100	-	189.493.935.687
Các khoản cho vay	22.000.000.000	-	-	22.000.000.000
	<u>190.359.148.639</u>	<u>75.339.914.100</u>	<u>-</u>	<u>265.699.062.739</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.489.035.235	-	-	108.489.035.235
Phải thu khách hàng, phải thu khác	102.485.347.193	-	-	102.485.347.193
Các khoản cho vay	20.300.000.000	-	-	20.300.000.000
	<u>231.274.382.428</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>231.274.382.428</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở đồng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	153.460.748.234	-	-	153.460.748.234
Phải trả người bán, phải trả khác	57.933.235.927	-	-	57.933.235.927
Chi phí phải trả	819.648.009	-	-	819.648.009
	<u>212.213.632.170</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>212.213.632.170</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	46.548.779.435	-	-	46.548.779.435
Phải trả người bán, phải trả khác	54.735.789.872	-	-	54.735.789.872
Chi phí phải trả	2.593.402.706	-	-	2.593.402.706
	<u>103.877.972.013</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>103.877.972.013</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Do Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh máy biến áp, linh kiện thiết bị điện và chi hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
Tổng công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	46.846.642.313	245.219.602.350
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	Cùng Công ty mẹ	-	227.548.633.432
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Công ty mẹ	37.016.677.340	3.344.100.000
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	4.918.826.000	3.976.636.364
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	Cùng Công ty mẹ	-	237.477.273
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Gelex	Cùng Công ty mẹ	1.867.702.274	332.468.183
Công ty Cổ phần Điện Cơ Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	493.636.364	-
Trường Cao Đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	2.520.607.475	9.779.154.138
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I	Công ty con	1.976.860	1.132.960
	Cùng Công ty mẹ	27.216.000	-
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>			
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	21.536.392.528	7.760.733.759
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	Cùng Công ty mẹ	723.486.780	6.325.538.383
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Cùng Công ty mẹ	1.270.084.920	486.604.000
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	Công ty liên kết	-	268.954.321
Công ty Cổ phần Điện Cơ Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	714.025.878	22.750.200
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty con	416.378.000	656.886.855
Cổ tức, lợi nhuận được chia	Cùng Công ty mẹ	18.412.416.950	-
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết	47.250.000.000	61.600.000.000
		47.250.000.000	61.600.000.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>			
Tổng công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	38.733.122.192	8.010.615.148
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	Cùng Công ty mẹ	201.758.036	599.349.549
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	32.776.152.574	-
Công ty TNHH MTV Cadivi miền Bắc	Công ty con	4.595.009.082	7.411.265.599
Ứng trước cho nhà cung cấp	Cùng Công ty mẹ	1.160.202.500	-
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc		-	222.536.390
	Cùng Công ty mẹ	-	222.536.390
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	Cùng Công ty mẹ	6.579.665.400	535.264.400
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Công ty mẹ	11.286.000	535.264.400
Người mua trả tiền trước	Cùng Công ty mẹ	6.568.379.400	-
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam		-	104.490.000
	Cùng Công ty mẹ	-	104.490.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.169.763.375	2.604.861.113
Thu nhập của Tổng Giám đốc	686.412.850	708.957.732

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

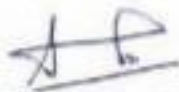
Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**37 . SỔ LIỆU SO SÁNH**

Sổ liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lê Thanh Hải  
Người lập

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiểu  
Tổng Giám đốc





## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

A member of  International

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-37
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-37



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 01/06/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Đình Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23/10/2017
Ông Phạm Mạnh Hà	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 23/10/2017
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/10/2017
Ông Bùi Quốc Bảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/10/2017
Ông Nguyễn Hoa Cương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/10/2017
Ông Dương Hữu Hiệu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01/06/2017
Ông Hoàng Anh Dũng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01/06/2017
Ông Nguyễn Đình Hùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/10/2017
Ông Đoàn Văn Quý	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2017
Ông Hoàng Anh Dũng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/06/2017
Ông Đoàn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hà Tiến Lực	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngõ Văn Mẫn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2017

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Minh Cúc	Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Lan Phương	Thành viên
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Tiểu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội được lập ngày 10 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biên**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0743-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018*

**Trương Thị Hoài Anh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2446-2018-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

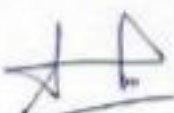
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>399.591.303.995</b>	<b>376.791.180.863</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	57.352.948.855	112.293.999.848
111	1. Tiền		11.952.948.855	52.178.999.848
112	2. Các khoản tương đương tiền		45.400.000.000	60.115.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	72.339.670.000	31.300.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		39.839.670.000	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		32.500.000.000	31.300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		119.199.820.895	111.502.022.020
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	117.034.921.792	103.865.912.775
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.352.659.645	6.095.517.598
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.403.177.295	2.571.684.634
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(590.937.837)	(1.031.092.987)
140	IV. Hàng tồn kho	8	150.417.917.401	119.900.642.164
141	1. Hàng tồn kho		152.296.951.410	120.624.382.941
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.879.034.009)	(723.740.777)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		280.946.844	1.794.516.831
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	269.678.776	55.951.036
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	1.656.652.694
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	11.268.068	81.913.101
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>438.535.536.793</b>	<b>356.178.661.854</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		75.339.914.100	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	75.339.914.100	-
220	II. Tài sản cố định		99.329.381.091	91.858.377.209
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	98.364.968.365	90.670.634.918
222	- Nguyên giá		203.021.866.892	187.572.798.390
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(104.656.898.527)	(96.902.163.472)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	964.412.726	1.187.742.291
228	- Nguyên giá		1.286.081.111	1.286.081.111
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(321.668.385)	(98.338.820)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	600.369.850
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	600.369.850
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	259.009.962.100	259.167.885.414
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		259.009.962.100	259.167.885.414
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.856.279.502	4.552.029.381
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	4.856.279.502	4.552.029.381
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>838.126.840.788</b>	<b>732.969.842.717</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>265.948.727.013</b>	<b>156.478.570.474</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>258.205.248.769</b>	<b>149.285.356.908</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	55.466.532.922	51.769.343.196
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	4.091.121.768	4.018.504.654
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	6.990.853.371	2.466.075.373
314	4. Phải trả người lao động		14.293.063.994	17.237.126.309
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	868.964.205	2.626.843.898
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.260.275.200	1.171.006.433
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	3.431.191.102	3.607.381.524
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	153.460.748.234	46.548.779.435
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	10.668.139.193	14.037.627.433
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.674.358.780	5.802.668.653
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>7.743.478.244</b>	<b>7.193.213.566</b>
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	18	6.122.073.434	5.556.213.566
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.621.404.810	1.637.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>572.178.113.775</b>	<b>576.491.272.243</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>565.076.645.089</b>	<b>574.899.053.562</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		368.000.000.000	368.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		368.000.000.000	368.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		152.595.945	152.595.945
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.589.412.600)	(1.589.412.600)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		7.926.026.801	4.830.224.674
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		181.551.913.159	187.920.935.086
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		105.055.327.106	120.970.813.112
421b	LNST chưa phân phối năm nay		76.496.586.053	66.950.121.974
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		9.035.521.784	15.584.710.457
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>7.101.468.686</b>	<b>1.592.218.681</b>
431	1. Nguồn kinh phí	20	(52.023.000)	(25.923.000)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		7.153.491.686	1.618.141.681
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>838.126.840.788</b>	<b>732.969.842.717</b>



Lê Thanh Hải  
Người lập báo cáo

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thị Thanh Yến  
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiêu  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	542.734.192.912	686.617.584.118
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	683.931.458	3.691.060.812
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		542.050.261.454	682.926.523.306
11	4. Giá vốn hàng bán	24	445.416.459.196	591.782.487.038
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		96.633.802.258	91.144.036.268
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	51.419.363.405	65.599.316.958
22	7. Chi phí tài chính	26	6.211.909.566	3.130.433.161
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.556.082.505	2.378.580.972
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.252.776.385	(20.498.236.433)
25	9. Chi phí bán hàng	27	15.952.432.851	21.251.472.450
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	36.408.544.275	36.921.630.321
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		90.733.055.356	74.941.580.861
31	12. Thu nhập khác	29	1.394.978.104	1.284.814.530
32	13. Chi phí khác	30	2.718.223.599	880.370.452
40	14. Lợi nhuận khác		(1.323.245.495)	404.444.078
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		89.409.809.861	75.346.024.939
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	9.081.595.014	7.124.520.871
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	58.209.173
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>80.328.214.847</u>	<u>68.163.294.895</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		80.409.402.662	66.950.121.974
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(81.187.815)	1.213.172.921
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	2.194	1.827



Lê Thanh Hải  
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiểu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		89.409.809.861	75.346.024.939
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10.035.828.830	9.196.280.668
03	- Các khoản dự phòng		(2.088.490.290)	5.505.722.299
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.341.647	(18.103.571)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(52.710.828.364)	(44.071.072.124)
06	- Chi phí lãi vay		5.556.082.505	2.378.580.972
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		50.205.744.189	48.337.433.183
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(81.019.022.818)	(13.245.461.496)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(31.672.568.469)	(45.080.324.200)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.252.649.048)	22.723.433.155
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		82.391.989	(338.502.374)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(39.839.670.000)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.542.186.221)	(2.228.693.572)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.115.673.196)	(7.657.869.918)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9.050.087.949	4.142.276.795
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.831.092.581)	(6.228.998.833)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(113.934.638.206)	423.292.740
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(16.334.613.794)	(19.884.147.736)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		297.782.548	201.963.696
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(29.500.000.000)	(27.628.679.556)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		28.300.000.000	77.928.679.556
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7.749.360.000)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		51.474.329.917	64.610.616.845
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		26.488.138.671	95.228.432.805
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		409.466.220.795	154.881.267.784
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(302.554.251.996)	(122.471.081.789)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(74.406.597.600)	(51.597.312.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		32.505.371.199	(19.187.126.205)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(54.941.128.336)	76.464.599.340
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		112.293.999.848	35.828.981.888
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		77.343	418.620
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>57.352.948.855</u>	<u>112.293.999.848</u>


Lê Thanh Hải  
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Yên  
Kế toán trưởngNguyễn Trọng Tiểu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2017

**I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 01/06/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 368.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 368.000.000.000 đồng; tương đương 36.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất và kinh doanh các thiết bị điện.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng.

**Cấu trúc Tập đoàn**

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	99,82%	99,82%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	51,35%	51,35%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

(\*): Trong năm, Công ty đã nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông khác để nâng số cổ phần nắm giữ từ 910.232 cổ phần lên 1.297.700 cổ phần. Do đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết tăng từ 70,02% lên 99,82%.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

- Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.



**2.4 . Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết* mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 06 năm
- Bản quyền, bằng sáng chế	03 - 06 năm

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.13 . Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.16 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện đánh giá lại tình ổn định về chất lượng của các sản phẩm kết hợp xem xét chi phí bảo hành thực tế phát sinh những năm qua để làm căn cứ xác định tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cho các hợp đồng có yêu cầu. Theo đó, tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa của Công ty được thay đổi từ 5% xuống 3% để phù hợp hơn với thực tế phát sinh chi phí.

**2.17 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước về số tiền học phí của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**2.18 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.19 . Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.21 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, ... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

CC  
CH  
ANC  
24/

**2.22 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**2.24 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	127.217.113	434.268.663
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.825.731.742	51.744.731.185
Các khoản tương đương tiền	45.400.000.000	60.115.000.000
	<u>57.352.948.855</u>	<u>112.293.999.848</u>

Tại 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Cầu Diễn và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất từ 5,2%/năm đến 5,5%/năm.

## 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

## a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	32.500.000.000	32.500.000.000	31.300.000.000	31.300.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	32.500.000.000	32.500.000.000	31.300.000.000	31.300.000.000
	<u>32.500.000.000</u>	<u>32.500.000.000</u>	<u>31.300.000.000</u>	<u>31.300.000.000</u>

Tại 31/12/2017, các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Cầu Diễn với kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 6,1%/năm đến 7,1%/năm.

## b) Chứng khoán kinh doanh

Toàn bộ chứng khoán kinh doanh tại thời điểm 31/12/2017 là khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần GTNfoods với giá gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 39.839.670.000 đồng. Giá trị hợp lý của chứng khoán này được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2017 là 41.310.000.000 đồng, do đó không phải trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

## c) Đầu tư vào Công ty liên kết

	31/12/2017				01/01/2017			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào Công ty liên kết								
- Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	259.009.962.100	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	259.167.885.414
				<u>259.009.962.100</u>				<u>259.167.885.414</u>

Các giao dịch trong yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 37.

15 0 2 0 1 7

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	32.776.152.574	-
- Công ty cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	29.776.933.402	27.671.454.321
- Công ty Điện lực Hưng Yên	11.493.682.200	-
- Công ty điện lực Vĩnh phúc	10.712.897.800	-
- Công ty Điện lực Thanh Hoá	7.479.065.000	-
- Công ty Điện lực Hà Nam	6.981.076.000	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH (EVN SPC)	6.702.429.800	-
- Công ty Điện lực Thái Bình	4.829.160.000	-
- Công ty Cổ phần điện cơ Hà Nội	4.595.009.082	7.411.265.599
- Công ty Điện lực Quảng Ninh	4.482.339.088	3.756.020.457
- Công ty TNHH Một Thành Viên Điều Hành Thăm Dò Khai Thác Dầu Khí Trong Nước	4.141.818.432	-
- Công ty Điện lực Tuyên Quang	4.043.239.200	1.684.548.541
- Các khoản phải thu khách hàng khác	64.361.033.314	63.342.623.857
	<b>192.374.835.892</b>	<b>103.865.912.775</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	117.034.921.792	103.865.912.775
- Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	75.339.914.100	-
	<b>192.374.835.892</b>	<b>103.865.912.775</b>
<b>c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>34.138.113.110</b>	<b>599.349.549</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.		

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	354.069.444	-	484.025.486	-
Phải thu người lao động	39.590.995	-	42.302.992	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	68.738.747	-	558.555	-
Tạm ứng	853.497.844	-	1.341.870.190	-
Ký cược, ký quỹ	87.280.265	-	702.927.411	-
	<b>1.403.177.295</b>	<b>-</b>	<b>2.571.684.634</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**7 . NỢ XẤU**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn cơ khí Phong Anh	265.400.036	265.400.036	265.400.036	265.400.036
- Công ty Cổ phần xây lắp Hồng Hà	165.145.000	165.145.000	165.145.000	165.145.000
- Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng số 4	-	-	440.155.150	440.155.150
- Các khoản khác	160.392.801	160.392.801	160.392.801	160.392.801
	<b>590.937.837</b>	<b>590.937.837</b>	<b>1.031.092.987</b>	<b>1.031.092.987</b>

Giá trị có thể thu hồi được của các khoản nợ xấu được xác định trên cơ sở xét đoán của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	69.059.724.370	(62.089.489)	46.990.388.345	-
Công cụ, dụng cụ	635.214.674	-	614.596.026	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.437.159.282	-	21.859.274.651	-
Thành phẩm	69.368.824.495	(1.816.944.520)	50.285.649.073	(723.740.777)
Hàng hoá	796.028.589	-	874.474.846	-
	<b>152.296.951.410</b>	<b>(1.879.034.009)</b>	<b>120.624.382.941</b>	<b>(723.740.777)</b>

## 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	71.652.084.608	93.648.703.554	20.692.019.552	1.579.990.676	187.572.798.390
- Mua trong năm	-	17.443.939.046	641.662.727	-	18.085.601.773
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.636.533.271)	-	-	(2.636.533.271)
Số dư cuối năm	<u>71.652.084.608</u>	<u>108.456.109.329</u>	<u>21.333.682.279</u>	<u>1.579.990.676</u>	<u>203.021.866.892</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	31.149.249.552	51.448.571.488	13.016.745.608	1.287.596.824	96.902.163.472
- Khấu hao trong năm	2.509.862.250	6.080.224.908	1.595.263.836	40.619.566	10.225.970.560
- Tăng khác	(8.909.316)	-	8.909.316	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.471.235.505)	-	-	(2.471.235.505)
Số dư cuối năm	<u>33.650.202.486</u>	<u>55.057.560.891</u>	<u>14.620.918.760</u>	<u>1.328.216.390</u>	<u>104.656.898.527</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	40.502.835.056	42.200.132.066	7.675.273.044	292.393.852	90.670.634.918
Tại ngày cuối năm	<u>38.001.887.122</u>	<u>53.398.548.438</u>	<u>6.712.763.519</u>	<u>251.774.286</u>	<u>98.364.968.365</u>

## Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 13.298.701.158 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 34.671.866.456 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.041.600.000	244.481.111	1.286.081.111
Số dư cuối năm	<u>1.041.600.000</u>	<u>244.481.111</u>	<u>1.286.081.111</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	61.666.655	36.672.165	98.338.820
- Khấu hao trong năm	174.433.345	48.896.220	223.329.565
Số dư cuối năm	<u>236.100.000</u>	<u>85.568.385</u>	<u>321.668.385</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	979.933.345	207.808.946	1.187.742.291
Tại ngày cuối năm	<u>805.500.000</u>	<u>158.912.726</u>	<u>964.412.726</u>

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) <b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	146.107.420	55.951.036
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	123.571.356	-
	<u>269.678.776</u>	<u>55.951.036</u>
b) <b>Dài hạn</b>		
Tiền thuê đất trả trước	2.129.107.636	2.217.105.028
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.422.409.472	1.213.314.301
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.304.762.394	1.121.610.052
	<u>4.856.279.502</u>	<u>4.552.029.381</u>

**12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH	1.322.756.908	-
Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	-	1.029.684.239
Các đối tượng khác trả tiền trước	2.768.364.860	2.988.820.415
	<u>4.091.121.768</u>	<u>4.018.504.654</u>

**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư âm</b>				
- Y&W ENGINEERING AND TRADING CO., LTD.	18.522.184.800	18.522.184.800	177.454.560	177.454.560
- Công ty trách nhiệm hữu hạn NTT	12.164.674.709	12.164.674.709	33.000.000	33.000.000
- Công ty cổ phần Thiết bị điện	6.568.379.400	6.568.379.400	-	-
- Công ty TNHH Ánh Dương	456.269.242	456.269.242	10.471.723.114	10.471.723.114
- Công ty TNHH Hòa Phát Hà Nam	-	-	6.037.784.026	6.037.784.026
- Công ty TNHH Ánh Dương Hoà Bình	-	-	5.905.828.500	5.905.828.500
- Công ty TNHH Chế tạo máy biến áp điện lực Hà Nội	-	-	5.313.848.000	5.313.848.000
- Công ty cổ phần Thương mại xuất nhập khẩu Trường Giang	2.375.917.720	2.375.917.720	3.486.069.532	3.486.069.532
- Phải trả các đối tượng khác	15.379.107.051	15.379.107.051	20.343.635.464	20.343.635.464
	<b>55.466.532.922</b>	<b>55.466.532.922</b>	<b>51.769.343.196</b>	<b>51.769.343.196</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)	<b>6.579.665.400</b>	<b>6.579.665.400</b>	<b>535.264.400</b>	<b>535.264.400</b>

## 14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	208.452.625	13.206.847.428	12.490.840.898	-	924.459.155
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	81.913.101	-	432.936.402	362.291.369	11.268.068	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.950.529.386	9.081.595.014	5.094.903.454	-	5.937.220.946
Thuế Thu nhập cá nhân	-	307.095.362	2.590.921.749	2.768.841.841	-	129.173.270
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	4.267.099.944	4.267.099.944	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.921.799.774	1.921.799.774	-	-
	<u>81.913.101</u>	<u>2.466.075.373</u>	<u>31.506.206.311</u>	<u>26.910.777.280</u>	<u>11.268.068</u>	<u>6.990.853.371</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	360.791.590	346.893.306
- Trích trước chi phí thí nghiệm máy biến áp	-	1.952.642.400
- Chi phí phải trả khác	508.172.615	327.306.192
	<u>868.964.205</u>	<u>2.626.841.898</u>

## 16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	104.216.396	29.175.700
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	700.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	15.771.900	8.977.500
- Phải trả tiền lương của bộ, công nhân viên	3.053.850.011	2.659.057.678
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	257.352.795	209.770.646
	<u>3.431.191.102</u>	<u>3.607.981.524</u>

## 17 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Số có khả năng trả nợ				Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị		Tăng	Giảm	Giá trị	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>46.548.779.435</b>	<b>46.548.779.435</b>	<b>409.466.228.795</b>	<b>302.554.251.996</b>	<b>153.460.748.234</b>	<b>153.460.748.234</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội <sup>(1)</sup>	2.042.312.400	2.042.312.400	112.172.432.555	73.228.694.159	40.986.250.796	40.986.250.796
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	-	-	19.694.735.782	19.694.735.782	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Tây Nam Hà Nội	-	-	77.979.682.639	77.979.682.639	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội <sup>(2)</sup>	32.923.334.035	32.923.334.035	88.864.752.115	90.399.371.583	31.388.694.565	31.388.694.565
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai <sup>(3)</sup>	-	-	36.660.179.375	-	36.660.179.375	36.660.179.375
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh <sup>(4)</sup>	-	-	46.840.108.331	14.927.567.833	31.912.540.498	31.912.540.498
- Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội <sup>(5)</sup>	1.272.000.000	1.272.000.000	2.192.550.000	1.872.000.000	1.592.550.000	1.592.550.000
- Cán bộ công nhân viên <sup>(6)</sup>	10.311.133.000	10.311.133.000	25.061.600.000	24.452.300.000	10.920.533.000	10.920.533.000
	<b>46.548.779.435</b>	<b>46.548.779.435</b>	<b>409.466.228.795</b>	<b>302.554.251.996</b>	<b>153.460.748.234</b>	<b>153.460.748.234</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 19/2017/HĐCVHM/NHCT146-HEM ngày 11/05/2017 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội, với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC thanh toán bằng vốn vay phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức: đến hết ngày 11/05/2018;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 40.986.250.796 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo một phần bằng tài sản.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 130000478734 ngày 30/08/2016, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 130000478734-1 ngày 01/09/2017 của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 40 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức: đến hết ngày 30/08/2018;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 31.388.694.565 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không có tài sản đảm bảo.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/HĐHM/VCB.HGM - HEM ký ngày 01/08/2017 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 50 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 01/08/2017;
  - + Thời hạn của khoản vay: quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 36.660.179.375 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không có tài sản đảm bảo.
- (4) Hợp đồng tín dụng số STVN770-14 ngày 24/10/2014, thoả thuận sửa đổi AC1-STVN770-14 ngày 31/03/2016 và thoả thuận sửa đổi AC2-STVN770-14 ngày 21/03/2017 của Ngân hàng CTBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 1.500.000 USD;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 21/03/2017;
  - + Thời hạn của khoản vay: quy định trên từng khế ước vay nhưng không quá 150 ngày kể từ ngày rút vốn;
  - + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 31.912.540.498 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không có tài sản đảm bảo.
- (5) Hợp đồng vay vốn giữa Công ty và Công đoàn với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất cho vay từ 5,5%/năm đến 6%/năm, không có tài sản đảm bảo và thời hạn vay không xác định.
- (6) Huy động vốn vay của cán bộ công nhân viên Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất huy động phù hợp với lãi suất thị trường trong từng thời kỳ, thời hạn vay không xác định.

**18 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Toàn bộ dự phòng phải trả ngắn hạn, dài hạn tại thời điểm 01/01/2017 và 31/12/2017 là dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa.

19 - VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quy định từ phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	322.450.000.000	152.595.945	(3.589.412.600)	4.608.770.777	192.525.761.883	16.701.243.006	534.928.967.011
Tăng vào trong năm trước	45.520.000.000	-	-	-	(45.520.000.000)	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	66.950.121.974	1.213.172.921	68.163.294.895
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban đầu hành	-	-	-	-	(3.085.816.094)	(143.183.206)	(3.229.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(22.462.529.090)	(2.051.582.400)	(24.514.141.400)
Phân phối lợi nhuận công ty con	-	-	-	141.445.897	(141.445.897)	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(315.127.180)	(134.920.764)	(450.066.944)
Số dư cuối năm trước	368.000.000.000	152.595.945	(3.589.412.600)	4.830.224.674	187.920.935.886	15.584.710.457	574.899.053.562
Số dư đầu năm nay	368.000.000.000	152.595.945	(3.589.412.600)	4.830.224.674	187.920.935.886	15.584.710.457	574.899.053.562
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	80.409.402.662	(81.187.815)	80.221.584.847
Trích lập các quỹ tại công ty mẹ	-	-	-	1.000.000.000	(9.322.000.000)	-	(8.322.000.000)
Trích lập các quỹ tại công ty con	-	-	-	95.803.127	(254.867.981)	(96.105.767)	(255.171.621)
Chia cổ tức tại công ty mẹ	-	-	-	-	(73.288.740.000)	-	(73.288.740.000)
Chia cổ tức tại công ty con	-	-	-	-	(3.580.116.910)	(1.124.652.000)	(4.704.768.910)
Mua cổ phần tại công ty con	-	-	-	-	(1.410.099.699)	-	(1.410.099.699)
Điều chỉnh hợp nhất công ty liên kết theo số liệu đã được kiểm toán các kỳ trước	-	-	-	-	-	(1)	-
Điều chỉnh do hợp nhất	240.000.000.000	152.595.945	(3.589.412.600)	7.926.024.881	181.551.913.129	8.026.521.784	565.076.643.089
Số dư cuối năm nay	608.000.000.000	305.191.890	(7.178.825.200)	12.756.249.555	369.472.848.015	7.561.188.673	1.145.952.697.723

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông tại công ty mẹ và các công ty con, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 tại các công ty như sau:

	Phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ		Phân phối lợi nhuận tại Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội		Phân phối lợi nhuận tại Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	
	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND	%	VND	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	88.146.490.514	100,00%	1.224.201.466	100,00%	2.236.996.919
Trích Quỹ đầu tư phát triển	3,40%	3.000.000.000	0,00%	-	6,12%	136.825.298
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,67%	5.000.000.000	7,83%	105.000.000	6,71%	150.171.621
Trích Quỹ thưởng ban quản lý, ban đầu hành	1,50%	1.322.000.000	0,00%	-	0,00%	-
Chia cổ tức	83,17%	73.288.740.000	83,82%	1.110.000.000	87,17%	1.950.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	6,30%	5.535.750.514	8,25%	109.201.466	0,00%	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	65,88%	242.422.450.000	65,88%	242.422.450.000
Các cổ đông khác	33,70%	124.021.250.000	33,70%	124.021.250.000
Cổ phiếu quỹ	0,42%	1.556.300.000	0,42%	1.556.300.000
	<b>100%</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>368.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	368.000.000.000	368.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	368.000.000.000	322.450.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	45.550.000.000
- Vốn góp cuối năm	368.000.000.000	368.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	73.288.740.000	22.462.559.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	73.288.740.000	22.462.559.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.800.000	36.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.800.000	36.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.800.000	36.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	155.630	155.630
- Cổ phiếu phổ thông	155.630	155.630
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.644.370	36.644.370
- Cổ phiếu phổ thông	36.644.370	36.644.370
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.926.026.801	4.830.224.674
	<b>7.926.026.801</b>	<b>4.830.224.674</b>

**20 . NGUỒN KINH PHÍ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	(25.923.000)	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	7.069.683.123	3.145.442.776
Chi sự nghiệp	(7.095.783.123)	(3.171.365.776)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	<b>(52.023.000)</b>	<b>(25.923.000)</b>

Nguồn kinh phí do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp với mục đích nghiên cứu hoàn thiện thiết kế và công nghệ chế tạo dây động cơ điện không đồng bộ 3 pha roto lồng sóc, công suất đến 30KW. Thời gian thực hiện từ 24/12/2015 đến 30/04/2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****a) Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	57,07	2.061,97

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
	3.706.210.146	3.706.210.146

**22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Doanh thu thành phẩm	418.062.538.232	386.605.758.138
Doanh thu bán hàng hóa	52.439.816.382	244.407.097.608
Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.231.838.298	55.604.728.372
	<u>542.734.192.912</u>	<u>686.617.584.118</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)	<u>44.324.057.978</u>	<u>235.439.315.252</u>

**23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	683.931.458	3.691.060.812
	<u>683.931.458</u>	<u>3.691.060.812</u>

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	348.167.152.527	313.063.919.539
Giá vốn của hàng hóa đã bán	50.491.069.785	236.493.118.428
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	45.602.943.652	41.501.708.294
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.155.293.232	723.740.777
	<u>445.416.459.196</u>	<u>591.782.487.038</u>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.094.373.875	3.472.520.109
Cổ tức, lợi nhuận được chia	47.250.000.000	61.600.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	74.989.530	508.693.278
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	18.103.571
	<u>51.419.363.405</u>	<u>65.599.316.958</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.556.082.505	2.378.580.972
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	586.996.953	462.559.263
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	65.488.461	289.292.926
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.341.647	-
	<b>6.211.909.566</b>	<b>3.130.433.161</b>

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	675.029.078	629.112.284
Chi phí nhân công	3.911.393.920	1.906.128.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	217.111.320	272.623.017
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.137.233.961	5.720.029.261
Chi phí khác bằng tiền	7.881.651.819	7.397.919.258
Chi phí bảo hành	(1.869.987.247)	5.325.660.506
	<b>15.952.432.851</b>	<b>21.251.472.450</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.614.790.904	1.413.996.293
Chi phí nhân công	16.651.749.991	17.363.190.769
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.265.158.069	1.121.913.519
Thuế, phí, lệ phí	55.501.000	54.845.495
Hoàn nhập dự phòng	(440.155.150)	(73.887.688)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.790.104.526	5.326.942.768
Chi phí khác bằng tiền	12.471.394.935	11.714.629.165
	<b>36.408.544.275</b>	<b>36.921.630.321</b>

**29 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	113.678.104	-
Thu nhập từ hỗ trợ quản lý của đối tác đầu tư vào Công ty TNHH SAS-CTAMAD.	1.231.300.000	1.215.000.000
Thu nhập khác	50.000.000	69.814.530
	<b>1.394.978.104</b>	<b>1.284.814.530</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	503.211.552
Các khoản bị phạt	2.644.863.110	352.158.900
Chi phí khác	73.360.489	25.000.000
	<b>2.718.223.599</b>	<b>880.370.452</b>

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.081.595.014	7.124.520.871
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN hiện hành năm nay	20.769.742	156.856.250
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.950.529.386	2.327.022.183
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.115.673.196)	(7.657.869.918)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<b>5.937.220.946</b>	<b>1.950.529.386</b>

**32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	80.409.402.662	66.950.121.974
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	80.409.402.662	66.950.121.974
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	36.644.370	36.644.370
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>2.194</b>	<b>1.827</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hàng năm.

**33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	347.225.653.012	335.629.561.040
Chi phí nhân công	58.178.586.526	61.866.389.255
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.035.828.830	9.196.280.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.413.138.331	15.305.977.131
Chi phí khác bằng tiền	23.178.829.454	29.326.402.866
	<b>458.032.036.153</b>	<b>451.324.610.960</b>

**34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	57.352.948.855	-	112.293.999.848	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	193.778.013.187	(590.937.837)	106.437.597.409	(1.031.092.987)
Các khoản cho vay	32.500.000.000	-	31.300.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	39.839.670.000	-	-	-
	<b>323.470.632.042</b>	<b>(590.937.837)</b>	<b>250.031.597.257</b>	<b>(1.031.092.987)</b>

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	153.460.748.234	46.548.779.435
Phải trả người bán, phải trả khác	58.897.724.024	55.376.724.720
Chi phí phải trả	868.964.205	2.626.843.898
	<b>213.227.436.463</b>	<b>104.552.348.053</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được định giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	39.839.670.000	-	-	39.839.670.000
	<u>39.839.670.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>39.839.670.000</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.352.948.855	-	-	57.352.948.855
Phải thu khách hàng, phải thu khác	117.847.161.250	75.339.914.100	-	193.187.075.350
Các khoản cho vay	32.500.000.000	-	-	32.500.000.000
	<u>207.700.110.105</u>	<u>75.339.914.100</u>	<u>-</u>	<u>283.040.024.205</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	112.293.999.848	-	-	112.293.999.848
Phải thu khách hàng, phải thu khác	105.406.504.422	-	-	105.406.504.422
Các khoản cho vay	31.300.000.000	-	-	31.300.000.000
	<u>249.000.504.270</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>249.000.504.270</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	153.460.748.234	-	-	153.460.748.234
Phải trả người bán, phải trả khác	58.897.724.024	-	-	58.897.724.024
Chi phí phải trả	868.964.205	-	-	868.964.205
	<u>213.227.436.463</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>213.227.436.463</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	46.548.779.435	-	-	46.548.779.435
Phải trả người bán, phải trả khác	55.376.724.720	-	-	55.376.724.720
Chi phí phải trả	2.626.843.898	-	-	2.626.843.898
	<u>104.552.348.053</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>104.552.348.053</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Do Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh máy biến áp, linh kiện thiết bị điện và chi hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,  
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>44.324.057.978</b>	<b>235.439.315.252</b>
Tổng công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	-	227.548.633.432
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	Cùng Công ty mẹ	37.016.677.340	3.344.100.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Công ty mẹ	4.918.826.000	3.976.636.364
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	-	237.477.273
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	Cùng Công ty mẹ	1.867.702.274	332.468.183
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Gelex	Cùng Công ty mẹ	493.636.364	-
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I	Cùng Công ty mẹ	27.216.000	-
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>21.536.392.528</b>	<b>7.760.733.759</b>
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	723.486.780	6.325.538.383
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	Cùng Công ty mẹ	1.270.084.920	486.604.000
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết	-	268.954.321
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	Cùng Công ty mẹ	714.025.878	22.750.200
Công ty Cổ phần Điện Cơ Hà Nội	Công ty con	416.378.000	656.886.855
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Công ty mẹ	18.412.416.950	-

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>34.138.113.110</b>	<b>599.349.549</b>
Tổng công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	201.758.036	599.349.549
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	Cùng Công ty mẹ	32.776.152.574	-
Công ty TNHH MTV Cadivi miền Bắc	Cùng Công ty mẹ	1.160.202.500	-
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>		<b>-</b>	<b>222.536.390</b>
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	Cùng Công ty mẹ	-	222.536.390
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>6.579.665.400</b>	<b>535.264.400</b>
Công ty TNHH MTV Thiết bị đo điện	Cùng Công ty mẹ	11.286.000	535.264.400
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Công ty mẹ	6.568.379.400	-
<b>Người mua trả tiền trước</b>		<b>-</b>	<b>104.490.000</b>
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	Cùng Công ty mẹ	-	104.490.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.169.763.375	2.604.861.113
Thu nhập của Tổng Giám đốc	686.412.850	708.957.732



**38 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



**Lê Thanh Hải**

Người lập

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018



**Nguyễn Thị Thanh Yên**

Kế toán trưởng



**Nguyễn Trọng Tiêu**

Tổng Giám đốc

# Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 39

# Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") tiền thân là Nhà máy Chế tạo Điện cơ được thành lập ngày 15 tháng 1 năm 1961. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 7 năm 2009. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 2 tháng 7 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại bao gồm thiết kế, chế tạo, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; cho thuê tài sản.

Công ty có trụ sở chính tại Km12, Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hà Đình Minh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	
Ông Bùi Quốc Bảo	Thành viên	
Ông Đoàn Văn Quý	Thành viên	
Ông Dương Hữu Hiệu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2018

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Minh Cúc	Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Lan Phương	Thành viên
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2018
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2018
Ông Đoàn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hà Tiến Lực	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Văn Mẫn	Phó Tổng Giám đốc	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 là Ông Nguyễn Trọng Tiểu và từ ngày 1 tháng 7 năm 2018 đến ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Quang Vinh.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 15 tháng 8 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Tổng Giám đốc  
Bùi Quang Vinh

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2018



Số tham chiếu: 61441291/20416493/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") được lập ngày 15 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Building a better  
working world

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi để ngày 15 tháng 8 năm 2018 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.


Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó vào ngày 22 tháng 8 năm 2017. Ngoài ra, báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 10 tháng 3 năm 2018.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Lê Thị Tuyết Mai  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1575-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>372.750.681.744</b>	<b>374.690.413.154</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>72.831.694.516</b>	<b>54.205.127.052</b>
111	1. Tiền		7.791.694.516	10.205.127.052
112	2. Các khoản tương đương tiền		65.040.000.000	44.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>23.205.000.000</b>	<b>61.839.670.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	39.839.670.000	39.839.670.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(16.634.670.000)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	-	22.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>165.562.835.312</b>	<b>114.684.155.246</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	155.341.000.129	113.708.190.129
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	10.851.130.177	530.133.659
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.426.845.533	985.698.295
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(2.056.140.527)	(539.866.837)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>110.719.284.986</b>	<b>143.697.992.040</b>
141	1. Hàng tồn kho		112.596.358.461	145.577.026.049
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.877.073.475)	(1.879.034.009)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>431.866.930</b>	<b>263.468.816</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		148.810.199	252.200.748
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		283.056.731	11.268.068
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>308.631.400.735</b>	<b>369.686.545.194</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>9.636.673.900</b>	<b>75.339.914.100</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6.1	9.636.673.900	75.339.914.100
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>80.624.772.000</b>	<b>84.528.146.923</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	79.765.357.384	83.563.734.197
222	Nguyên giá		171.931.783.421	171.356.371.988
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(92.166.426.037)	(87.792.637.791)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	859.414.616	964.412.726
228	Nguyên giá		1.286.081.111	1.286.081.111
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(426.666.495)	(321.668.385)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>216.494.189.336</b>	<b>207.494.189.336</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		36.651.994.227	27.651.994.227
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		179.842.195.109	179.842.195.109
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.875.765.499</b>	<b>2.324.294.835</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.875.765.499	2.324.294.835
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>681.382.082.479</b>	<b>744.376.958.348</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>251.742.368.043</b>	<b>259.828.717.001</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>245.284.818.858</b>	<b>252.085.238.757</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	42.854.208.327	54.771.587.247
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	1.340.338.735	3.020.001.637
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	452.948.407	6.823.360.907
314	4. Phải trả người lao động		2.923.748.512	13.402.779.869
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	330.041.088	819.648.009
318	6. Doanh thu chưa thực hiện		113.636.364	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	55.440.644.887	3.161.648.680
320	8. Vay ngắn hạn	18	133.088.637.639	153.460.748.234
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	5.903.220.568	10.668.139.193
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	3.037.394.331	5.957.324.981
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>6.457.549.185</b>	<b>7.743.478.244</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		50.000.000	-
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	19	6.407.549.185	6.122.073.434
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	1.621.404.810
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>429.639.714.436</b>	<b>484.548.241.347</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>422.910.222.746</b>	<b>477.446.772.661</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		368.000.000.000	368.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		368.000.000.000	368.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		152.595.945	152.595.945
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.589.412.600)	(1.589.412.600)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		6.200.042.131	6.200.042.131
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		50.146.997.270	104.883.547.185
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		47.285.372.185	23.621.535.127
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		2.861.625.085	81.062.012.058
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>6.729.491.690</b>	<b>7.101.468.686</b>
431	1. Nguồn kinh phí		-	(52.023.000)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		6.729.491.690	7.153.491.686
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>681.382.082.479</b>	<b>744.376.958.348</b>

Người lập  
Lê Thanh Hải

Kế toán trưởng  
Nguyễn Thị Thanh Yến



Tổng Giám đốc  
Bùi Quang Vinh

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	197.536.206.360	374.836.890.051
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(74.669.751)	(469.961.748)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	197.461.536.609	374.366.928.303
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(160.105.244.977)	(314.066.610.388)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.356.291.632	60.300.317.915
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	1.327.575.719	27.643.020.681
22	7. Chi phí tài chính	25	(20.461.227.453)	(2.373.742.559)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(3.594.238.832)	(2.026.831.627)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(3.708.016.990)	(13.729.498.534)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(12.782.702.714)	(16.959.211.055)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.731.920.194	54.880.886.448
31	11. Thu nhập khác	27	2.091.071.810	615.700.000
32	12. Chi phí khác	27	(181.301.703)	(2.747.003.696)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	27	1.909.770.107	(2.131.303.696)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.641.690.301	52.749.582.752
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(780.065.216)	(6.050.853.076)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.861.625.085	46.698.729.676

  
Người lập báo cáo  
Lê Thanh Hải

  
Kế toán trưởng  
Nguyễn Thị Thanh Yên

  
Tổng Giám đốc  
Bùi Quang Vinh

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>3.641.690.301</b>	<b>52.749.582.752</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		4.402.065.913	4.258.623.632
03	Các khoản dự phòng		13.669.540.282	4.817.438.072
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		49.435.353	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.373.575.719)	(27.439.535.219)
06	Chi phí lãi vay		3.594.238.832	2.026.831.627
08	<b>Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>23.983.394.962</b>	<b>36.412.940.864</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		13.022.410.004	(203.048.568.713)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		32.980.667.588	(6.662.449.203)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(29.192.441.969)	106.521.484.325
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		551.919.885	(805.045.544)
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.624.989.334)	(2.058.684.017)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.936.550.539)	(2.924.561.979)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		460.594.309	4.324.946.811
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.651.610.158)	(7.782.793.391)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>25.593.394.748</b>	<b>(76.022.750.847)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(982.136.045)	(5.510.333.245)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		50.600.000	17.343.458
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(7.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		22.000.000.000	20.300.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(9.000.000.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.337.063.496	4.008.123.913
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>13.405.527.451</b>	<b>11.815.134.126</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		167.187.801.640	177.232.893.679
34	Tiền trả nợ gốc vay		(187.559.912.235)	(127.073.427.633)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(866.400)	(67.217.390.700)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(20.372.976.995)	(17.057.924.654)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		18.625.945.204	(81.265.541.375)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	4	54.205.127.052	108.489.035.235
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		622.260	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	72.831.594.516	27.223.493.860

Người lập báo cáo  
Lê Thanh Hải

Kế toán trưởng  
Nguyễn Thị Thanh Yên



Tổng Giám đốc  
Bùi Quang Vinh

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") tiền thân là Nhà máy Chế tạo Điện cơ được thành lập ngày 15 tháng 1 năm 1961. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 7 năm 2009. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 2 tháng 7 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại bao gồm thiết kế, chế tạo, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; cho thuê tài sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Km12, Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 252 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 317 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty sở hữu trực tiếp các công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội ("HECO")	99,82%	99,82%	Lô J12 (ABC), đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2	Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội ("HITECH")	100%	100%	Km12 – đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

Hạt N - 2 - 134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày đề ngày 15 tháng 8 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |   |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa      | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền  |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.6 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 45 năm
Máy móc, thiết bị	7 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 12 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 - 6 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định; và
- ▶ Các chi phí khác.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Các khoản dự phòng**

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

#### 3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cũng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền mặt	87.512.722	118.666.824
Tiền gửi ngân hàng	7.704.181.794	10.086.460.228
Các khoản tương đương tiền (*)	65.040.000.000	44.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>72.831.694.516</b>	<b>54.205.127.052</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội – chi nhánh Cầu Diễn, có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 1% đến 5,5%/năm.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**5.1 Chứng khoán kinh doanh**

	Đơn vị tính: VND					
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần GTN Foods	39.839.670.000	23.205.000.000	(16.634.670.000)	39.839.670.000	41.310.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.839.670.000</b>	<b>23.205.000.000</b>	<b>(16.634.670.000)</b>	<b>39.839.670.000</b>	<b>41.310.000.000</b>	<b>-</b>

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	22.000.000.000	22.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>22.000.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1 Phải thu khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu từ khách hàng	124.303.433.905	45.198.134.535
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	-	6.702.429.800
- Các khoản phải thu khách hàng khác	124.303.433.905	38.495.704.735
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	31.037.566.224	68.510.055.594
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>155.341.000.129</b>	<b>113.708.190.129</b>
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu từ khách hàng		
- Công ty Điện lực Thái Bình	2.134.173.000	4.829.160.000
- Công ty Điện lực Nghệ An	1.164.010.000	2.412.792.800
- Công ty Điện lực Nam Định	1.106.472.400	829.854.300
- Công ty Điện lực Bắc Ninh	1.106.472.400	1.383.090.500
- Công ty Điện lực Sơn La	1.048.247.200	149.749.600
- Công ty Điện lực Hưng Yên	-	11.493.682.200
- Công ty Điện lực Vĩnh Phúc	326.970.600	10.712.897.800
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.750.328.300	43.528.686.900
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.636.673.900</b>	<b>75.339.914.100</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.056.140.527)	(539.866.837)
Trong đó:		
Ngắn hạn	(2.056.140.527)	(539.866.837)

Một số khoản phải thu được sử dụng để thế chấp cho khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Siemens Industry and Trade S.A	3.214.604.154	-
Công ty TNHH Siemens Việt Nam	3.088.701.690	-
Công ty TNHH ABB	2.948.550.252	-
Khác	1.599.274.081	530.133.659
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.851.130.177</b>	<b>530.133.659</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	849.416.052	-	743.018.844	-
Kỳ cược, kỳ quỹ	415.558.415	-	87.280.265	-
Khác	161.871.066	-	155.399.186	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.426.845.533</b>	<b>-</b>	<b>985.698.295</b>	<b>-</b>

**8. NỢ XẤU**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thắng Group	872.594.700	-	872.594.700	872.594.700
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	612.722.000	284.443.500	612.722.000	612.722.000
Công ty TNHH Cơ khí Phong Anh	265.400.036	-	265.400.036	-
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung	247.528.050	74.258.415	247.528.050	247.528.050
Các khoản khác	441.760.159	25.162.503	274.466.801	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.440.004.945</b>	<b>383.864.418</b>	<b>2.272.711.587</b>	<b>1.732.844.750</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	63.479.066.675	(62.089.489)	68.100.951.35	(62.089.489)
Công cụ, dụng cụ	663.965.114	-	583.306.940	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.085.908.450	-	10.639.032.540	-
Thành phẩm	36.586.552.227	(1.814.983.986)	65.554.667.602	(1.816.944.520)
Hàng hoá	4.780.845.995	-	899.067.609	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>112.596.368.461</b>	<b>(1.877.073.475)</b>	<b>145.577.026.049</b>	<b>(1.879.034.009)</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Số đầu kỳ	1.879.034.009	723.740.777
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(1.960.534)	-
Số cuối kỳ	<b>1.877.073.475</b>	<b>723.740.777</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (bếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc, thiết bị (*)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*)	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	50.215.855.830	102.188.749.316	17.636.750.452	1.315.016.390	171.356.371.988
- Mua trong kỳ	-	167.495.000	760.606.636	-	928.101.636
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(352.690.203)	-	(352.690.203)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	50.215.855.830	102.356.244.316	18.044.666.885	1.315.016.390	171.931.783.421
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	603.305.026	25.235.132.471	7.223.039.776	1.315.016.390	34.376.493.662
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	24.368.518.353	50.298.890.477	11.841.812.561	1.315.016.390	87.792.637.791
- Khấu hao trong kỳ	793.694.719	3.310.755.560	622.028.170	-	4.726.478.449
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(352.690.203)	-	(352.690.203)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	25.162.613.082	53.577.646.037	12.111.150.528	1.315.016.390	92.166.426.037
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	25.846.937.467	51.921.858.839	5.794.937.891	-	83.563.734.157
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	25.053.242.748	48.778.598.279	5.933.516.357	-	79.765.357.384

Một số tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc đã được thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

(\*) Công ty đã cho thuê một số tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.041.600.000	244.481.111	1.286.081.111
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	1.041.600.000	244.481.111	1.286.081.111
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	75.000.000	-	75.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	236.100.000	85.568.385	321.668.385
- Hao mòn trong kỳ	80.550.000	24.448.110	104.998.110
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	316.650.000	110.016.495	426.666.495
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	805.500.000	158.912.726	964.412.726
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	724.950.000	134.464.616	859.414.616

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		36.651.994.227	-	36.651.994.227	27.651.594.227	-	27.651.594.227	
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội (*)	99,92%	18.027.103.006	-	18.027.103.006	99,92%	18.027.103.006	-	18.027.103.006
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội (**)	100%	18.624.891.221	-	18.624.891.221	51,33%	9.624.891.221	-	9.624.891.221
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		179.842.195.109	-	179.842.195.109	179.842.195.109	-	179.842.195.109	
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD (***)	35,00%	179.842.195.109	-	179.842.195.109	35,00%	179.842.195.109	-	179.842.195.109
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>216.494.189.336</b>	<b>-</b>	<b>216.494.189.336</b>	<b>207.494.189.336</b>	<b>-</b>	<b>207.494.189.336</b>	

(\*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(\*\*) Trong tháng 3 năm 2018, Công ty đã mua thêm 48,65% cổ phần của Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội từ các cổ đông cá nhân để nâng tỷ lệ sở hữu trong công ty con này lên 100%. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội đang trong quá trình thay đổi đăng ký doanh nghiệp để chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty TNHH một thành viên.

(\*\*\*) Thông tin chi tiết về công ty liên kết này tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 như sau:

Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD là một công ty được thành lập tại Việt Nam theo Luật Đầu tư Nước ngoài theo Giấy phép Đầu tư số 1018/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp vào ngày 25 tháng 10 năm 1994 và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 1018/GCNĐC3-BKH ngày 23 tháng 8 năm 2006. Công ty này có trụ sở chính tại số 44B, đường Lý Thường Kiệt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng, vận hành máy trò chơi điện tử có thưởng trong khuôn viên khách sạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí sửa chữa	1.017.618.543	1.130.359.723
Công cụ, dụng cụ	858.146.956	1.193.935.112
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.875.765.499</b>	<b>2.324.294.835</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	11.506.000.263	11.506.000.263	48.191.921.847	48.191.921.847
- Shaanxi JC Engineering and Trading Co., Ltd	4.386.326.028	4.386.326.028	51.165.000	51.165.000
- Y&W Engineering and Trading Co., Ltd	195.925.920	195.925.920	18.522.184.800	18.522.184.800
- Công ty TNHH NTT	-	-	12.164.674.709	12.164.674.709
- Phải trả các đối tượng khác	6.923.748.315	6.923.748.315	17.453.897.338	17.453.897.338
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	31.148.208.064	31.148.208.064	6.579.665.400	6.579.665.400
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.654.208.327</b>	<b>42.654.208.327</b>	<b>54.771.587.247</b>	<b>54.771.587.247</b>

**14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.128.929.784	3.020.001.637
- Công ty TNHH Điện lực BOT Phú Mỹ 3	541.500.000	-
- Công ty TNHH Một thành viên Apatit Việt Nam	346.300.000	-
- Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	-	1.322.756.908
- Công ty TNHH Duyên Hà	-	753.500.000
- Các đối tượng khác	241.129.784	943.744.729
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 30)	211.408.951	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.340.338.735</b>	<b>3.020.001.637</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Thuế giá trị gia tăng	772.232.816	9.516.172.550	(9.888.458.532)	309.946.834
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.931.862.321	780.065.216	(6.711.927.537)	-
Thuế thu nhập cá nhân	119.265.770	958.108.126	(1.024.372.323)	53.001.573
Thuế đất	-	2.133.549.970	(2.133.549.970)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.823.360.907</b>	<b>13.390.895.862</b>	<b>(19.761.308.362)</b>	<b>452.948.407</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Chi phí lãi vay	330.041.088	360.791.590
Chi phí phải trả khác	-	458.856.419
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>330.041.088</b>	<b>819.648.009</b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Cổ tức phải trả	54.981.460.500	15.771.900
Tiền thưởng nhân viên phải trả	-	2.659.057.678
Các khoản phải trả, phải nộp khác	459.184.387	486.819.102
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.440.644.887</b>	<b>3.161.648.680</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	<i>36.363.367.500</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>19.077.277.387</i>	<i>3.161.648.680</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngân hàng	18.1	140.947.665.234	150.310.601.640	(172.196.362.235)	119.061.904.639	119.061.904.639
Vay từ đối tượng khác	18.2	12.513.083.000	6.277.200.000	(10.363.556.000)	8.426.733.000	8.426.733.000
Vay từ bên liên quan	18.3	-	10.600.000.000	(5.000.000.000)	5.600.000.000	5.600.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>153.460.748.234</b>	<b>167.187.801.640</b>	<b>(187.559.912.235)</b>	<b>133.068.637.639</b>	<b>133.068.637.639</b>

**18.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn bằng VND được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Kỳ hạn trả gốc và lãi VND	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	71.791.753.599	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 16 tháng 11 năm 2018	5,2% – 5,8%	Một số tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	27.449.815.162	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 26 tháng 12 năm 2018	4,7% – 5,8%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Tây Nam Hà Nội	16.608.731.734	Kỳ hạn vay từ 3 đến 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 12 năm 2018	5,1% – 5,3%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Mỹ Đình	3.214.604.154	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 26 tháng 12 năm 2018	3,9%	Một số khoản phải thu khách hàng
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>119.061.904.639</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**18.2 Các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác bằng VND được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Cán bộ công nhân viên Công ty	7.826.733.000	Thanh toán khi có yêu cầu	5%	Tin chấp
Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	600.000.000	Thanh toán khi có yêu cầu	5,5%	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.426.733.000</b>			

**18.3 Các khoản vay ngắn hạn bên liên quan**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn bên liên quan bằng VND được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Trưởng Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	5.600.000.000	Thanh toán khi có yêu cầu	5,5% - 7,0%	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.600.000.000</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Dự phòng chi phí bảo hành	5.903.220.568	10.668.139.193
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.903.220.568</b>	<b>10.668.139.193</b>
<b>Dài hạn</b>		
Dự phòng chi phí bảo hành	6.407.549.185	6.122.073.434
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.407.549.185</b>	<b>6.122.073.434</b>

Dự phòng bảo hành được trích lập dựa trên các sản phẩm mà Công ty sản xuất và bán ra trong các năm trước theo điều khoản hợp đồng và thời gian bảo hành cam kết với khách hàng (từ 5 tháng đến 6 năm).

**20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Số đầu kỳ	5.957.324.981	4.101.717.275
Trích quỹ trong kỳ	2.436.270.000	6.322.000.000
Sử dụng trong kỳ	(5.356.200.650)	(3.463.257.671)
Số cuối kỳ	<b>3.037.394.331</b>	<b>6.960.459.604</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phất mẫn	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	3.200.042.131	106.232.275.127	475.996.500.603
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	46.698.729.676	46.698.729.676
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.322.000.000)	(6.322.000.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(73.288.740.000)	(73.288.740.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	6.200.042.131	70.320.264.803	443.083.490.279
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>						
Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2017	368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	6.200.042.131	104.663.547.185	477.446.772.661
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	2.861.625.085	2.861.625.085
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(2.431.620.000)	(2.431.620.000)
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(54.966.555.000)	(54.966.555.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	6.200.042.131	50.146.967.270	422.910.222.746

(\*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 00/2018/NQ-EHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018, Công ty đã trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	242.422.450.000	242.422.450.000	-	242.422.450.000	242.422.450.000	-
Cổ đông khác	124.021.250.000	124.021.250.000	-	124.021.250.000	124.021.250.000	-
Cổ phiếu quỹ	1.556.300.000	1.556.300.000	-	1.556.300.000	1.556.300.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>-</b>

**21.3 Cổ tức**

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**Cổ tức đã công bố trong kỳ**

Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông

Cổ tức cho năm 2016: 2.000 VND/cổ phiếu	-	73.288.740.000
Cổ tức cho năm 2017: 1.500 VND/cổ phiếu	54.966.555.000	-

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

-

**21.4 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đang ký phát hành	36.800.000	368.000.000.000	36.800.000	368.000.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.800.000	368.000.000.000	36.800.000	368.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.800.000	368.000.000.000	36.800.000	368.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	155.630	1.589.412.600	155.630	1.589.412.600
Cổ phiếu phổ thông	155.630	1.589.412.600	155.630	1.589.412.600
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	36.644.370	366.410.587.400	36.644.370	366.410.587.400
Cổ phiếu phổ thông	36.644.370	366.410.587.400	36.644.370	366.410.587.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết Sàn Giao dịch Chứng Khoán Upcom với mã chứng khoán là HEM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	18.709	57

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>197.536.206.360</b>	<b>374.836.890.051</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	116.621.610.702	354.988.163.480
Doanh thu bán hàng hóa	58.207.355.832	7.464.891.634
Doanh thu cung cấp dịch vụ (*)	22.707.239.826	12.383.834.937
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(74.669.751)</b>	<b>(469.961.748)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>197.461.536.609</b>	<b>374.366.928.303</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	160.836.342.828	357.758.192.184
Doanh thu đối với bên liên quan	36.625.193.781	16.608.736.119

(\*) Bao gồm doanh thu từ cho thuê tài sản cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 với số tiền là 1.655.000.000 VND.

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.327.575.719	2.028.718.205
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	25.560.348.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	53.954.476
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.327.575.719</b>	<b>27.643.020.681</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	96.127.126.710	302.073.299.788
Giá vốn của hàng hóa đã bán	52.974.716.054	6.524.232.806
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	11.003.402.213	5.469.077.794
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>160.105.244.977</u></b>	<b><u>314.066.610.388</u></b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	16.634.670.000	-
Chi phí lãi vay	3.594.238.832	2.026.831.627
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	147.346.018	342.947.810
Lỗ chênh lệch tỷ giá	84.972.603	3.963.122
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.461.227.453</u></b>	<b><u>2.373.742.559</u></b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	1.720.255.412	2.124.650.785
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.190.602	83.773.913
Chi phí bảo hành	(3.804.121.143)	4.975.729.905
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.013.822.476	4.724.476.055
Chi phí bán hàng khác	2.708.869.643	1.820.867.876
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.708.016.990</u></b>	<b><u>13.729.498.534</u></b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	3.978.156.556	8.100.845.341
Chi phí khấu hao tài sản cố định	559.959.836	578.177.543
Chi phí thuê đất	1.837.161.606	2.075.116.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.844.206.184	2.293.607.756
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.563.218.532	3.911.464.167
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.782.702.714</u></b>	<b><u>16.959.211.055</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Thu nhập khác</b>		
Hoàn nhập Quỹ phát triển Khoa học Công nghệ	1.289.304.810	-
Thu nhập khác	801.767.000	615.700.000
	<b>2.091.071.810</b>	<b>615.700.000</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản phạt	-	2.597.472.710
Chi phí khác	181.301.703	149.530.986
	<b>181.301.703</b>	<b>2.747.003.696</b>
<b>LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC</b>	<b>1.909.770.107</b>	<b>(2.131.303.696)</b>

**28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.306.238.835	278.971.399.289
Chi phí nhân công	15.577.216.272	30.486.071.752
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.402.065.913	4.258.623.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.826.439.455	9.886.950.011
Chi phí khác	4.990.009.221	14.705.768.874
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>91.101.969.696</b>	<b>338.308.813.558</b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.641.690.301	52.749.582.752
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	728.338.060	10.549.916.550
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản phạt	-	519.494.542
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(5.112.069.600)
Chi phí không được khấu trừ khác	51.727.156	93.511.584
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>780.065.216</b>	<b>6.050.853.076</b>

**29.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	36.363.367.500	48.484.490.000
		Cổ tức đã trả	-	48.484.490.000
		Mua vật tư, hàng hóa	9.522.265.386	362.039.950
		Mua dịch vụ	337.124.304	-
		Bù trừ công nợ	201.758.036	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa	41.809.663.309	12.441.162.950
		Doanh thu bán hàng hóa	16.125.688.181	4.918.826.000
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.655.000.000	-
		Bù trừ công nợ	4.614.500.000	-
		Mua dịch vụ	781.485.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm (tiếp theo):

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị điện Gelex	Cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng hóa	10.077.820.000	14.400.000
		Mua vật tư, hàng hóa	3.576.762.720	-
Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa	398.538.800	709.849.878
		Doanh thu bán hàng hóa	-	284.972.728
Công ty Cổ phần Điện Cơ Hà Nội	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	1.480.174.418	1.830.767.609
		Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	549.492.582	65.630.000
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.365.348.000
Trường Cao Đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	Chuyển tiền thanh toán hồ tiền mua cổ phần	9.000.000.000	-
		Vay ngắn hạn	10.600.000.000	-
		Trả gốc vay	5.000.000.000	-
		Mua vật tư, hàng hóa	165.000.000	-
		Bù trừ công nợ	165.000.000	-
Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD	Công ty liên kết	Thu nhập khác	615.600.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Doanh thu bán hàng hóa	7.068.749.000	9.339.807.600
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	219.962.182	219.962.182
		Mua vật tư, hàng hóa	693.708.268	694.435.900
		Bù trừ công nợ	693.708.268	694.435.900

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, cho vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</b>				
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HDQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	28.457.757.864	29.776.933.402
Công ty Cổ phần Điện Cơ Hà Nội	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.523.708.360	4.595.009.082
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, dịch vụ	56.100.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị điện Gelex	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	32.776.152.574
Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	1.160.202.500
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	201.758.036
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>31.037.566.224</b>	<b>68.510.055.594</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)</b>				
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	23.769.992.790	6.568.379.400
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	7.291.855.604	-
Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	66.559.680	11.286.000
Công ty cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	19.800.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>31.148.208.064</b>	<b>6.579.665.400</b>
<b>Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 14.2)</b>				
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	211.408.951	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>211.408.951</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	36.363.367.500	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>36.363.367.500</b>	<b>-</b>
<b>Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 18)</b>				
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	Vay ngắn hạn	5.600.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>5.600.000.000</b>	<b>-</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Tổng thu nhập	1.339.503.540	1.865.028.050
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.339.503.540</u></b>	<b><u>1.865.028.050</u></b>

**31. CÁC CAM KẾT**

*Cam kết cho thuê hoạt động*

Công ty hiện đang cho thuê nhà xưởng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Đến 1 năm	5.466.750.000	543.000.000
Từ 1 – 5 năm	16.641.500.000	543.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>22.108.250.000</u></b>	<b><u>1.086.000.000</u></b>

*Cam kết về thuê hoạt động*

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Đến 1 năm	4.150.232.496	4.150.232.496
Từ 1 – 5 năm	16.600.929.984	16.600.929.984
Trên 5 năm	94.238.515.024	96.296.575.522
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>114.989.677.504</u></b>	<b><u>117.047.738.002</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Người lập  
Lê Thanh Hải



Kế toán trưởng  
Nguyễn Thị Thanh Yên



Tổng Giám đốc  
Bùi Quang Vinh



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

# Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 42

# Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") tiền thân là Nhà máy Chế tạo Điện cơ được thành lập ngày 15 tháng 1 năm 1961. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 7 năm 2009. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 2 tháng 7 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại bao gồm thiết kế, chế tạo, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; cho thuê tài sản.

Công ty có trụ sở chính tại Km12, Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hà Đình Minh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	
Ông Bùi Quốc Bảo	Thành viên	
Ông Đoàn Văn Quý	Thành viên	
Ông Dương Hữu Hiệu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2018

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Minh Cúc	Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Lan Phương	Thành viên
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2018
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2018
Ông Đoàn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hà Tiến Lực	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Văn Mẫn	Phó Tổng Giám đốc	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 là Ông Nguyễn Trọng Tiểu và từ ngày 1 tháng 7 năm 2018 đến ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Quang Vinh.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tổng Giám đốc  
Bùi Quang Vinh

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2018



Số tham chiếu: 61441291/20418493/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 15 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Building a better  
working world

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó vào ngày vào ngày 22 tháng 8 năm 2017. Ngoài ra, báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 10 tháng 3 năm 2018.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Thị Tuyết Mai

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1575-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2018



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>389.569.747.569</b>	<b>399.591.303.995</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>75.749.667.881</b>	<b>57.352.948.855</b>
111	1. Tiền		9.509.667.881	11.952.948.855
112	2. Các khoản tương đương tiền		66.240.000.000	45.400.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>28.255.000.000</b>	<b>72.339.670.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	39.839.670.000	39.839.670.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6.1	(16.634.670.000)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	5.050.000.000	32.500.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>168.779.770.494</b>	<b>119.199.820.895</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	158.418.206.311	117.034.921.792
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	10.923.130.177	1.352.659.645
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.545.645.533	1.403.177.295
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(2.107.211.527)	(590.937.837)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>116.311.115.468</b>	<b>150.417.917.401</b>
141	1. Hàng tồn kho		118.188.188.943	152.296.951.410
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.877.073.475)	(1.879.034.009)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>474.193.726</b>	<b>280.946.844</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		186.136.995	269.678.776
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		288.056.731	11.268.068
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>397.477.175.618</b>	<b>438.535.536.793</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>9.636.673.900</b>	<b>75.339.914.100</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	7.1	9.636.673.900	75.339.914.100
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>95.572.559.222</b>	<b>99.329.381.091</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	94.713.144.606	98.384.968.365
222	Nguyên giá		204.035.611.498	203.021.866.892
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(109.322.466.892)	(104.656.898.527)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	859.414.616	964.412.726
228	Nguyên giá		1.286.081.111	1.286.081.111
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(426.666.495)	(321.668.385)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>353.919.410</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		353.919.410	-
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>287.482.979.838</b>	<b>259.009.962.100</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		287.482.979.838	259.009.962.100
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.431.043.248</b>	<b>4.856.279.502</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	4.431.043.248	4.856.279.502
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>787.046.923.187</b>	<b>838.126.840.788</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>250.775.921.536</b>	<b>265.948.727.013</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>244.318.372.351</b>	<b>258.205.248.789</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	42.746.917.405	55.466.532.922
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	1.811.440.735	4.091.121.768
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	516.305.038	6.990.853.371
314	4. Phải trả người lao động		3.516.955.749	14.293.063.994
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		437.389.604	868.964.205
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.757.295.403	1.260.275.200
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	55.723.682.080	3.431.191.102
320	8. Vay ngắn hạn	18	127.488.637.639	153.460.748.234
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	5.903.220.568	10.688.139.193
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	4.616.528.130	7.674.358.780
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>6.457.549.185</b>	<b>7.743.478.244</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		50.000.000	-
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	19	6.407.549.185	6.122.073.434
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	1.621.404.810
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>536.271.001.651</b>	<b>572.178.113.775</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>529.541.509.961</b>	<b>565.076.645.089</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		368.000.000.000	368.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		368.000.000.000	368.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		152.595.945	152.595.945
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.589.412.600)	(1.589.412.600)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		7.926.026.801	7.926.026.801
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		155.022.338.978	181.551.913.159
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		124.153.738.159	105.055.327.106
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		30.868.600.819	76.496.586.053
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		29.960.837	9.035.521.784
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>6.729.491.690</b>	<b>7.101.468.686</b>
431	1. Nguồn kinh phí		-	(52.023.000)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		6.729.491.690	7.153.491.686
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>787.046.923.187</b>	<b>838.126.840.788</b>

Người lập  
Lê Thanh Hải

Kế toán trưởng  
Nguyễn Thị Thanh Yến



Tổng Giám đốc  
Bùi Quang Vinh

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2018


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	210.162.486.681	387.908.874.458
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(74.669.751)	(469.961.748)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	210.087.816.930	387.438.912.710
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(171.315.904.284)	(323.422.024.415)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		38.771.912.646	64.016.888.295
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	1.484.760.975	25.809.901.554
22	7. Chi phí tài chính	25	(20.489.485.389)	(2.373.742.559)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(3.622.496.768)	(2.026.831.627)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	13	28.473.017.738	2.362.663.250
25	9. Chi phí bán hàng	26	(4.535.767.412)	(15.624.731.592)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(14.050.684.869)	(18.416.008.617)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		29.653.753.689	55.774.970.331
31	12. Thu nhập khác	27	2.439.287.187	615.700.000
32	13. Chi phí khác	27	(449.935.788)	(2.747.003.696)
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác	27	1.989.351.399	(2.131.303.696)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		31.643.105.088	53.643.666.635
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(780.065.216)	(6.128.291.294)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		30.863.039.872	47.515.375.341
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		30.805.131.213	47.371.908.178
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		57.908.659	143.467.163
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	841	1.254
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	841	1.254



Người lập  
Lê Thanh Hải



Kế toán trưởng  
Nguyễn Thị Thanh Yến



Tổng Giám đốc  
Bùi Quang Vinh

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 6 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

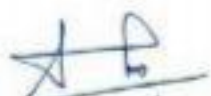
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>31.643.105.088</b>	<b>53.643.666.635</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	28	5.152.527.042	5.016.865.859
03	Các khoản dự phòng		13.669.540.282	4.817.438.072
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		49.435.353	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(30.134.468.704)	(27.969.079.342)
06	Chi phí lãi vay	25	3.622.496.768	2.026.831.627
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>24.002.635.829</b>	<b>37.535.722.651</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		14.009.140.471	(201.610.859.327)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		34.108.762.467	(6.611.603.140)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(30.884.559.273)	105.301.086.767
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		508.778.035	(909.911.398)
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.653.247.270)	(2.058.684.017)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.946.909.164)	(3.330.529.386)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		460.594.309	4.429.946.811
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.789.510.158)	(7.969.905.891)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>25.815.685.246</b>	<b>(75.224.736.930)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.068.460.237)	(5.695.333.245)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		370.600.000	17.343.458
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(7.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		27.450.000.000	21.300.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(9.000.000.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.801.248.752	2.599.569.786
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>18.553.388.515</b>	<b>11.221.579.999</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		161.812.801.640	177.232.893.679
34	Tiền trả nợ gốc vay		(187.784.912.235)	(127.073.427.633)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(866.400)	(68.341.885.950)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(25.972.976.995)	(18.182.419.904)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		18.396.096.766	(82.185.576.835)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	5	57.352.948.855	112.293.999.848
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		622.260	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	5	75.749.667.881	30.108.423.013



Người lập báo cáo  
Lê Thanh Hải



Kế toán trưởng  
Nguyễn Thị Thanh Yên



Tổng Giám đốc  
Bùi Quang Vinh

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("Công ty") tiền thân là Nhà máy Chế tạo Điện cơ được thành lập ngày 15 tháng 1 năm 1961. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 7 năm 2009. Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 2 tháng 7 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại bao gồm thiết kế, chế tạo, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng, cho thuê tài sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Km12, Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 338 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 410 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty sở hữu trực tiếp các công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội ("HECO")	99,82%	99,82%	Lô J12 (ABC), đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2	Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội ("HITECH")	100%	100%	Km12 – đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 5 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)**

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	-	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.6 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 45 năm
Máy móc, thiết bị	7 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 12 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 - 6 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định; và
- ▶ Các chi phí khác.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký vào năm 2001, có thời hạn 47 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các khoản dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

##### *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)**

*Quy khen thưởng, phúc lợi*

Quy này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trong yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)*

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất các sản phẩm và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

#### 3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

### 4. HỢP NHẤT KINH DOANH

#### *Mua thêm sở hữu trong Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội*

Trong tháng 3 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 48,65% cổ phần của Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội từ các cổ đông cá nhân để nâng tỷ lệ sở hữu trong công ty con này lên 100%. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng đây là giao dịch mua thêm cổ phần của một công ty con hiện hữu. Do đó, chênh lệch giữa giá mua và tài sản thuần được mua thêm, là 63.469.606 VND, được ghi nhận vào lợi nhuận chưa phân phối.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội đang trong quá trình thay đổi đăng ký doanh nghiệp để chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty TNHH một thành viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền mặt	200.063.351	127.217.113
Tiền gửi ngân hàng	9.309.604.530	11.825.731.742
Các khoản tương đương tiền (*)	66.240.000.000	45.400.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>75.749.667.881</b>	<b>57.352.948.855</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 1%/năm đến 5,5%/năm.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**6.1 Chứng khoán kinh doanh**

	Đơn vị tính: VND					
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần GTN Foods	39.839.670.000	23.205.000.000	(16.634.670.000)	39.839.670.000	41.310.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.839.670.000</b>	<b>23.205.000.000</b>	<b>(16.634.670.000)</b>	<b>39.839.670.000</b>	<b>41.310.000.000</b>	<b>-</b>

**6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	5.050.000.000	5.050.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.050.000.000</b>	<b>5.050.000.000</b>	<b>32.500.000.000</b>	<b>32.500.000.000</b>

(i) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Cầu Diễn với kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, hưởng lãi suất từ 6,3%/năm đến 7,1%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**7.1 Phải thu khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu từ khách hàng	<b>129.904.348.447</b>	<b>53.119.875.280</b>
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	-	6.702.429.800
- Các khoản phải thu khách hàng khác	129.904.348.447	46.417.445.480
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	28.513.857.864	63.915.046.512
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>158.418.206.311</b>	<b>117.034.921.792</b>
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu từ khách hàng		
- Công ty Điện lực Thái Bình	2.134.173.000	4.829.160.000
- Công ty Điện lực Nghệ An	1.164.010.000	2.412.792.800
- Công ty Điện lực Nam Định	1.106.472.400	829.854.300
- Công ty Điện lực Bắc Ninh	1.106.472.400	1.383.090.500
- Công ty Điện lực Sơn La	1.048.247.200	149.749.600
- Công ty Điện lực Hưng Yên	-	11.493.682.200
- Công ty Điện lực Vĩnh Phúc	326.970.600	10.712.897.800
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.750.328.300	43.528.686.900
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.636.673.900</b>	<b>75.339.914.100</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.107.211.527)	(590.937.837)
Trong đó:		
Ngắn hạn	(2.107.211.527)	(590.937.837)

Một số khoản phải thu được sử dụng để thế chấp cho khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

**7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Siemens Industry and Trade S.A.	3.214.604.154	-
Công ty TNHH Siemens Việt Nam	3.088.701.690	-
Công ty TNHH ABB	2.948.550.252	-
Khác	1.671.274.081	1.352.659.645
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.923.130.177</b>	<b>1.352.659.645</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tam ứng	968.216.052	-	853.497.844	-
Ký cược, ký quỹ	415.558.415	-	87.280.265	-
Phải thu khác	161.871.066	-	462.399.186	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.545.645.533</b>	<b>-</b>	<b>1.403.177.295</b>	<b>-</b>

**9. NỢ XẤU**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thắng Group	872.594.700	-	872.594.700	872.594.700
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	612.722.000	284.443.500	612.722.000	612.722.000
Công ty TNHH Cơ khí Phong Anh	265.400.036	-	265.400.036	-
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung	247.528.050	74.258.415	247.528.050	247.528.050
Các khoản khác	492.831.159	25.162.503	325.537.801	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.491.075.945</b>	<b>383.864.418</b>	<b>2.323.782.587</b>	<b>1.732.844.750</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	64.573.789.500	(62.089.489)	69.059.724.370	(62.089.489)
Công cụ, dụng cụ	725.011.863	-	635.214.874	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.373.281.073	-	12.437.159.282	-
Thành phẩm	41.551.815.366	(1.814.983.986)	69.368.824.495	(1.818.944.520)
Hàng hoá	4.964.291.141	-	796.028.589	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>118.188.188.943</b>	<b>(1.877.073.475)</b>	<b>152.296.951.410</b>	<b>(1.879.034.009)</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Số đầu kỳ	1.879.034.009	723.740.777
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(1.960.534)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.877.073.475</b>	<b>723.740.777</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc, thiết bị (*)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*)	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	71.852.084.608	108.456.109.329	21.333.682.279	1.579.990.676	203.021.866.892
- Mua trong kỳ	-	167.495.000	790.606.636	-	928.101.636
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	1.086.324.192	-	1.086.324.192
- Thanh lý, nhượng bán	(367.844.554)	-	(632.836.568)	-	(1.000.681.222)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	71.284.239.954	108.623.604.329	22.547.776.539	1.579.990.676	204.035.611.498
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	795.241.795	27.381.638.119	7.620.434.320	1.328.216.390	37.125.530.624
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	33.650.202.486	55.057.560.891	14.620.918.760	1.328.216.390	104.656.898.527
- Khấu hao trong kỳ	1.310.060.267	3.593.799.409	773.079.902	-	5.476.939.576
- Thanh lý, nhượng bán	(307.763.351)	-	(503.607.862)	-	(811.371.213)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	34.652.499.402	58.451.360.300	14.890.390.800	1.328.216.390	109.322.466.892
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	38.001.882.122	53.398.548.438	6.712.763.519	251.774.286	98.364.968.365
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	36.631.740.552	50.172.244.029	7.657.385.739	251.774.286	94.713.144.606

Một số tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc đã được thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 15.

(\*) Nhóm Công ty đã cho thuê một số tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.041.600.000	244.481.111	1.286.081.111
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	1.041.600.000	244.481.111	1.286.081.111
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	75.000.000	-	75.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	236.100.000	85.568.385	321.668.385
- Hao mòn trong kỳ	80.550.000	24.448.110	104.998.110
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	316.650.000	110.016.495	426.666.495
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	805.500.000	158.912.726	964.412.726
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	724.950.000	134.464.616	859.414.616

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (bếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018				Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào công ty liên kết								
Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD	35,00%	287.482.979.838	-	287.482.979.838	35,00%	259.009.962.100	-	259.009.962.100
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>287.482.979.838</b>	<b>-</b>	<b>287.482.979.838</b>		<b>259.009.962.100</b>	<b>-</b>	<b>259.009.962.100</b>

Thông tin chi tiết về công ty liên kết này tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 như sau:

Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD là một công ty được thành lập tại Việt Nam theo Luật Đầu tư Nước ngoài theo Giấy phép Đầu tư số 1018/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp vào ngày 25 tháng 10 năm 1994 và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 1018/GCNDCC3-BKH ngày 23 tháng 8 năm 2006. Công ty này có trụ sở chính tại số 44B, đường Lý Thường Kiệt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng, vận hành máy trò chơi điện tử có thưởng trong khuôn viên khách sạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

*Đơn vị tính: VND*

Công ty TNHH  
S.A.S – CTAMAD

**Giá trị đầu tư:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 179.842.195.109

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 179.842.195.109

**Phản lũy kế lợi nhuận:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 79.167.766.991

Phản lợi nhuận từ công ty liên kết 28.473.017.738

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 107.640.784.729

**Giá trị còn lại:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 259.009.962.100

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 287.482.979.838

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Tiền thuê đất trả trước	2.085.108.940	2.129.107.636
Công cụ, dụng cụ	1.272.815.722	1.422.409.472
Chi phí sửa chữa	1.073.118.586	1.304.762.394
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.431.043.248</u></b>	<b><u>4.856.279.502</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**15.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	11.598.709.341	11.598.709.341	48.886.867.522	48.886.867.522
- Shaanxi JC Engineering and Trading Co., Ltd	4.386.326.028	4.386.326.028	51.165.000	51.165.000
- Y&W Engineering and Trading Co., Ltd	195.925.920	195.925.920	18.522.184.800	18.522.184.800
- Công ty TNHH NTT	-	-	12.164.674.709	12.164.674.709
- Phải trả đối tượng khác	7.016.457.393	7.016.457.393	18.148.843.013	18.148.843.013
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	31.148.208.064	31.148.208.064	6.579.665.400	6.579.665.400
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.746.917.405</b>	<b>42.746.917.405</b>	<b>55.466.532.922</b>	<b>55.466.532.922</b>

**15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.400.031.784
Công ty TNHH Điện lực BOT Phú Mỹ 3	541.500.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Apatit Việt Nam	346.300.000	-
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	-	1.322.756.908
Công ty TNHH Duyên Hà	-	753.500.000
Các đối tượng khác	512.231.784	2.014.864.860
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 30)	211.408.951	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.611.440.735</b>	<b>4.091.121.768</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
Thuế giá trị gia tăng	924.459.155	10.599.600.317	(11.072.245.032)	451.814.440
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.937.220.946	780.065.216	(6.717.286.162)	-
Thuế thu nhập cá nhân	129.173.270	1.048.925.682	(1.113.608.354)	64.490.598
Thuế đất	-	2.133.549.970	(2.133.549.970)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.000.000	(7.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.990.853.371</b>	<b>14.569.141.185</b>	<b>(21.043.689.518)</b>	<b>516.305.038</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Cổ tức phải trả	54.981.460.500	15.771.900
Tiền thưởng nhân viên phải trả	-	2.659.057.678
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>742.221.580</u>	<u>756.381.524</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>55.723.682.080</u></b>	<b><u>3.431.191.102</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	<i>36.363.367.500</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>19.360.314.580</i>	<i>3.431.191.102</i>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (bếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngân hàng	18.1	140.947.665.234	155.535.601.640	(177.421.362.235)	119.061.904.639	119.061.904.639
Vay từ đối tượng khác	18.2	12.513.063.000	6.277.200.000	(10.363.550.000)	8.426.733.000	8.426.733.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>153.460.748.234</b>	<b>161.812.801.640</b>	<b>(187.784.912.235)</b>	<b>127.488.637.639</b>	<b>127.488.637.639</b>

**18.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn bằng VND được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	71.791.753.599	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 16 tháng 11 năm 2018	5,2% - 5,8%	Một số tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	27.449.815.152	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 26 tháng 12 năm 2018	4,7% - 5,8%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Tây Nam Hà Nội	16.605.731.734	Kỳ hạn vay từ 3 đến 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 29 tháng 12 năm 2018	5,1% - 5,3%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Mỹ Đình	3.214.604.154	Kỳ hạn vay 6 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 26 tháng 12 năm 2018	3,9%	Một số khoản phải thu khách hàng
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>119.061.904.639</b>			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VAY NGẮN HẠN** (tiếp theo)

**18.2 Các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác bằng VND được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Cán bộ công nhân viên Công ty	7.826.733.000	Thanh toán khi có yêu cầu	5%	Tin chấp
Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	600.000.000	Thanh toán khi có yêu cầu	5,5%	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.426.733.000</b>			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Dự phòng chi phí bảo hành	5.903.220.568	10.668.139.193
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.903.220.568</b>	<b>10.668.139.193</b>
<b>Dài hạn</b>		
Dự phòng chi phí bảo hành	6.407.549.185	6.122.073.434
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.407.549.185</b>	<b>6.122.073.434</b>

Dự phòng bảo hành được trích lập dựa trên các sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất và bán ra trong các năm trước theo điều khoản hợp đồng và thời gian bảo hành cam kết với khách hàng (từ 5 tháng đến 6 năm).

**20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Số đầu kỳ	7.674.358.780	5.802.668.653
Trích quỹ trong kỳ	2.436.270.000	6.577.171.621
Sử dụng trong kỳ	(5.494.100.650)	(3.729.889.371)
Số cuối kỳ	<b>4.616.528.130</b>	<b>8.649.950.903</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	4.830.224.674	187.920.935.085	15.584.710.457	574.899.053.562
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	47.371.908.178	143.467.163	47.515.375.341
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.095.802.127	(3.095.802.127)	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.481.065.854)	(56.105.767)	(5.537.171.621)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(73.288.740.000)	(1.124.652.000)	(74.413.392.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	7.925.026.801	152.427.235.283	14.507.419.853	541.423.865.282
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	7.925.026.801	181.581.913.159	9.035.521.784	565.076.845.089
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	30.805.131.213	57.908.669	30.863.039.872
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(54.968.555.000)	-	(54.968.555.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.431.620.000)	-	(2.431.620.000)
- Mua thêm lợi ích tài sản đồng không kiểm soát	-	-	-	-	63.489.806	(9.063.489.605)	(9.000.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	368.000.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	7.925.026.801	155.022.338.978	29.960.837	529.541.509.961

(\*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2018/NQ-DHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018, Công ty đã trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	242.422.450.000	242.422.450.000	-	242.422.450.000	242.422.450.000	-
Cổ đông khác	124.021.250.000	124.021.250.000	-	124.021.250.000	124.021.250.000	-
Cổ phiếu quỹ	1.556.300.000	1.556.300.000	-	1.556.300.000	1.556.300.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>368.000.000.000</b>	<b>-</b>

**21.3 Cổ tức**

Đơn vị tính: VND

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**Cổ tức đã công bố trong kỳ**

Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông

Cổ tức cho năm 2016: 2.000 VND/cổ phiếu - 73.288.740.000

Cổ tức cho năm 2017: 1.500 VND/cổ phiếu 54.966.555.000 -

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 - -

**21.4 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đang ký phát hành	36.800.000	368.000.000.000	36.800.000	368.000.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.800.000	368.000.000.000	36.800.000	368.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	36.800.000	368.000.000.000	36.800.000	368.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	155.630	1.589.412.600	155.630	1.589.412.600
Cổ phiếu phổ thông	155.630	1.589.412.600	155.630	1.589.412.600
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	36.644.370	366.410.587.400	36.644.370	366.410.587.400
Cổ phiếu phổ thông	36.644.370	366.410.587.400	36.644.370	366.410.587.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết Sàn Giao dịch Chứng Khoán Upcom với mã chứng khoán là HEM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	18.709	57

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>210.162.486.681</b>	<b>387.908.874.458</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	115.344.903.573	354.385.900.871
Doanh thu bán hàng hóa	60.540.546.156	10.391.482.694
Doanh thu cung cấp dịch vụ (*)	34.277.036.952	23.131.490.893
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(74.669.751)</b>	<b>(469.961.748)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>210.087.816.930</b>	<b>387.438.912.710</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	174.942.797.567	372.660.944.200
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)	35.145.019.363	14.777.968.510

(\*) Bao gồm doanh thu từ cho thuê tài sản cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 với số tiền là 1.655.000.000 VND.

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.484.760.975	2.130.947.078
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	23.625.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	53.954.476
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.484.760.975</b>	<b>25.809.901.554</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	94.805.699.025	301.430.659.490
Giá vốn của hàng hóa đã bán	55.160.440.823	9.032.310.663
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	21.349.764.436	12.959.054.262
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>171.315.904.284</u></b>	<b><u>323.422.024.415</u></b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	16.634.670.000	-
Chi phí lãi vay	3.622.496.768	2.026.831.627
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	147.346.018	342.947.810
Lỗ chênh lệch tỷ giá	84.972.603	3.963.122
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.489.485.389</u></b>	<b><u>2.373.742.559</u></b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	1.922.841.666	2.315.563.968
Chi phí khấu hao tài sản cố định	93.884.844	116.518.157
Chi phí bảo hành	(3.804.121.143)	4.975.729.905
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.013.822.476	4.724.476.055
Chi phí bán hàng khác	3.309.339.569	3.492.443.507
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.535.767.412</u></b>	<b><u>15.624.731.592</u></b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	4.738.097.082	8.915.922.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	603.411.488	640.194.689
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.887.670.451	2.365.607.756
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.821.505.848	6.494.283.772
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.050.684.869</u></b>	<b><u>18.416.008.617</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Thu nhập khác</b>		
Hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.289.304.810	-
Thu nhập khác	1.149.982.377	615.700.000
	<b>2.439.287.187</b>	<b>615.700.000</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản phạt	-	2.597.472.710
Chi phí khác	449.935.788	149.530.986
	<b>449.935.788</b>	<b>2.747.003.696</b>
<b>LỢI NHUẬN/(LỖ) THUẦN KHÁC</b>	<b>1.989.351.399</b>	<b>(2.131.303.696)</b>

**28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.567.767.030	282.701.386.536
Chi phí nhân công	20.538.863.343	35.277.238.316
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.152.527.042	5.098.734.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.139.832.967	10.108.853.687
Chi phí khác	7.463.998.556	17.168.878.958
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>100.862.988.938</b>	<b>350.355.091.930</b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Ngoại trừ trường hợp của công ty con là Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con khác là 20% thu nhập chịu thuế.

Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội được áp dụng thuế suất là 10% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**29.1 Chi phí thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.843.105.088	53.643.666.635
Thuế TNDN theo thuế suất phổ thông áp dụng cho Công ty và các công ty con	6.308.708.971	10.712.818.011
Các khoản điều chỉnh:		
Các khoản phạt	-	519.494.542
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận đối với lỗ tính thuế	134.144.683	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(5.694.603.548)	(5.197.532.650)
Lỗ năm trước chuyển sang	(19.912.046)	-
Chi phí không được khấu trừ khác	51.727.156	93.511.391
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>780.065.216</b>	<b>6.128.291.294</b>

**29.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**29.3 Lỗ chuyển sang từ năm trước**

Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội và Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau kỳ phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội và Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội có khoản lỗ tính thuế lũy kế với tổng số tiền là 824.263.047 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai, chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đơn vị tính: VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2018	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018
2017	2022	352.680.096	(199.120.462)	-	153.539.634
2018	2023	670.723.413	-	-	670.723.413
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.023.383.509</b>	<b>(199.120.462)</b>	<b>-</b>	<b>824.263.047</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.1 Lỗi chuyển sang từ năm trước (tiếp theo)**

(\*) Đây là khoản lỗ tính thuế ước tính của Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội và Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội và Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	36.363.367.500	48.484.490.000
		Cổ tức đã trả	-	48.484.490.000
		Mua vật tư, hàng hóa	9.522.265.386	362.039.950
		Mua dịch vụ	337.124.304	-
		Bù trừ công nợ	201.758.036	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa	41.609.663.309	12.441.162.950
		Doanh thu bán hàng hóa	16.125.688.181	4.918.826.000
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.655.000.000	-
		Bù trừ công nợ	4.614.500.000	-
		Mua dịch vụ	781.485.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị điện Gelex	Cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng hóa	10.077.620.000	14.400.000
		Mua vật tư, hàng hóa	3.578.762.720	-
Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa	398.538.800	709.849.878
		Doanh thu bán hàng hóa	-	284.972.728
Công ty TNHH S.A.S – CTAMAD	Công ty liên kết	Thu nhập khác	615.600.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Doanh thu bán hàng hóa	7.066.749.000	9.339.807.600
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	219.962.182	219.962.182
		Mua vật tư, hàng hóa	693.708.268	694.435.900
		Bù trừ công nợ	693.708.268	694.435.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, cho vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, Nhóm Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Nhóm Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:  
*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</b>				
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	28.457.757.864	29.776.933.402
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, dịch vụ	56.100.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị điện Gelex	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	32.776.152.574
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	1.160.202.500
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	201.758.036
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>28.513.857.864</b>	<b>63.915.046.512</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15.1)</b>				
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	23.789.992.780	6.568.379.400
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	7.291.855.604	-
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị điện Gelex	Cùng công ty mẹ	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	66.559.680	11.286.000
Công ty cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Cùng Tập đoàn	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	19.800.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>31.148.208.064</b>	<b>6.579.665.400</b>
<b>Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 15.2)</b>				
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	211.408.951	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>211.408.951</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	36.363.367.500	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>36.363.367.500</b>	<b>-</b>

KẾ TÍNH TOÁN  
 CÔNG TY CỔ PHẦN  
 CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ  
 HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Tổng thu nhập	1.339.503.540	1.865.028.050
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.339.503.540</b>	<b>1.865.028.050</b>

**31. CÁC CAM KẾT**

*Cam kết cho thuê hoạt động*

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê nhà xưởng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Đến 1 năm	5.466.750.000	543.000.000
Từ 1 – 5 năm	16.641.500.000	543.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>22.108.250.000</b>	<b>1.086.000.000</b>

*Cam kết về thuê hoạt động*

Nhóm Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Nhóm Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Đến 1 năm	4.150.232.496	4.150.232.496
Từ 1 – 5 năm	16.600.929.984	16.600.929.984
Trên 5 năm	94.238.515.024	96.296.575.522
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>114.989.677.504</b>	<b>117.047.738.002</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30.805.131.213	47.371.908.178
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(1.432.549.870)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>30.805.131.213</b>	<b>45.939.358.308</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	36.644.370	36.644.370
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>36.644.370</b>	<b>36.644.370</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
Lãi cơ bản	841	1.254
Lãi suy giảm	841	1.254

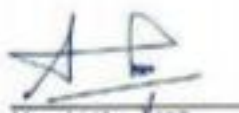
(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty và các công ty con.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Người lập  
Lê Thanh Hải



Kế toán trưởng  
Nguyễn Thị Thanh Yên



Tổng Giám đốc  
Bùi Quang Vinh



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2018